



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Lời ban biên tập

Năm 2018 là năm thứ ba liên tiếp Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG đạt danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam. Xuyên suốt 40 năm kiên định với mục tiêu trở thành doanh nghiệp may xuất khẩu hàng đầu Việt Nam, từng bước đưa thương hiệu hàng dệt may Việt Nam vươn xa trên thị trường thế giới. Bằng những nỗ lực của tập thể người lao động TNG, sự nhạy bén trong định hướng và thực hiện các chiến lược cụ thể phù hợp với bối cảnh thực tế, TNG đã đạt được nhiều thành công lớn.

Báo cáo thường niên TNG 2018 chọn chủ đề "Tăng trưởng bền vững - Kiến tạo tương lai" cùng hình ảnh về con người, nhà máy và các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gửi đi thông điệp về sự đoàn kết, không ngừng nỗ lực, phát huy sức mạnh nền tảng để tiếp tục phát triển mở rộng và nâng tầm thương hiệu TNG.

Năm 2018, TNG đã xây dựng lộ trình cụ thể phù hợp với từng thời điểm, trong đó may mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất, kinh doanh mới, phục vụ trực tiếp cho hàng giặt, bao bì, in, thêu... Phát triển thị trường xuất khẩu, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa, mở rộng sản xuất kinh doanh được TNG cụ thể hóa bằng việc đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất hàng may mặc trên địa bàn tỉnh. Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2019 - 2024, TNG đã và sẽ đầu tư xây dựng mới những Nhà máy TNG Võ Nhai, TNG Đồng Hỷ, nhà máy tại Cụm Công Nghiệp Sơn Cẩm 1 với tổng vốn lên tới 1.437 tỷ đồng, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm phụ trợ ngành may... để ngày càng tiến xa hơn trên con đường đổi mới, phát triển.

Bên cạnh đó, trước những thay đổi liên tục của thị trường dệt may quốc tế, TNG đã và đang nghiên cứu, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến mới vào sản xuất. Dự án Nhà máy xanh của TNG đang được nghiên cứu triển khai hướng đến các tiêu chí: Nâng cao năng lực sản xuất, tiết kiệm năng lượng; sử dụng hợp lý nguồn nước và vật liệu thân thiện với môi trường... Cùng sự phát triển mạnh mẽ, TNG còn hướng đến và cam kết sự phát triển xanh cho môi trường mà chúng tôi sẽ báo cáo chi tiết hơn trong Báo cáo Phát triển Bền vững của TNG 2018.

TNG rất mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ phía quý các Cổ đông, các Nhà đầu tư, các CBCNV TNG và độc giả để nội dung các báo cáo sau của TNG sẽ ngày càng hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Ban biên tập Báo cáo thường niên TNG 2018.

Cam kết tính trung thực và hợp lý báo cáo thường niên niên độ 2018 (01/01/2018 - 31/12/2018), Tiểu ban KTNB Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG với mục tiêu đảm bảo các rủi ro trọng yếu được quản lý và kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản trị rủi ro, cải tiến hệ thống cũng như quy trình quản trị, từ đó giúp Công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

Trong vai trò, trách nhiệm của Tiểu ban KTNB, chúng tôi cam kết:

Các nội dung được trình bày trong BCTN niên độ 2018 (01/01/2018 - 31/12/2018) đáp ứng các quy định về CBTT cụ thể theo yêu cầu của TT 155/2015/ TT-BTC trên TTCK. Chúng tôi nhận thấy Công ty đang nỗ lực hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn như:

- ◆ Quy tắc quản trị công ty của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD
- ◆ Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo Phát triển bền vững toàn cầu GRI
- ◆ Thẻ điểm quản trị Công ty Khu vực ASEAN
- ◆ Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực quốc tế IIRC

Ban Lãnh đạo Công ty đã thiết lập quy trình thực hiện và Tiểu ban KTNB đã thực hiện kiểm soát để đảm bảo sự hợp lý và chính xác của các chỉ số được lựa chọn và trình bày trong BCTN niên độ 2018 (01/01/2018 - 31/12/2018).

Ban KTNB nhận thấy BCTN niên độ 2018 (01/01/2018 - 31/12/2018) Của Công ty đã trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhằm phản ánh các thông tin về tình hình hoạt động SXKD trong niên độ, hướng tới mục tiêu bảo vệ quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư và các bên liên quan.

TRƯỞNG TIỂU BAN KTNB



HÀ THỊ TUYẾT

NỘI DUNG

Lời ban biên tập
Cam kết tính trung thực và hợp lý của Báo cáo
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
Tầm nhìn - sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Lời cam kết của TNG
Thông điệp của chủ tịch HĐQT

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin tổng quan
Quá trình hình thành phát triển
Lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Các công ty con, công ty liên doanh liên kết
Danh mục các sản phẩm tiêu biểu
Các sự kiện nổi bật trong năm
Danh hiệu, các giải thưởng đã đạt được trong năm
Định hướng phát triển
Phân tích SWOT
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng quản trị
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
Giới thiệu Tiểu ban Kiểm toán nội bộ
Tổ chức và nhân sự
Thông tin về cổ phiếu và cơ cấu Cổ đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Báo cáo của Ban TGD
Báo cáo của HĐQT
Báo cáo của Tiểu Ban KTNB

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thành viên và cơ cấu HĐQT 80
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và TBKTNB 88
Quản trị rủi ro 90

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Sự phát triển bền vững của TNG trong mối quan hệ với sự phát triển bền vững của ngành dệt may Việt Nam và toàn cầu 96
Nhà máy xanh - TNG Võ Nhai 104
Thẻ điểm quản trị ASEAN 108

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Giám đốc 141
Báo cáo kiểm toán độc lập 143
Bảng cân đối kế toán 145
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 147
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 148
Thuyết minh báo cáo tài chính 150

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNG	Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
KTNB	Kiểm toán nội bộ
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
NSNN	Ngân sách Nhà nước
VĐL	Vốn điều lệ
PTBV	Phát triển bền vững



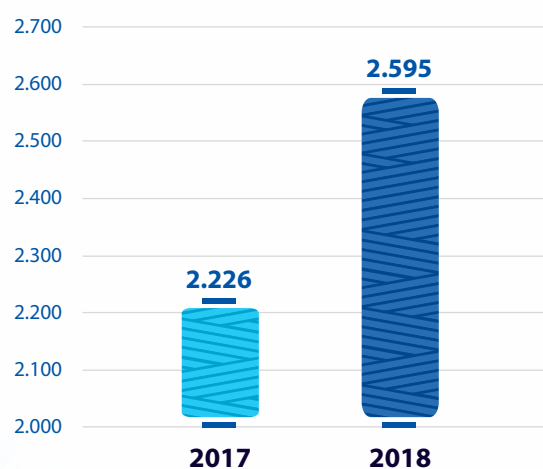
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
◆ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,81	0,93
◆ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
◆ Hệ số nợ/ Tổng Tài Sản	71,75%	70,38%
◆ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,54	2,38
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
◆ Vòng quay hàng tồn kho	3,88	4,17
◆ Doanh thu thuần / Tổng Tài sản	1,22	1,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
◆ Hệ Số LNST/ Doanh thu thuần	4,63%	5,00%
◆ ROE	20,02%	25,39%
◆ ROA	5,66%	7,52%

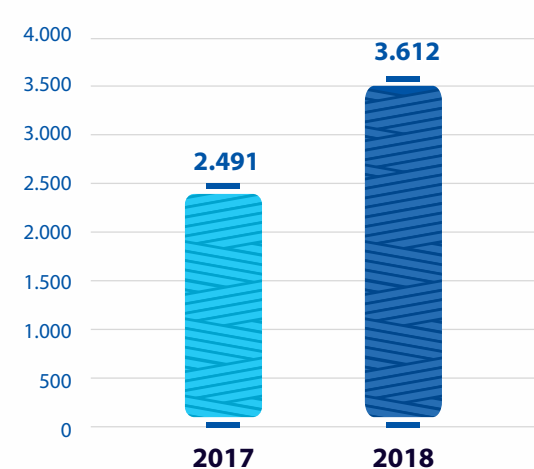
TỔNG TÀI SẢN

Tỷ đồng



TỔNG DOANH THU

Tỷ đồng

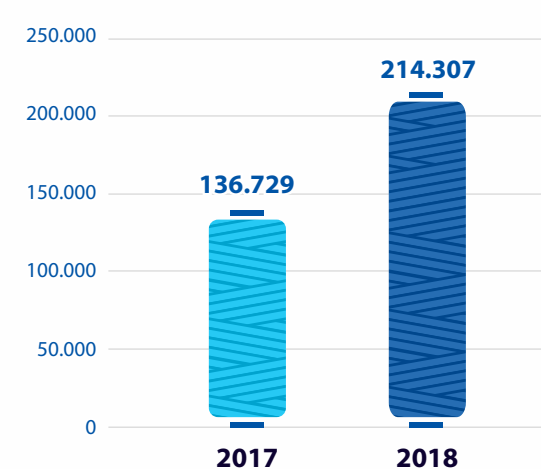


TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU (ĐVT: ĐỒNG)	31/12/2017	31/12/2018	TỶ LỆ TĂNG/GIẢM (%)
Tổng Tài sản	2.225.689.630.879	2.595.435.203.194	16,6
Tài sản ngắn hạn	1.110.697.005.651	1.374.586.811.751	23,8
Tài sản dài hạn	1.114.992.625.228	1.220.848.391.443	9,5
Tổng Nguồn vốn	2.225.689.630.879	2.595.435.203.194	16,6
Nợ phải trả	1.596.422.283.808	1.801.370.803.699	12,8
Vốn chủ sở hữu	629.267.347.071	794.064.399.495	26,2
Vốn điều lệ	411.172.910.000	493.401.800.000	20,0
Tổng Doanh thu	2.491.018.919.278	3.612.896.996.945	45,0
Tổng chi phí	2.368.120.867.147	3.426.877.595.193	44,7
Lãi vay	73.972.440.896	91.500.188.015	23,7
EBIT	273.657.431.006	350.500.201.092	28,1
Lợi nhuận trước thuế	136.728.778.395	214.307.019.319	56,7
Lợi nhuận sau thuế	115.154.170.028	180.260.470.141	56,5
Nộp NSNN	16.398.000.000	47.328.000.000	188,6
Tổng giá trị thực hiện các dự án đầu tư và mua sắm TS	110.039.100.233	209.823.022.385	90,7

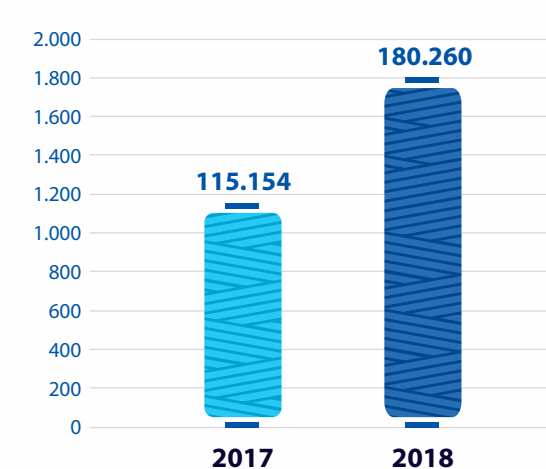
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Tỷ đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Tỷ đồng





TÂM NHÌN

- ◆ Là Công ty đại chúng trong TOP đầu minh bạch nhất, quản trị tốt nhất, phát triển bền vững nhất.
- ◆ Là Công ty sản xuất và bán lẻ từ thị trường trong nước đến thị trường toàn cầu có doanh thu tiêu thụ đạt TOP tỷ đô la Mỹ.



SỨ MỆNH

- ◆ Chịu trách nhiệm tuyệt đối cho tất cả các sản phẩm cung cấp đến tay người tiêu dùng.
- ◆ Mang lại hạnh phúc cho người lao động, khách hàng và cộng đồng dân cư.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ◆ **Trách nhiệm:** Thực hiện đạo đức kinh doanh trong công việc, đảm bảo mọi chế độ, quyền lợi của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- ◆ **Môi trường làm việc:** Nơi xứng đáng để cống hiến và làm việc.
- ◆ **Phát triển tương lai xanh:** Vì một màu xanh TNG chú trọng mọi hoạt động liên quan đời sống người lao động, cộng đồng địa phương. Thực hiện phương châm hành động: *"Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường"*.
- ◆ **Phát triển bền vững:** Chúng tôi cam kết đảm bảo lợi ích dài hạn đa chiều trong hoạt động với khách hàng và các bên có liên quan.

LỜI CAM KẾT

KHÁCH HÀNG

- ◆ Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.
- ◆ Chất lượng sản phẩm tốt, giá cả cạnh tranh.
- ◆ Bảo vệ quyền lợi khách hàng về thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa.
- ◆ Đảm bảo uy tín, tôn trọng khách hàng.
- ◆ Cam kết thời gian sản xuất, năng lực với khách hàng.
- ◆ Cam kết thời gian giao hàng.
- ◆ Cam kết chống tiêu cực, hối lộ trong sản xuất kinh doanh.

CỔ ĐỒNG

- ◆ Công khai, minh bạch, công bằng mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh.
- ◆ Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đồng.
- ◆ Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.
- ◆ Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển.

CỘNG ĐỒNG

- ◆ Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội.
- ◆ Tham gia các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội.
- ◆ Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường.
- ◆ Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ◆ Người lao động làm việc tại TNG không bị vi phạm quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- ◆ Mọi quyền lợi của người lao động làm việc tại TNG theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.





Hiện tại TNG đang vận hành 13 nhà máy, trên 35 cửa hàng thời trang, đại lý trên khắp cả nước và 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ. Năm 2018, tổng doanh thu của TNG đạt 3.612 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 180 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 47 tỷ đồng

“KIÊN ĐỊNH TIẾN BƯỚC, HƯỚNG TỚI THÀNH CÔNG”

Kính thưa Quý Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và toàn thể CBCNV TNG,

Năm 2018, TNG và ngành dệt may Việt Nam đã gặp không ít những khó khăn thách thức vì sự biến động của thị trường. Trước tình hình đó, chúng tôi rất vui mừng nhận được sự tin tưởng đồng hành, sự sẻ chia trách nhiệm từ phía quý các Cổ đông, nhà đầu tư và toàn thể CBCNV của TNG. Trong thời gian qua, TNG đã phát huy các ưu thế từ sức mạnh nền tảng cùng với sự nỗ lực không ngừng của Ban TGD và tập thể người lao động, do đó kết quả kinh doanh của Công ty vẫn tăng trưởng ấn tượng, mang lại nhiều lợi ích cho Cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động, cung cấp đến người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng với trách nhiệm cao nhất, đóng góp tích cực cho ngân sách địa phương, chung tay phát triển cộng đồng xã hội. Về mặt vận hành sản xuất kinh doanh, hiện tại TNG đang vận hành 13 nhà máy, trên 35 cửa hàng thời trang, đại lý trên khắp cả nước và 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ. Năm 2018, tổng doanh thu của TNG đạt 3.612 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 180 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 47 tỷ đồng. Và đặc biệt chúng tôi đang hàng ngày chăm sóc cho hơn 14.000 CBCNV, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của địa phương.

Năm 2019, trong tiến trình đổi mới và hội nhập của kinh tế Việt Nam, TNG quyết tâm hoàn thành kế hoạch đề ra, chinh phục các mục tiêu lớn để phát triển và đem lại giá trị bền vững, lâu dài cho quý Cổ đông và các bên liên quan. TNG sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược trung và dài hạn, tăng trưởng quy mô đi đôi với kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nâng cao trình độ công nghệ, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội. HĐQT kỳ vọng vào Ban TGD và toàn thể

CBCNV cùng đoàn kết, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, lập thành tích chào mừng 40 năm hành trình xây dựng thương hiệu TNG. HĐQT cam kết sẽ đồng hành với Ban TGD xây dựng chiến lược phù hợp với mục tiêu không ngừng mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị nội bộ và quản lý rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Chúng tôi nhận thức sâu sắc những thành tích đã đạt được là thành quả chung của tất cả CBCNV, và Công ty mong muốn chia sẻ niềm vui cùng quý vị với tình cảm tri ân sâu sắc nhất. Năm 2019, tuy nhận định còn nhiều khó khăn thách thức nhưng tôi tin rằng, với sự quyết tâm của Ban lãnh đạo, sự tin tưởng của các Cổ đông và sự đồng lòng nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV, TNG vững tin phát triển mạnh mẽ và bền vững. Kiên định tiến bước chúng ta nhất định sẽ đạt nhiều thành tựu to lớn hơn trên con đường phát triển.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.

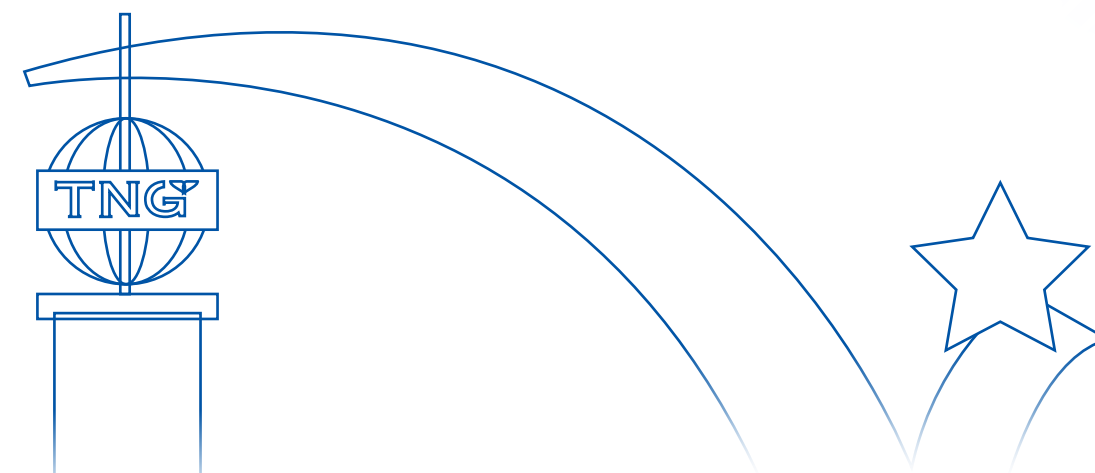
TM. HĐQT
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN THỜI



GIỚI THIỆU CHUNG

- 14 Thông tin tổng quan
- 16 Quá trình hình thành phát triển
- 18 Lĩnh vực, ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Các công ty con, công ty liên doanh liên kết
- 24 Danh mục các sản phẩm tiêu biểu
- 26 Các sự kiện nổi bật trong năm
- 27 Danh hiệu, các giải thưởng đã đạt được
- 28 Định hướng phát triển
- 30 Phân tích SWOT
- 32 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 34 Sơ đồ tổ chức
- 36 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 40 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 42 Giới thiệu Ban Kiểm toán nội bộ
- 44 Tổ chức và nhân sự
- 50 Thông tin về cổ phiếu và cơ cấu Cổ đông



Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Tên Tiếng Anh: **TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY**

Vốn điều lệ: 493.401.800.000 đồng Mã chứng khoán: TNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 4600305723

Do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 27/07/2018

Trụ sở chính: Số 434/1, Đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.858.508 Email: info@tng.vn Website: http://tng.vn http://tngfashion.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NEW YORK

Địa chỉ: Số 79 Madison street New York, NY 10016, Hoa Kỳ Email: linh@tng.vn Điện thoại: +1.732.406.4006

VỐN ĐIỀU LỆ

493.401.800.000

ĐỒNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



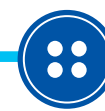
Giai đoạn 1979 đến 2003 Thời kỳ doanh nghiệp Nhà nước.

22/11/1979

Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái với 02 chuyên sản xuất nhận viện trợ của Cộng hòa Dân chủ Đức.

04/11/1997

Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty May Thái Nguyên theo Quyết định số 676/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Nguyên.
Liên doanh với Công ty May Đức Giang của Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty may Liên doanh Việt Thái.



Giai đoạn 2003 đến 2007: Giai đoạn sau cổ phần hóa, chuẩn bị niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

2003

Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên.

2006

Khởi công xây dựng nhà máy TNG Sông Công.

2007

Đổi tên thành Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
Cổ phiếu TNG được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là TNG.



Giai đoạn 2008 đến 2018 Đầu tư công nghệ, khẳng định và phát triển thương hiệu.

2018

- Khởi công xây dựng tòa nhà thương mại TNG Village.
- Mua lại Nhà máy may DG, đổi tên thành Nhà máy may TNG Đồng Hỷ và đầu tư nâng công suất nhà máy lên 35 chuyên may.

- Phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi 200 tỷ cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đề tài "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ may không chỉ trên sản phẩm áo sơ mi" và được Cục bản quyền tác giả chứng nhận đăng ký quyền tác giả, số 2773/2008/QTG ngày 4/6/2018.

2013

Khởi công xây dựng nhà máy TNG Đại Từ.

2010

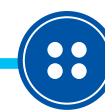
Khởi công xây dựng nhà máy TNG Phú Bình.

2016

Khánh thành đưa vào hoạt động Trung tâm thiết kế thời trang TNG và văn phòng làm việc của Công ty.



Đây là giai đoạn đổi mới, đầu tư công nghệ tự động hóa một cách mạnh mẽ, là thời kỳ phát triển và khẳng định thương hiệu, tập trung phát triển, ứng dụng ERP trong việc quản lý sản xuất kinh doanh, đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy TNG theo mô hình nhà máy xanh.



Giai đoạn 2019 đến 2024: Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp bền vững.

LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ

Với slogan “TNG – Sự lựa chọn của tôi”, TNG hướng đến những sản phẩm may mặc đẹp mắt và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.

- ♦ TNG là đơn vị may công nghiệp xuất khẩu. Chuyên các sản phẩm chủ lực như áo jacket bông, lông vũ, quần áo dán seam, quần sooc các loại, váy, hàng trẻ em, quần áo nũ, hàng dệt kim; sản xuất bông tấm, trần bông, thêu công nghiệp, thùng carton, túi PE các loại, giặt công nghiệp.
- ♦ Sản xuất hàng nội địa mang thương hiệu TNG: TNG đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.

01

**Trụ sở chính tại
Tp. Thái Nguyên**

01

Công ty liên doanh, liên kết

01

**Nhà máy may phục vụ
sản xuất bán hàng trong nước**

01

**Văn phòng đại diện ở
New York – Hoa Kỳ**

02

Nhà máy phụ trợ

11

**Nhà máy may xuất khẩu
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

32

**Cửa hàng thời trang hoạt động
trên phạm vi cả nước**

ĐỊA BÀN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

♦ **NHÀ MÁY MAY VIỆT ĐỨC**

Thành lập năm 1979

Địa chỉ: Số 160 đường Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY MAY VIỆT THÁI**

Thành lập năm 1979

Địa chỉ: Số 221 đường Thống Nhất, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY MAY SÔNG CÔNG 1, 2, 3**

Thành lập năm 2006

Địa chỉ: KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY MAY PHÚ BÌNH 1, 2, 3, 4**

Thành lập năm 2010

Địa chỉ: Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY MAY ĐẠI TỪ**

Thành lập năm 2015

Địa chỉ: Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY MAY ĐỒNG HỖ**

Thành lập năm 2018

Địa chỉ: Xóm Ngòi Chẹo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên

♦ **NHÀ MÁY PHỤ TRỢ
(NHÀ MÁY BAO BÌ, NHÀ MÁY BÔNG)**

Thành lập năm 2006

Địa chỉ: Khu B, KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

♦ **TRUNG TÂM THIẾT KẾ THỜI TRANG**

Thành lập năm 2016

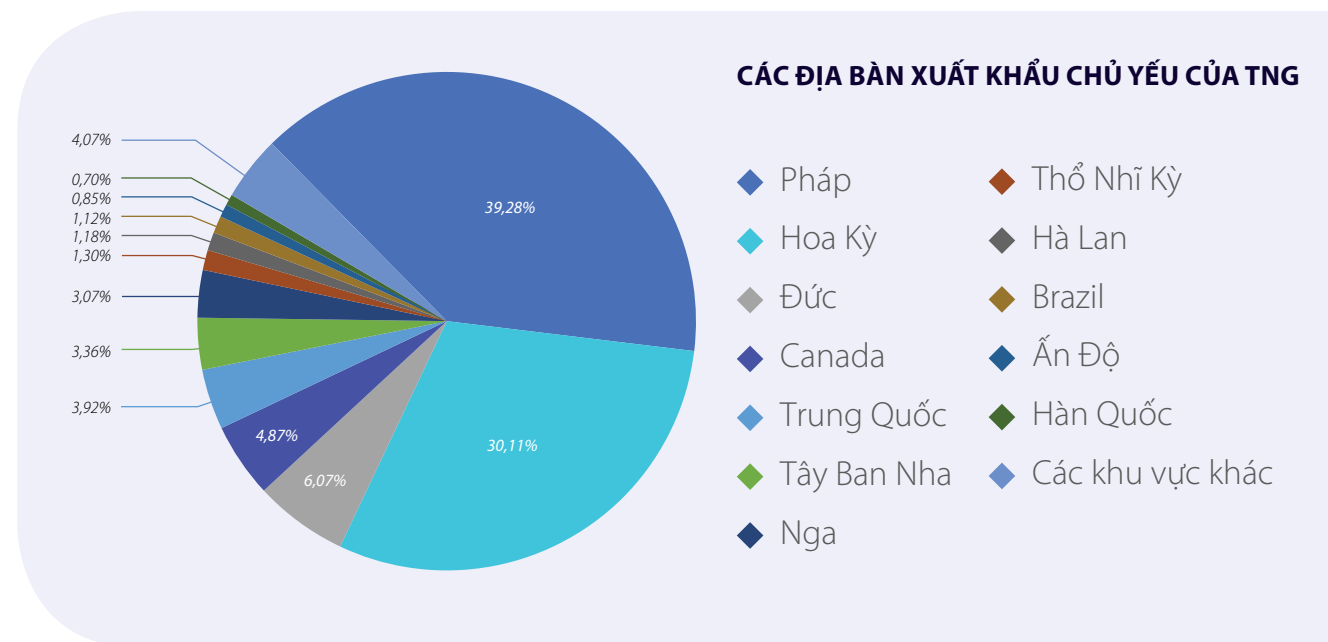
Địa chỉ: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên

Trung tâm thiết kế thời trang là trụ sở chính của chi nhánh thời trang, nơi có hàng chục cửa hàng thời trang công sở trải dài các tỉnh thành phố trên cả nước.

CÔNG TY LIÊN KẾT

♦ **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN BẮC THÁI**

Địa chỉ: Phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên





CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Công ty đặt trụ sở chính tại số 434/1, đường Bắc Kạn, Tp. Thái Nguyên; có 11 nhà máy may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 01 nhà máy may phục vụ sản xuất bán hàng trong nước, 02 nhà máy phụ trợ, 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ và 32 cửa hàng thời trang hoạt động trên phạm vi cả nước.

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC TNG



NHÀ MÁY MAY VIỆT ĐỨC

Thành lập năm 1979
Địa chỉ: Số 160 đường Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 9.847 m²
Chuyển may: 25 chuyển
Lao động: 1.350 người
Năng lực sản xuất: 2,2 triệu áo jacket/ 01 năm



NHÀ MÁY MAY VIỆT THÁI

Thành lập năm 1979
Địa chỉ: Số 221 đường Thống Nhất, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 12.691 m²
Chuyển may: 20 chuyển
Lao động: 1.080 người
Năng lực sản xuất: 1,8 triệu áo jacket/ 01 năm



NHÀ MÁY MAY SÔNG CÔNG 1, 2, 3

Thành lập năm 2006
Địa chỉ: KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 14.000 m²
Chuyển may: 88 chuyển
Lao động: 4.288 người
Năng lực sản xuất: 7,7 triệu áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, seam sealing jacket, cargo pants, bottom, leather jacket, kid items



NHÀ MÁY MAY PHÚ BÌNH 1, 2, 3, 4

Thành lập năm 2010
Địa chỉ: Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 93.131 m²
Chuyển may: 52 chuyển
Lao động: 3.780 người
Năng lực sản xuất: 4,5 triệu áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress



NHÀ MÁY MAY ĐẠI TỪ

Thành lập năm 2015
Địa chỉ: Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 13.388 m²
Chuyển may: 35 chuyển
Lao động: 1.890 người
Năng lực sản xuất: 3 triệu áo jacket / 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress



NHÀ MÁY MAY ĐỒNG HỖ

Thành lập năm 2018
Địa chỉ: Xóm Ngòi Chèo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
Diện tích nhà xưởng: 12.760 m²
Chuyển may: 9 chuyển may
Lao động: 486 người
Năng lực sản xuất: 783 nghìn áo jacket/ 01 năm
Sản phẩm chính: Padding jacket, down jacket, bottom, denim pants, wool jacket, jumpsuit, dress



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT (TIẾP THEO)

CÁC NHÀ MÁY HẠCH TOÁN TRỰC THUỘC CỦA TNG



CHI NHÁNH THỜI TRANG TNGF

Thành lập năm 2012

Địa chỉ: Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Tp.Thái Nguyên



NHÀ MÁY PHỤ TRỢ

Thành lập năm 2006

Địa chỉ: Khu B, KCN Sông Công, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Nhà máy bao bì

Hoạt động chính: Sản xuất bao bì từ giấy và nilon, giặt là, in, thêu

Công suất: 16.000 m² carton/ 1 ngày, 600 kg túi PE/ 1 ngày

Nhà máy bông

Hoạt động chính: Sản xuất bông

Công suất: 20.000 yds bông/ 1 ngày

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN BẮC THÁI

Địa chỉ: 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Giá trị vốn góp: 771.150.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: TNG góp 49% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp các công trình về lưới điện

TNG hiện đang tham gia vào quá trình tái cơ cấu, hoàn thiện bộ máy và chiến lược kinh doanh



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Sau hơn 40 năm phát triển, TNG đã cung ứng ra thị trường nhiều loại sản phẩm thời trang với chất lượng đảm bảo, đa dạng về chủng loại, được người tiêu dùng trong và ngoài nước đón nhận một cách tích cực. Các sản phẩm phục vụ sản xuất công nghiệp của TNG cũng đã góp một phần lớn vào cơ cấu doanh thu của TNG, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.



May công nghiệp xuất khẩu: Áo jacket bông, lông vũ, quần áo dán seam, quần sooc, các loại váy, hàng trẻ em, hàng dệt kim. . . .

Bông tấm, trần bông, thêu công nghiệp, in công nghiệp. . .



Thùng Carton, túi PE các loại, giặt công nghiệp. . . .

Sản xuất hàng thời trang công sở nội địa mang thương hiệu TNG. . . .





- ♦ Áp dụng các tiêu chuẩn theo thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean (ACMF) để đánh giá tình hình quản trị công ty 2018.
- ♦ Sử dụng tiêu chuẩn GRI trong việc lập và trình bày Báo cáo phát triển bền vững 2018.
- ♦ Ngày 12/12/2018 phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi trị giá 200 tỷ cho nhà đầu tư là Korea Investment & Securities Co., Ltd (là người được ủy thác của Quỹ đầu tư tập trung Asam Việt Nam 1).
- ♦ Sản phẩm đường may không chỉ - kiểu dáng thời trang, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường – được Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (Cục Bản quyền tác giả) cấp Giấy chứng nhận ký quyền tác giả số 2773/2018/QTG ngày 04/06/2018 cho “Bài viết về quá trình sản xuất áo sơ mi đường may không chỉ theo công nghệ ép seam”.
- ♦ Tổng chi phí cho các hoạt động công tác từ thiện, an sinh xã hội hướng tới cộng đồng năm 2018: 6.646.000.000 VNĐ, gấp 4 lần so với chi phí thực hiện cho năm 2017 là 1.587.764.000 VNĐ.
- ♦ Doanh thu đạt 3.612 tỷ VNĐ, tốc độ tăng trưởng lên tới 57%, tốc độ tăng trưởng lớn nhất trong giai đoạn 2014 - 2018.
- ♦ Lợi nhuận sau thuế đạt 180 tỷ VNĐ, tốc độ tăng trưởng lên đến 45%, tốc độ tăng trưởng lớn nhất trong giai đoạn 2014 - 2018.
- ♦ Khởi công xây dựng dự án Nhà máy xanh - tổng vốn đầu tư lên đến 290 tỷ đồng, định hướng đạt tiêu chuẩn Leed đối với khu vực văn phòng, tiêu chuẩn Lotus đối với khu vực sản xuất. Định hướng tất cả các nhà máy xây dựng bởi TNG kể từ năm 2018 đều sẽ đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh, đảm bảo là một mắt xích trong toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu không chỉ thu hút nhiều đơn hàng lớn từ những thương hiệu tên tuổi Nike, Adidas,... mà còn cân bằng giữa bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội giúp Công ty phát triển bền vững trong dài hạn.
- ♦ Mua lại và thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với công suất 06 chuyển may (dự kiến đầu tư xây dựng dự án với tổng vốn đầu tư 250 tỷ VNĐ, công suất tăng lên tới 30 chuyển may)

3.612
Tỷ VNĐ Doanh thu năm 2018

57%
Tốc độ tăng trưởng

180
Tỷ VNĐ Lợi nhuận sau thuế

Chú thích

LEED (Leadership in Energy & Environmental Design) là một giấy chứng nhận cho các công trình xây dựng xanh được cấp bởi Hội đồng Xây dựng Xanh Mỹ ra đời năm 1995 tại Mỹ. Đây là tiêu chuẩn quốc tế tiên phong về vấn đề xây dựng các công trình tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường sống của con người.

LOTUS là hệ thống chứng nhận công trình xanh được phát triển bởi Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC) – tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, thành viên Hội đồng Công trình xanh Thế giới (WorldGBC)



- ♦ **16/01/2018**
Thủ tướng Chính phủ trao tặng TNG Cờ thi đua Chính phủ năm 2017.
- ♦ **08/03/2018**
Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác giải quyết việc làm năm 2017.
- ♦ **14/03/2018**
Bộ Công thương đã cấp Giấy chứng nhận đạt giải thưởng Doanh nghiệp thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017.
- ♦ **20/04/2018**
Cục ATLĐ đã cấp cho TNG Giấy khen đã có thành tích xuất sắc về công tác ATVSLĐ năm 2017.
- ♦ **05/06/2018**
Bộ Công thương đã trao tặng TNG Bằng khen vì những thành tích xuất sắc trong công tác ATVSLĐ và phòng chống cháy nổ năm 2017.
- ♦ **27/07/2018**
Đảng bộ Thái Nguyên đã có Bằng khen TNG vì những thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn 2008 - 2018.
- ♦ **10/10/2018**
UBND tỉnh Thái Nguyên đã Chứng nhận TNG thuộc “Top 50 doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho sự phát triển tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2018”.
- ♦ **20/11/2018**
Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã trao tặng Doanh nghiệp bền vững 03 năm liên tiếp 2016, 2017, 2018 cho TNG.
- ♦ **21/12/2018**
Công an tỉnh Thái Nguyên đã trao Giấy chứng nhận Đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân PCCC năm 2018.
- ♦ **02/11/2018**
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM và Bảo Đầu tư: Trao tặng Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất và Top 5 Báo cáo thường niên tốt nhất - Nhóm vốn hóa nhỏ 2018 cho TNG.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUNG GIAI ĐOẠN 2019 - 2024

- Phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu, sau đó là bất động sản,...
- Xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chính. Bên cạnh đó từ nay đến hết năm 2019 sẽ từng bước tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10% -15%.
- Tăng cường, thúc đẩy quan hệ với các khách hàng mới, mở rộng thị trường, tránh phụ thuộc.
- Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động.
- Thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới để phục vụ sản xuất.
- Tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt: Nắm bắt một cách tốt nhất các cơ hội từ Hiệp định CP TPP và VN-EU FTA.
- Ưu tiên thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững: Công khai minh bạch; cải tiến, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tiên tiến, giảm thải ra môi trường và tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận; nâng cao phúc lợi cho người lao động, đồng hành phát triển cùng địa phương và cộng đồng; ưu tiên gấp rút thực hiện dự án nhà máy xanh.

CHI TIẾT CHO CÁC NĂM CỤ THỂ NHƯ SAU

NĂM 2019 - 2020

- Năm 2019, đầu tư giai đoạn một Nhà máy may TNG Đồng Hỷ với 16 chuyền may. Năm 2020, đầu tư tiếp giai đoạn hai 20 chuyền may.
- Năm 2019, đầu tư giai đoạn một Nhà máy may TNG Võ Nhaih 18 chuyền may. Năm 2020, đầu tư tiếp giai đoạn hai 18 chuyền may.
- Làm công tác chuẩn bị đầu tư di chuyển 02 Nhà máy may Việt Đức và Việt Thái lên Cụm công nghiệp Sơn Cẩm.
- Đầu tư tiếp tòa nhà ở TNG Village 17 tầng tại phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên.
- Làm công tác chuẩn bị đầu tư và công tác đầu tư Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 70 ha và khu tái định cư và nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm Tp. Thái Nguyên 20 ha.



NĂM 2020 - 2024

- Đầu tư tiếp tòa nhà TNG Village 17 tầng tại phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên.
- Tiếp tục làm công tác đầu tư và đưa vào kinh doanh Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 70 ha, khu tái định cư và nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm, Tp. Thái nguyên 20 ha.
- Đầu tư hoàn chỉnh 02 Nhà máy may TNG Việt Đức và Việt Thái tại khu công nghiệp Sơn Cẩm.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản tại hai khu đất Việt Đức và Việt Thái.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo công nghệ ERP.
- Đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy của TNG theo tiêu chuẩn nhà máy xanh và phát triển doanh nghiệp bền vững.
- Đầu tư ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục mở rộng cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thời trang TNG tới tất cả các tỉnh/ thành phố trong cả nước và tiến tới ở nước ngoài.
- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào: Quản lý kho thông minh, sử dụng phần mềm ERP để quản lý năng suất chuyển may, quản lý hiệu suất hoạt động của tất cả các máy móc thiết bị, sử dụng các máy móc hiện đại nhất vào sản xuất như: Máy cắt vải tự động, máy lập trình, trần bông, tra khóa, bơm tự động, ...
- Đặc biệt, trong vòng 4 năm tới, TNG hướng mục tiêu tới doanh thu 260 triệu USD, lợi nhuận sau thuế khoảng 16 triệu USD.

CỤ THỂ CÁC MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHO TỪNG VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU ĐƯỢC TNG ĐƯA RA NHƯ SAU

VẤN ĐỀ	MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP
Tăng trưởng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng bình quân doanh thu thuần > 20% mỗi năm Nâng cao và đảm bảo các chỉ tiêu tài chính hiệu quả: ROE > 20%; ROA > 10% Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: May mặc Phát triển hệ thống kiểm toán nội bộ của Công ty Tăng cường chức năng quản lý vốn và đầu tư Xây dựng mối quan hệ với khách hàng, duy trì chất lượng hàng tốt
Thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng thị phần tại các thị trường mới nổi Mở rộng thị trường nội địa, thiết lập các kênh bán hàng trên toàn quốc 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức nghiên cứu thị trường, làm việc trực tiếp với khách hàng nước ngoài Đánh giá nhà cung cấp ở nước ngoài Thiết lập thêm 20 kênh/ năm bán hàng trên thị trường nội địa
Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Dẫn hoàn thiện mô hình quản trị tiếp cận với các thông lệ tốt trên thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> Học hỏi, nghiên cứu phương pháp quản trị của Thái Lan, Mỹ... Xây dựng mô hình quản trị hướng tới kiểm soát nội bộ tốt
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Hướng tới hình ảnh một TNG xanh, thân thiện với môi trường Thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới môi trường, giảm thiểu ô nhiễm Xây dựng Nhà máy TNG đạt tiêu chuẩn Leed là một giấy chứng nhận cho các công trình xây dựng xanh được cấp bởi Hội đồng Xây dựng Xanh Mỹ 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư xây dựng các dự án xử lý nước thải tốt nhất cho các nhà máy Thực hiện huấn luyện và nâng cao ý thức người lao động Tổ chức những ngày vì môi trường hằng năm
Cộng đồng và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Đồng hành phát triển kinh tế địa phương Thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường địa phương trong sản xuất Minh bạch trong công bố thông tin, sản xuất kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các chương trình nhân văn, từ thiện với cộng đồng Tham gia các hoạt động phát triển kinh tế với người dân địa phương Thực hiện các chính sách chống tham nhũng, hối lộ, minh bạch thông tin, xây dựng niềm tin với khách hàng, nhà đầu tư
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì các hoạt động khám sức khỏe, đời sống cho người lao động Triển khai, nâng cao các chính sách về an toàn vệ sinh lao động 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chính sách về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp Đầu tư máy móc, trang thiết bị an toàn, hiện đại để đảm bảo sức khỏe cho người lao động Tiến hành đánh giá môi trường lao động định kỳ, đảm bảo một môi trường lao động xanh sạch

S

W

O

T

VỊ THẾ VÀ ĐIỂM MẠNH CỦA TNG

ĐIỂM YẾU

CƠ HỘI

THÁCH THỨC

- ◆ TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện của ngành May Việt Nam.
- ◆ Đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; sở hữu các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như Adidas, Nike, Zara,... hướng đến bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận.
- ◆ Tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.
- ◆ Thiết lập quan hệ đối tác lâu dài với các nhãn hiệu nổi tiếng, gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- ◆ Chủ động trong sản xuất, bước đầu xây dựng chuỗi cung ứng giúp khách hàng có sẵn nguồn cung, không phải đặt các nơi khác.
- ◆ Sở hữu hệ thống Nhà máy sản xuất hiện đại, được đầu tư thường xuyên, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng sản xuất sản phẩm.
- ◆ Có quy mô năng lực sản xuất lớn.
- ◆ Có mối quan hệ tốt với chính quyền, với người dân địa phương.
- ◆ Người lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm.

- ◆ Hàng FOB thực hiện theo FOB convert (khách hàng chỉ định nguồn nguyên phụ liệu).
- ◆ Các đơn hàng CMPT bị phụ thuộc về hàng đồng bộ để sản xuất, dẫn tới kế hoạch sản xuất nhiều khi thay đổi ngoài dự tính.
- ◆ Lợi thế về sức mạnh cạnh tranh còn một số hạn chế. Đặc biệt đối với các thương hiệu lớn từ nước ngoài vốn đa dạng về mẫu mã, chất lượng ưu việt, được sản xuất trên dây chuyền tiên tiến và liên tục được cập nhật xu hướng theo mùa.
- ◆ Chưa phát huy được hết vai trò của thị trường nội địa trong mở rộng thị phần. Trong khi thị trường tiêu thụ hàng dệt may, quần áo may sẵn ở Việt Nam rất cao và không ngừng tăng lên.

- ◆ Thị trường nội địa còn rộng và không ngừng tăng trưởng.
- ◆ Chính phủ có cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ và tăng tốc ngành dệt may.
- ◆ Sự ủng hộ và chia sẻ thông tin cũng như cơ hội kinh doanh từ các tổ chức hiệp hội và ngành nghề.
- ◆ TNG có các nhà máy tại các vùng có nhiều lao động.
- ◆ Được hưởng nhiều lợi ích do dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc và các nước khác về Việt Nam.

- ◆ Cạnh tranh thu hút nhân lực trong vùng bởi dự án Nhà máy Sam Sung Thái Nguyên.
- ◆ Các đơn vị cùng dòng sản phẩm cạnh tranh về giá nhân công.
- ◆ Các thách thức liên quan đến vùng và nguồn nguyên liệu.
- ◆ Diễn biến thị trường dệt may thế giới và trong nước thường xuyên có nhiều thay đổi.
- ◆ Sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt là sự cạnh tranh đến từ các nước như Trung Quốc, Ấn Độ,...
- ◆ Yêu cầu của các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... ngày càng nhiều và khó.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- ◆ TNG hiện nay đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 134 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong đó có ĐHCĐ, HĐQT và Giám đốc hoặc TGD. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.
- ◆ Ngoài ra, Công ty còn áp dụng thông lệ tốt theo Nguyên tắc quản trị công ty G20/OECD trong đó HĐQT có các tiểu ban chuyên trách giúp việc gồm có: Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự lương thưởng. Trong đó, Tiểu ban Phát triển bền vững có trách nhiệm định hướng và giám sát các hoạt động của bộ phận điều hành giúp Công ty không chỉ tăng trưởng về mặt tài chính mà còn đảm bảo hài hòa lợi ích với việc bảo vệ môi trường và tuân thủ trách nhiệm xã hội.

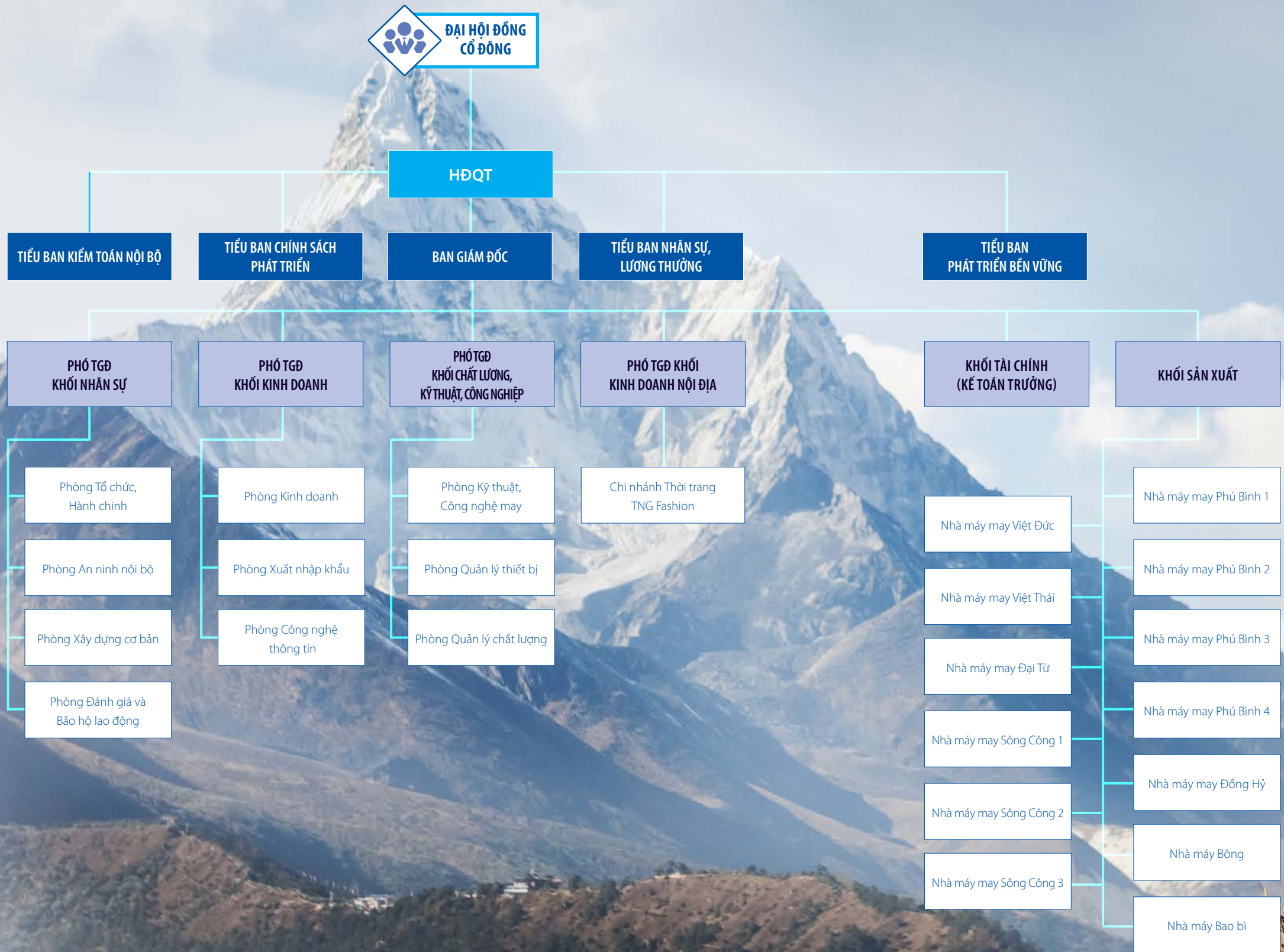
CƠ CẤU TỔ CHỨC

- ◆ HĐQT của TNG gồm có 07 người, 01 Chủ tịch kiêm TGD; 02 thành viên HĐQT độc lập.
- ◆ HĐQT bao gồm các tiểu ban chuyên trách: Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự lương thưởng và Tiểu ban Phát triển bền vững.
- ◆ Ban TGD gồm có 01 TGD và 03 Phó TGD chuyên trách từng lĩnh vực riêng.
- ◆ Kế toán trưởng: 01 người

Và các đơn vị, nhà máy sản xuất như sau:

- ◆ Đơn vị nhà máy may xuất khẩu trực thuộc: 11 nhà máy
- ◆ Đơn vị nhà máy may thời trang nội địa: 1 nhà máy
- ◆ Đơn vị nhà máy phụ trợ: 2 nhà máy







Ông NGUYỄN VĂN THỜI

Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư cơ điện mở, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Hơn 20 năm kinh nghiệm làm TGD và hơn 13 năm kinh nghiệm ở vị trí Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

- 1982 – 1992: Đội trưởng Đội vật tư Công ty xây lắp điện Bắc Thái
- 1993: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Bắc Thái
- 1993 – 2002: Giám đốc Công ty may Thái Nguyên
- 2003 – Nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Các chức danh khác

- Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu

- Giải thưởng doanh nhân tiêu biểu
- Huân chương Lao động hạng ba năm 2007

Trách nhiệm

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do ĐHCĐ thông qua.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.



Ông NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân CNTT – USA
- Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China
- Kinh nghiệm quản lý kinh doanh tại TNG từ năm 2007

Quá trình công tác

- 1995: Ông làm việc tại Công ty may Thái Nguyên
- 2010 – 2011: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2011 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.

Các chức danh khác

Giám đốc Nhà máy Thời trang TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động hàng hóa mang thương hiệu TNG tại thị trường trong nước.
- Đưa TNG làm việc các tập đoàn, các thương hiệu lớn của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản.



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 20 năm làm việc trong lĩnh vực dệt may.

Quá trình công tác

- 1999 - 2007: Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên
- 2008 – 2016: Trưởng BKS – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2017 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.



Bà HÀ THỊ TUYẾT

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân luật, Luật sư
- Chứng chỉ hành nghề Luật sư
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: Trên 10 năm kinh nghiệm tại TNG

Quá trình công tác

- 2007 – nay: Thư ký Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2013 – 2017: Ủy viên BKS Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Kiểm soát về mặt pháp lý, hồ sơ HĐQT, Ban TGD Công ty.
- Giám sát chặt chẽ theo hệ thống luật các văn bản của TNG.
- Giám sát hệ thống an sinh, xã hội của Công ty.



Bà ĐỖ THỊ HÀ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân sư phạm, cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác

2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

Đàm phán, kiểm tra, giám sát trong hoạt động mua bán.



Ông RUSDY PRANATA

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Indonesia

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2014

Trình độ chuyên môn: CFA

Quá trình công tác

2001 - 2005: Cán bộ kiểm soát tài chính tại Công ty Toys'R'Us – Indonesia

2005 - 2014: Giám Đốc Tài chính doanh nghiệp, Phó TGĐ Công ty PT Great River International Tbk Garment Manufacturing and Retailers/ PT Samudra Biru/ Garment Manufacturing for Export and Local Market

2014 – Nay: Giám đốc Công ty PT Surya Berkas Indonesia Klaten, Central Java/PT Aseli Garmen Indonesia; thành viên HĐQT độc lập của TNG



Ông LÊ QUANG VINH

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân luật, luật sư
- Chứng chỉ hành nghề Luật sư

Quá trình công tác

1995 – 2010: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại An Vinh

2011 – nay: Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Du lịch Hải Âu

2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Kiểm soát về mặt pháp lý, tuân thủ các Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp.
- Giám sát các hoạt động liên quan đến phát hành cổ phiếu, trái phiếu của TNG.
- Phân tích cổ phiếu TNG, định hướng các đợt phát hành để đạt được hiệu quả.



Ông NGUYỄN VĂN THỜI

TGD phụ trách chung

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư cơ điện mỏ, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
- Hơn 20 năm kinh nghiệm làm TGD và hơn 13 năm kinh nghiệm ở vị trí Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

- 1982 – 1992: Đội trưởng Đội vật tư Công ty xây lắp điện Bắc Thái
- 1993: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Bắc Thái
- 1993 – 2002: Giám đốc Công ty may Thái Nguyên
- 2003 – Nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Các chức danh khác

- Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
- Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Tp. Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu

- Giải thưởng doanh nhân tiêu biểu
- Huân chương Lao động Hạng ba năm 2007



Ông TRẦN MINH HIẾU

Phó TGD Phụ trách khối Kinh doanh

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- MBA
- Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm quản lý: Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hàng dệt may

Quá trình công tác

- 2009 – 2011: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Việt Thái Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2011 - 2013: Giám đốc chi nhánh Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2017 – nay: Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao.



Bà ĐOÀN THỊ THU

Phó TGD Phụ trách khối Chất lượng, kỹ thuật, công nghệ

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Kỹ sư may

Quá trình công tác

- 1994 - 1997: Bà làm việc tại Xí nghiệp may Bắc Thái
- 1998 - 2002: Bà làm việc tại Công ty may Thái Nguyên
- 2003 - 2007: Công tác ở Công ty CP may Xuất khẩu Thái Nguyên
- 2007 - 2011: Giám đốc Nhà máy may Việt Đức
- 2011 - 2014: Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2015 - 2016: Giám đốc nhà máy may Việt Đức
- 2017 - Nay: Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm: Giám sát điều hành hoạt động kỹ thuật, chất lượng.



Bà LUƠNG THỊ THÚY HÀ

Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

- 1992 - 2012: Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2013 – 4/2016: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 04/2016 – 2017: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- 2018: Phó TGD Phụ trách khối Nhân sự
- Trách nhiệm:** Kiểm tra giám sát công tác thi đua, khen thưởng kỷ luật, tổ chức nhân sự, an toàn lao động, PCCC, dự án xây dựng cơ bản.



Bà TRẦN THU HÀ

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2018

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân kế toán
- Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu

Quá trình công tác

- 2009 – 2016: Bà làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
- 2016-2017: Phó Giám đốc chi nhánh Thời trang TNGF của TNG
- 2018: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Tổ chức bộ máy kế toán Công ty và chi nhánh.
- Đào tạo kế toán trưởng các chi nhánh.
- Triển khai các quy định của pháp luật về kế toán tài chính, quản lý vốn và tài sản.
- Xây dựng hạn mức tín dụng, xây dựng kế hoạch đầu tư.



Bà HÀ THI TUYẾT

Chủ tịch Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân luật, Luật sư
- Chứng chỉ hành nghề Luật sư.
- Kinh nghiệm quản lý: Trên 10 năm kinh nghiệm tại TNG

Quá trình công tác

2007 – nay: Thư ký Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2013 – 2017: Ủy viên BKS Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2017 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động của Kiểm toán nội bộ liên quan tới pháp lý, môi trường, trách nhiệm xã hội.
- Kiểm soát về mặt pháp lý, hồ sơ HĐQT, Ban TGD Công ty
- Giám sát chặt chẽ theo hệ thống luật các văn bản của TNG.
- Giám sát hệ thống an sinh, xã hội.



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Phó chủ tịch HĐQT

Thành viên Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2017

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ
- Kinh nghiệm quản lý: 20 năm làm việc trong lĩnh vực dệt may

Quá trình công tác

1999 - 2007: Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên

2008 – 2016: Trưởng BKS – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2017 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi hoạt động liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra BCTC hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.



Ông TRẦN MINH HIẾU

Phó TGD Phụ trách khối Kinh doanh

Thành viên Tiểu Ban KTNB

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- MBA
- Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: Gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hàng dệt may

Quá trình công tác

2009 – 2011: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Việt Thái Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2011 - 2013: Giám đốc chi nhánh Kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2013 – 2017: Trợ lý TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2017 – nay: Phó TGD Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trách nhiệm

- Giám sát các hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, xuất nhập khẩu.
- Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Là một Công ty dệt may với 14.056 CBCNV, TNG đã xây dựng một chính sách nhân sự, tiền lương rất cụ thể trong “Chính sách về người lao động”, theo đó: “Người lao động làm việc tại TNG được hưởng đầy đủ mọi chế độ/quyền lợi theo quy định của Luật lao động, Luật bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động”. Các chính sách lương, phụ cấp và tiền thưởng được quy định rõ ràng, cụ thể:



14.056

Cán bộ công nhân viên

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP

- ◆ **Tiền lương:** Theo chức danh công việc, được trả theo hệ số cấp bậc của người lao động nhân với tiền lương tối thiểu. (Tiền lương tối thiểu áp dụng cho CBCNV lao động tại TNG tăng 13% so với mức quy định của Nhà nước). Tiền lương sản phẩm: Trả theo đơn giá sản phẩm nhân với số lượng sản phẩm. Tiền lương thời gian theo chế độ: Trả cho những ngày nghỉ Lễ, phép, học tập, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động, nghỉ khám sức khỏe định kỳ và chế độ lao động nữ.
- ◆ **Tiền thưởng:** Được tính theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty. Gồm: Thưởng thành tích hàng tháng, thành tích thi đua, tháng lương thứ 13, tiền thưởng tích lũy thành tích thi đua hàng tháng, Tết nguyên đán, thưởng phân chia nguồn kết dư tiền lương còn lại hàng năm. Bên cạnh đó về thời gian làm việc cũng như các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết được tuân thủ theo quy định của pháp luật. Làm việc ở TNG người lao động có cơ hội thăng tiến, được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho CBCNV được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.
- ◆ **Phụ cấp:** Phụ cấp nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi, phụ cấp kiêm nhiệm, chuyên cần, phụ cấp suất ăn ca.

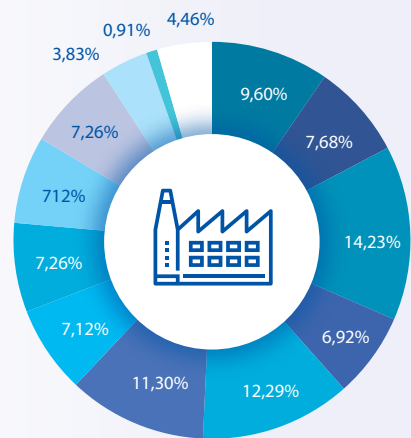
CÁC PHÚC LỢI CÁ NHÂN

- ◆ Bảo hiểm thân thể 100% mức đóng/ năm.
- ◆ Tham quan du lịch trong và ngoài nước.
- ◆ Nhà ở tập thể cho người lao động với giá ưu đãi.
- ◆ Học bổng cho con em có nguyện vọng học xong về làm việc tại TNG, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- ◆ Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- ◆ Có xe đưa đón CBCNV (có địa điểm gửi xe không mất phí), nhà trẻ tại khu tập thể cho CBCNV gửi con em.
- ◆ Lao động nữ sinh con được Công ty hỗ trợ: 300.000đ/ lần sinh.
- ◆ Chế độ thai sản dành cho các ông bố: Người lao động là nam giới, mà cả hai vợ chồng là CBCNV của TNG, khi người vợ nghỉ sinh con, người chồng được Công ty cho nghỉ để chăm sóc vợ con. Thời gian được nghỉ là 05 ngày nếu vợ sinh thường, là 07 ngày nếu vợ sinh mổ và được thanh toán 100% tiền lương.
- ◆ Xây dựng, phát triển khu cây xanh trong khuôn viên Công ty để người lao động có môi trường xanh, sạch.
- ◆ Hằng năm TNG còn tổ chức các khóa đào tạo cho CBCNV nhằm nâng cao tay nghề; các buổi huấn luyện về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp cũng như công tác PCCC, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình sản xuất và vận hành.



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

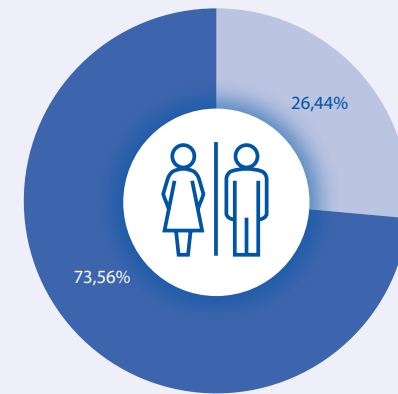
Tổng số lao động của Công ty: 14.056 (tính đến ngày 31/12/2018)



CƠ CẤU THEO NHÀ MÁY MAY

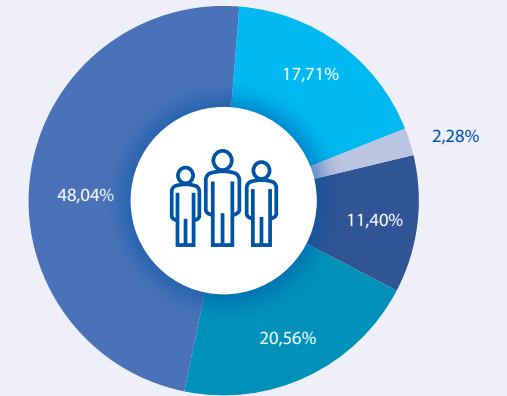
◆ Việt Đức	1.350	9,60%	◆ Phú Bình 3	1.001	7,12%
◆ Việt Thái	1.080	7,68%	◆ Phú Bình 4	1.021	7,26%
◆ Đại Từ	2.000	14,23%	◆ Đồng Hỷ	539	3,83%
◆ Sông Công 1	972	6,92%	◆ Văn phòng TNG	128	0,91%
◆ Sông Công 2	1.728	12,29%	◆ Chi nhánh Thời trang TNGF	627	4,46%
◆ Sông Công 3	1.588	11,30%	Tổng	14.056	100%
◆ Phú Bình 1	1.001	7,12%			
◆ Phú Bình 2	1.021	7,26%			

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO GIỚI TÍNH



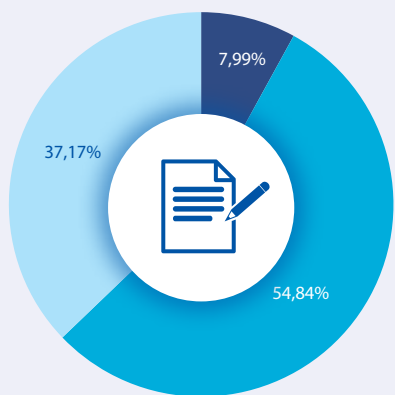
◆ Nam	3.716	26,44%
◆ Nữ	10.340	73,56%
Tổng	14.056	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO ĐỘ TUỔI



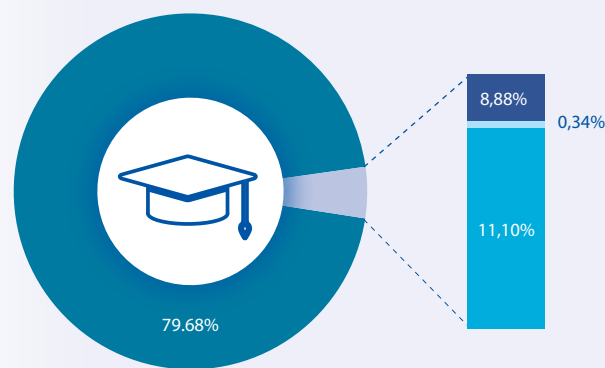
◆ 18 đến 20	1.602	11,40%
◆ 21 đến 25	2.892	20,56%
◆ 26 đến 35	6.753	48,04%
◆ 36 đến 45	2.489	17,71%
◆ Trên 45	320	2,28%
Tổng	14.056	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO THỜI HẠN HĐLĐ



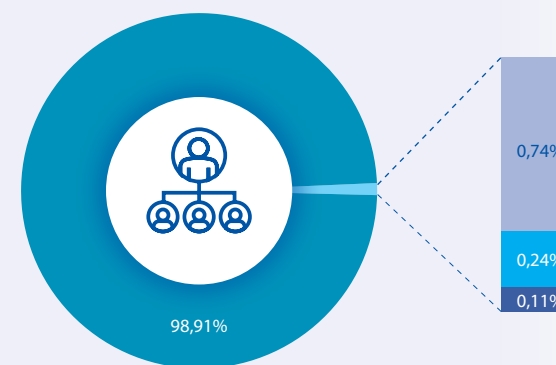
◆ Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	1.123	7,99%
◆ Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	7.708	54,84%
◆ Hợp đồng không xác định thời hạn	5.225	37,17%
Tổng	14.056	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN



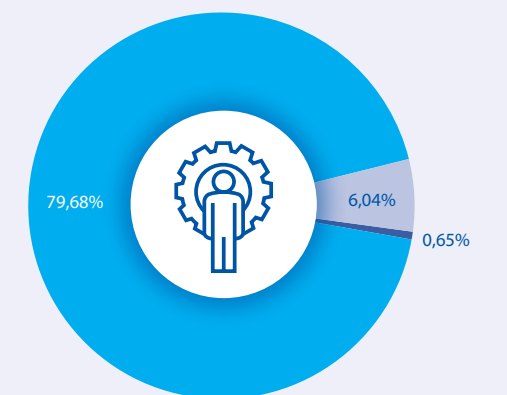
◆ Trên Đại học	48	0,34%
◆ Đại học	1.248	8,88%
◆ Cao đẳng	1.560	11,10%
◆ Lao động nghề	11.200	79,68%
Tổng	14.056	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ



◆ Quản lý cấp cao	15	0,11%
◆ Quản lý cấp trung	34	0,24%
◆ Quản lý cấp chi nhánh	104	0,74%
◆ Chuyên viên nhân viên	13.903	98,91%
Tổng	14.056	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHỐI CHỨC NĂNG



◆ Kinh doanh	91	0,65%
◆ Sản xuất	13.116	93,31%
◆ Hỗ trợ sản xuất	849	6,04%
Tổng	14.056	100%

CÔNG TÁC CÁN BỘ

- ♦ Miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với Bà: Lý Thị Liên.
Lý do: cá nhân xin nghỉ thôi việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 08/01/2018.
- ♦ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà: Lương Thị Thúy Hà.
Lý do: Bổ nhiệm giữ chức vụ khác kể từ ngày 08/01/2018.
- ♦ Bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đối với Bà: Lương Thị Thúy Hà kể từ ngày 08/01/2018.
- ♦ Bổ nhiệm chức vụ Kế toán Trưởng Công ty đối với bà: Trần Thị Thu Hà kể từ ngày 08/01/2018.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Giáo dục và đào tạo là con đường vững chắc nhất đi đến thành công. Một nền kinh tế mạnh là nền kinh tế có những doanh nghiệp mạnh. Một doanh nghiệp mạnh là doanh nghiệp có lực lượng lao động mạnh. Muốn lực lượng lao động mạnh, thì công tác giáo dục, đào tạo là chìa khóa, là kim chỉ nam để các doanh nghiệp đi theo. TNG đã thấm nhuần tư tưởng này và coi "Giáo dục, đào tạo" chính là chìa khóa để phát triển con người và doanh nghiệp bởi chỉ có giáo dục, đào tạo mới đáp ứng sự thay đổi, sự tiến bộ của Công nghệ nhất là trong thời đại công nghệ 4.0, đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng mà công ty đang hợp tác cũng như để xây dựng Công ty ngày càng tiệm cận được với tiêu chuẩn Quốc tế.

Các hình thức đào tạo tại TNG

- ♦ Đào tạo định hướng
- ♦ Đào tạo định kỳ
- ♦ Đào tạo Nghề
- ♦ Đào tạo phát triển
- ♦ Đào tạo nguồn
- ♦ Đào tạo chuyên đề
- ♦ Đào tạo ATVSLĐ

Ngoài ra còn tham dự các cuộc hội thảo, nghe nói chuyện chuyên đề về các lĩnh vực liên quan. Toàn bộ chi phí cho các lớp đào tạo đều do Công ty chi trả. Người lao động ngoài được đào tạo tạo miễn phí còn được hưởng lương cho thời gian tham gia đào tạo, huấn luyện. Tổng chi phí chi cho đào tạo, tập huấn, huấn luyện tuyên truyền: 6,5 tỉ đồng.

Số liệu chi tiết như sau:

NỘI DUNG	SỐ LỚP	SỐ NGƯỜI THAM GIA
Đào tạo định hướng	170	8.800
Đào tạo định kỳ	14	15.000
Đào tạo nghề	35	1.718
ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN		
Đào tạo Thiết kế chuyển	01	14
Đào tạo tổ trưởng	02	80
Đào tạo QA, QC	1	13
Đào tạo nhân viên phòng Lab	1	10
Đào tạo đánh giá viên nội bộ	02	8
ĐÀO TẠO ATVSLĐ		
Đào tạo huấn luyện về PCCC và CNCH	8	632
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 1	2	156
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2	1	30
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3	3	104
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 4	14	12.613
Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 6		322
Đào tạo về đánh giá rủi ro An toàn lao động, PCCC	1	30
ĐÀO TẠO KỸ NĂNG		
Đào tạo phòng chống quấy rối lạm dụng tình dục	2	300
Tuyên truyền về bệnh phụ khoa, cách phòng tránh	14	12.000
Đào tạo kỹ năng lập kế hoạch	1	30

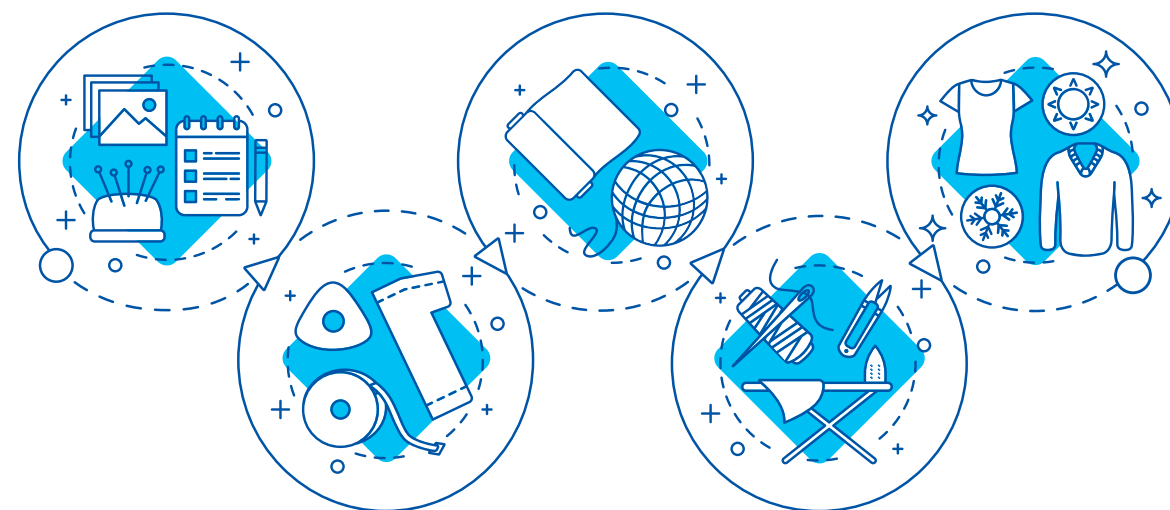
TNG có chính sách hỗ trợ học phí cho con em CBCNV học tập tại các trường chuyên ngành Dệt may với mức hỗ trợ 100% học phí trong toàn thời gian học và hỗ trợ về việc làm khi ra trường.

Đánh giá hiệu quả Đào tạo là một bước quan trọng sau mỗi chương trình đào tạo. Hoạt động này giúp Doanh nghiệp đánh giá được tổng thể về sự phù hợp của Nội dung đào tạo, Giảng viên, chương trình đào tạo, và sự nắm bắt kiến thức của các học viên sau khi được đào tạo và áp dụng vào thực tế sản xuất.

Điển hình như Lớp đào tạo Giám đốc xí nghiệp thành viên khóa 5 được tổ chức tại Trường Đại học Dệt May Hà nội. Đây là khóa thứ 2 TNG cử cán bộ tham gia. Đối tượng tham gia là các Phó Giám Đốc, Trưởng phòng có kinh nghiệm công tác, có triển vọng trở thành Giám đốc các chi nhánh. Mục đích của khóa học là đào tạo cán bộ nguồn để đáp ứng sự phát triển của TNG trong những năm tiếp theo.

Kết quả, 06 thành viên tham gia đạt kết quả tốt nghiệp loại giỏi. Sau khi kết thúc khóa học, đã có 02 thành viên được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh.

Ngoài ra, Công ty còn ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho con em CBCNV học tập tại các trường chuyên ngành Dệt may với mức hỗ trợ 100% học phí trong toàn thời gian học và hỗ trợ về việc làm khi ra trường. Đây vừa là chính sách hỗ trợ giáo dục cho CBCNV nhằm định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ gánh nặng tài chính và cũng là chính sách đào tạo nguồn nhân lực từ sớm, giúp TNG có nguồn nhân lực tương lai đáp ứng kế hoạch phát triển chiến lược của Công ty.





THÔNG TIN CỔ PHẦN

Giá trị vốn hóa thị trường tại ngày 16/11/2018:	937.463.420.000 đồng
Vốn điều lệ Công ty:	493.401.800.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết:	49.340.180 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	49.340.180 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	2.395.946 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018:	Không
Giá trị cổ phiếu trên thị trường:	19.000 đồng (giá đóng cửa ngày 16/11/2018)
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài:	Không có

Các chứng khoán khác

Tên gọi trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG năm 2018

Loại trái phiếu:	Trái phiếu chuyển đổi, không tài sản đảm bảo
Nhà đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Chứng Khoán KIS (là người được ủy thác của Quỹ đầu tư tập trung ASAM Việt Nam 1), một Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 116-81-04504, có trụ sở chính tại 88, Uisadang-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc.	
Hình thức:	Phát hành riêng lẻ
Thời điểm phát hành:	12/12/2018
Tổng giá trị trái phiếu phát hành:	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Kỳ hạn trái phiếu:	3 năm kể từ ngày phát hành
Giá chuyển đổi:	13.800 đồng/ cổ phiếu
Thời điểm chuyển đổi: 01 năm kể từ ngày phát hành đến trước 02 tháng đáo hạn, trái chủ có thể chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành thành cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Cổ phiếu được phát hành cho việc chuyển đổi sẽ là cổ phiếu phổ thông TNG và được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi chuyển đổi.	

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	TÊN CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CÁ NHÂN (%)
HĐQT				
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	9.539.265	19,33
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT (Giám đốc Chi nhánh Thời trang TNGF)	3.998.103	8,10
3	Nguyễn Văn Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	96.033	0,19
4	Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT	12.436	0,03
5	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT	1.244.649	2,52
6	Rusdy Pranata	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
7	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
BAN TGD				
1	Nguyễn Văn Thời	TGD	9.539.265	19,33
2	Đoàn Thị Thu	Phó TGD	118.699	0,24
3	Trần Minh Hiếu	Phó TGD	30.905	0,06
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó TGD	364.548	0,74
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	42.214	0,08
TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ				
1	Hà Thị Tuyết	Trưởng Tiểu Ban KTNB	12.436	0,03
2	Nguyễn Văn Đức	Thành viên Tiểu Ban KTNB	96.033	0,19
3	Trần Minh Hiếu	Thành viên Tiểu Ban KTNB	30.905	0,06
VP ĐẠI DIỆN NEWYORK				
1	Nguyễn Mạnh Linh	Trưởng Văn phòng đại diện New York	1.836.385	3,72



THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	ĐỊA CHỈ	SỐ CP NẴM GIỮ	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Văn Thời	090117808	Phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	9.539.265	19,33
2	Nguyễn Đức Mạnh	090882528	Phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3.998.103	8,10
3	TUNDRA VIETNAM FUND	CA7008	Birger Jarlsgatan 33, 111 45 Stockholm Sweden	2.541.210	5,20

DANH SÁCH SỞ HỮU CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	MỐI QUAN HỆ	SỐ CP NẴM GIỮ	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Thị Nhuận	091928825	Em gái Chủ tịch HĐQT	198.116	0,40
2	Nguyễn Thị Miện	091902622	Em gái Chủ tịch HĐQT	187.264	0,38
3	Nguyễn Thị Miên	090688967	Em gái Chủ tịch HĐQT	48.844	0,09
4	Nguyễn Văn Thới	090784558	Em trai Chủ tịch HĐQT	3.644	0,01

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 26/06/2018

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG NGƯỜI/ TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHẦN			TỶ LỆ
			ĐÃ LƯU KÝ	CHƯA LƯU KÝ	TỔNG SỐ	
I	Cổ đông trong nước	2.479	36.968.271	1.793.426	38.761.697	78,56
1	Cổ đông tổ chức	29	207.498	-	207.498	0,42
2	Cổ đông cá nhân	2.450	36.760.773	1.793.426	38.554.199	78,14
2.1	Trong đó Cổ đông lớn: Nguyễn Văn Thời		9.504.218	35.047	9.539.265	19,33
2.2	Trong đó Cổ đông lớn: Nguyễn Đức Mạnh		1.681.975	1.316.128	2.998.103	6,08
II	Cổ đông nước ngoài	65	10.578.483	-	10.578.483	21,44
1	Cổ đông tổ chức	17	9.231.546	-	9.231.546	18,71
	Trong đó Cổ đông lớn: TUNDRA VIETNAM FUND		2.541.210	-	2.541.210	5,15
2	Cổ đông cá nhân	48	1.346.937	-	1.346.937	2,73
	Tổng cộng	2.544	47.546.754	1.793.426	49.340.180	100

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 26/02/2019

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG NGƯỜI/ TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHẦN			TỶ LỆ (%)
			ĐÃ LƯU KÝ	CHƯA LƯU KÝ	TỔNG SỐ	
I	Cổ đông trong nước	3.199	38.523.937	1.471.640	39.995.577	81,06
1	Cổ đông tổ chức	34	1.290.999	-	1.290.999	2,62
2	Cổ đông cá nhân	3.165	37.232.938	1.471.640	38.704.578	78,44
2.1	Trong đó Cổ đông lớn: Nguyễn Văn Thời		9.504.218	35.047	9.539.265	19,33
2.2	Trong đó Cổ đông lớn: Nguyễn Đức Mạnh		2.681.975	1.316.128	3.998.103	8,10
II	Cổ đông nước ngoài	70	9.344.603	-	9.344.603	18,94
1	Cổ đông tổ chức	17	8.240.413	-	8.240.413	16,70
	Trong đó Cổ đông lớn: TUNDRA VIETNAM FUND		2.541.210	-	2.541.210	5,15
2	Cổ đông cá nhân	53	1.104.190	-	1.104.190	2,24
	Tổng cộng	3.269	47.868.540	1.471.640	49.340.180	100

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2018 Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018, ĐHQT thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 trong năm 2018 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% qua đó làm tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 411.172.910.000 đồng lên đến 493.401.800.000 đồng

GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Tính đến ngày 26/02/2019 TNG có tỷ lệ năm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 18,94%

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Hiện tại, Công ty đang có một số hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, do đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa vẫn là 49%.

Ngày 11/03/2016, ĐHQT Công ty có Nghị quyết số 03/NQ-ĐHQT về việc: Thông qua chủ trương nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ và sáp nhập Công ty CP Thời trang TNG vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.

Thông qua chủ trương nới room, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ.

Sau khi tham khảo các đơn vị tư vấn và vụ trưởng vụ chào bán chứng khoán thì TNG có một số mã ngành trùng với 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. TNG đang đợi Bộ kế hoạch và đầu tư chỉnh sửa các ngành nghề có điều kiện để việc nới room hoàn thiện.





BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 56 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 60 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 72 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 76 Báo cáo của Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ



**Năm 2018
là năm Công ty có
tốc độ tăng trưởng về
tổng doanh thu và lợi nhuận
sau thuế tăng ấn tượng
nhất trong 4 năm
gần đây.**





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN NHÀ MÁY TNG ĐỒNG HỖ

TÊN DỰ ÁN	: Đầu tư xây dựng Nhà máy may TNG Đồng Hỷ.
TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
MỤC TIÊU	: Đầu tư xây dựng nhà máy may nhằm tăng cường khả năng sản xuất các sản phẩm hàng hóa, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Đồng Hỷ và tỉnh Thái Nguyên.
QUY MÔ DỰ ÁN	: Đầu tư xây dựng nhà máy may khoảng 30 chuyền may trên tổng diện tích khoảng 4,58 ha.
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN	: Xóm Ngòi Chẹo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG	: 4,58 ha.
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN	: 250 tỷ VND.
THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Quý III/2018 đến quý IV/2018 : Thực hiện chuẩn bị đầu tư. ♦ Quý I/2019 đến Quý III/2019: Thực hiện đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất.

DỰ ÁN NHÀ MÁY TNG VÕ NHAİ

(NHÀ MÁY ĐƯỢC XÂY DỰNG HƯỚNG TỚI ĐẠT TIÊU CHUẨN NHÀ MÁY XANH)

TÊN DỰ ÁN	: Đầu tư xây dựng Nhà máy may TNG Võ Nhai.
TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
MỤC TIÊU	: Tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện Võ Nhai và tỉnh Thái Nguyên
QUY MÔ DỰ ÁN	: 32 dây chuyền may, công suất 6 triệu sản phẩm/ năm.
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN	: Tại lô đất CN1 thuộc Cụm công nghiệp Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG	: 10 ha.
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN	: 290 tỷ VND.
THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Từ quý II/2018: Hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư. ♦ Từ quý III/2018 đến quý I/2019: Thi công các hạng mục đầu tư xây dựng công trình của dự án và đưa vào hoạt động.



DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP SƠN CẨM 1

TÊN DỰ ÁN	: Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
ĐỊA ĐIỂM	: Xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, giáp đường tránh Quốc lộ 3.
DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG	: 70,53 ha.
TÍNH CHẤT NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP	: Tính chất ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong Cụm công nghiệp: Thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất các ngành công nghiệp hỗ trợ (sản xuất cơ – kim khí, đúc, linh kiện điện tử...), sản xuất bao bì, dệt may, dược phẩm, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN DỰ KIẾN	: 500 tỷ VND.
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Từ quý II/2017 đến quý II/2018 thực hiện chuẩn bị đầu tư. ♦ Từ quý III/2018 đến quý II/2019 thực hiện đầu tư giai đoạn 1 với diện tích: 17,99 ha. ♦ Từ quý III/2019 đến quý I/2023 thực hiện đầu tư các hạng mục còn lại của dự án.



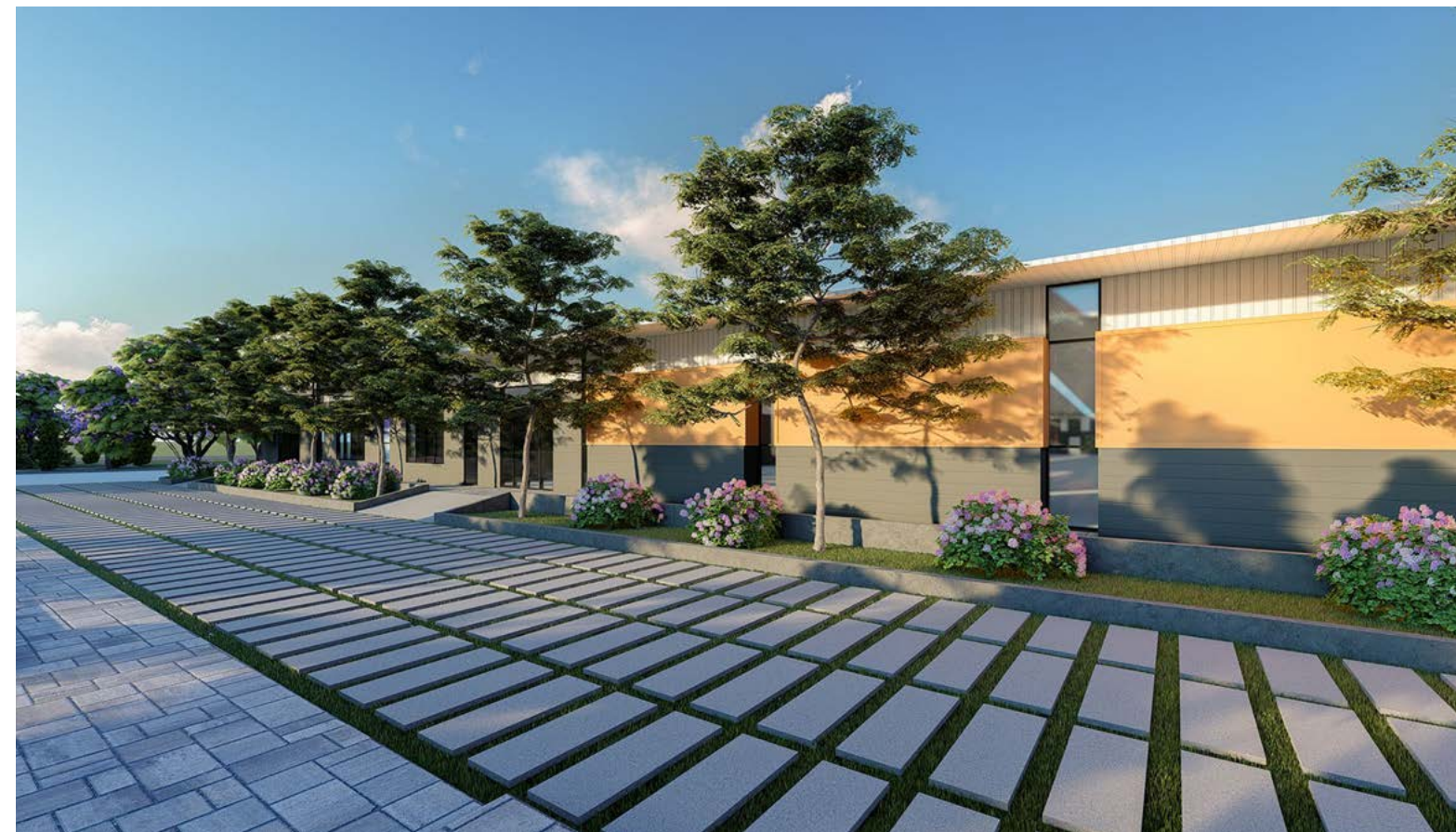
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ NHÀ Ở XÃ HỘI CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP SƠN CẨM 1

TÊN DỰ ÁN:	: Khu tái định cư và nhà ở xã hội của Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1.
TÊN NHÀ ĐẦU TƯ	: Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	: 100% vốn đầu tư của doanh nghiệp trong nước.
MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Xây dựng đồng bộ hạ tầng khu tái định cư và nhà ở xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu bán và cho thuê đất gắn liền với kết cấu hạ tầng khu dân cư, làm cơ sở để nhà đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng cho toàn bộ hộ dân nằm trong vùng quy hoạch xây dựng Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm, đáp ứng nhu cầu về chỗ ở cho người dân trên địa bàn. ♦ Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Tp. Thái Nguyên, quy hoạch chi tiết 1/500 Khu tái định cư và Nhà ở xã hội của Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1.
QUY MÔ DỰ ÁN	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Quy mô dân số dự kiến khoảng 4.000 người. ♦ Các hạng mục chủ yếu của dự án: <ul style="list-style-type: none"> • Khu nhà ở chia lô tái định cư • Khu nhà ở chia lô thương mại • Khu nhà ở xã hội (cao tầng, thấp tầng); • Khu vực đất công cộng, đất hỗn hợp dự kiến phát triển; • Khu vực cây xanh, đường giao thông, bãi đỗ xe,...
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN	: Xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG	: 18,18 ha.
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN	: 312 tỷ VND.
THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN	: <ul style="list-style-type: none"> ♦ Quý II/2017 đến quý IV/2017: Thực hiện chuẩn bị đầu tư. ♦ Quý I/2018 đến quý I/2019: Thực hiện đầu tư giai đoạn 1 với diện tích khoảng 5 ha. ♦ Quý II/2019 đến quý II/2020: Thực hiện đầu tư giai đoạn 2 dự án với phần diện tích còn lại khoảng 13,18 ha.

DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TNG VILLAGE

KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TNG VILLAGE	
DIỆN TÍCH	: 2841 m ² , trong đó đầu tư xây dựng tòa nhà bao gồm 1 tầng hầm, 17 tầng nổi, 1 tầng tum mái phần trên phần diện tích xây dựng khoảng 1.117 m ² .
KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI THẤP TẦNG	
DIỆN TÍCH	: 848 m ² .
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN	: 170 tỷ VND.
Dự án được điều chỉnh từ Dự án nhà ở xã hội TNG do thay đổi mục tiêu đầu tư.	
TIẾN ĐỘ DỰ ÁN:	: Khu nhà ở Thương mại TNG Village sẽ bàn giao sản phẩm hoàn thiện trong Quý II- Quý III năm 2019.



Các nhà máy TNG vận hành hơn 290 ngày trong năm, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018 sớm hơn 2 tháng so với kế hoạch. Số lượng sản phẩm tiêu thụ đạt 30.044.797 sản phẩm, đạt 113% so với cùng kỳ năm 2017.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

CÁC YẾU TỐ KHÁCH QUAN

- ◆ Thị trường tiêu thụ tốt (Mỹ)
- ◆ CP TPP được Quốc hội Việt Nam thông qua
- ◆ Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung
- ◆ Kiểm soát hạn mức lưu động của các nhà máy
- ◆ Áp dụng thanh toán điện tử tự động quốc tế đối với các khách hàng: Decathlon, TCP, Adidas, A&F
- ◆ Khách hàng mới: Adidas trong năm 2018
- ◆ Tăng cường bộ chỉ số kiểm soát quản trị công ty

CÁC YẾU TỐ CHỦ QUAN

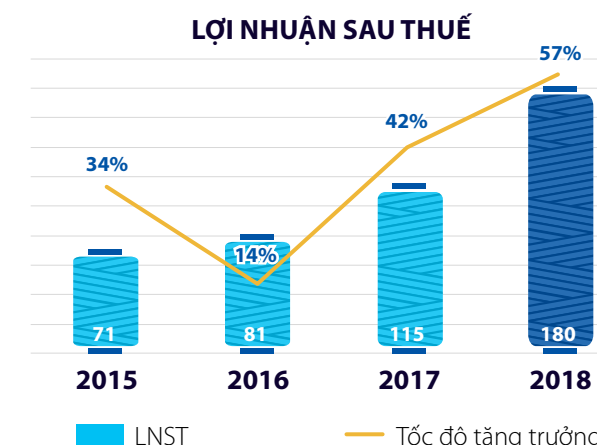
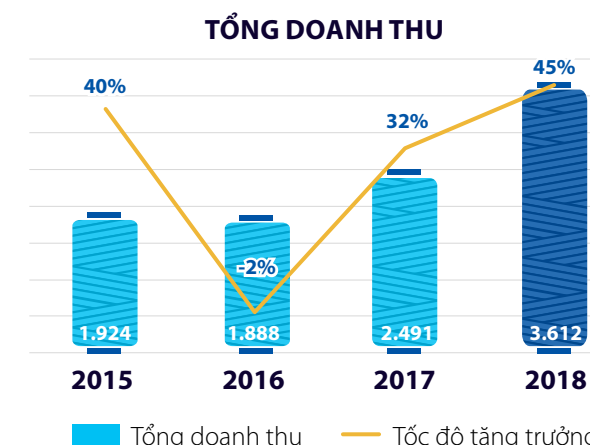
- ◆ Tổ chức các khóa đào tạo Giám đốc các nhà máy may của TNG
- ◆ Thành lập hội đồng đàm phán giá hàng xuất khẩu
- ◆ Số lượng lao động tuyển dụng lớn
- ◆ Đầu tư các hệ thống máy tự động: Máy trải vải tự động, máy cắt tự động,... hướng dẫn tới sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc điều hành máy trong quá trình sản xuất.

BÁO CÁO KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 2018 KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	CỔ ĐÔNG	ĐVT	TH NĂM 2017	SỐ CỔ PHẦN		TỶ LỆ	
				KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	4=3/2	5=3/1
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Tổng Kim ngạch Xuất khẩu	Triệu USD	164	180	207	115%	126%
2	Tổng Kim ngạch Nhập khẩu	Triệu USD	84	92	108	117%	129%
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.491	2.750	3.612	131%	145%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	136	153	214	140%	157%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	115	127	180	142%	157%
6	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	4,6%	4,6%	5,0%	108%	108%
7	Nộp NSNN	Triệu đồng	16.398	33.203	47.382	143%	289%
8	Giá trị trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác	Tỷ đồng	140	201	209	105%	151%
9	Lao động bình quân làm việc	Người	11.076	12.712	14.199	112%	128%
10	Số chuyển may	Chuyển	220	235	253	108%	115%
11	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Sản phẩm	26.471.700	28.589.436	30.044.797	105%	113%

NĂM 2018 LÀ NĂM CÔNG TY CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VỀ TỔNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG ẨM TƯỢNG NHẤT TRONG 4 NĂM GẦN ĐÂY, CỤ THỂ:

- ◆ Doanh thu năm 2018 tăng 45% so với năm 2017
- ◆ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng 57% so với năm 2017



- ◆ Báo cáo kết quả kinh doanh 10 tháng 2018, doanh thu lũy kế 3.040 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trước 2 tháng tương ứng 10,5%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 147 Tỷ VNĐ, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trước 2 tháng tương ứng 15,7%.

CÔNG TÁC VẬN HÀNH SẢN XUẤT

- ◆ Các nhà máy TNG vận hành hơn 290 ngày trong năm, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 2018 sớm hơn 2 tháng so với kế hoạch (Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng, TNG đã vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà HĐQT và ĐHĐCĐ giao phó). Số lượng sản phẩm tiêu thụ đạt 30.044.797 sản phẩm, đạt 113% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.
- ◆ Tiêu hao bình quân nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất giảm từ 3% xuống còn 1,89%.
- ◆ Tiêu hao điện, nước, than trên 1 đơn vị sản phẩm đều giảm, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất chung, giúp làm gia tăng lợi nhuận.
- ◆ Các hệ thống máy tự động, cũng như máy vận hành thủ công đều được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, được kiểm tra, giám sát thường xuyên, thay thế công cụ dụng cụ ngay khi phát sinh giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ TRUYỀN THÔNG

- ◆ Tiếp tục khẳng định thương hiệu sản xuất của các nhà máy TNG thông qua việc hợp tác với khách hàng lớn như Adidas, G-III (Mỹ), IMPERAL (Canada), CHOIS (Hàn Quốc).
- ◆ Duy trì hợp tác kinh doanh với những thương hiệu khách hàng truyền thống như: Nike, Mango, Zara, Decathlon, Jordan, Tom Tailor, C&A, TCP, Mango, Columbia, Carhatt.
- ◆ Truyền thông về sản phẩm thời trang nội địa qua các kênh: Facebook, Google +, Youtube, trang web điện tử của Công ty. Các kênh báo như: Cafef, Báo đầu tư chứng khoán,...

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- ◆ Khởi công xây dựng nhà máy TNG Võ Nhai theo tiêu chuẩn nhà máy xanh (Leed và Lotus) với 32 chuyên may, công suất dự kiến đạt 6 triệu sản phẩm/ 1 năm.
- ◆ Khởi công cải tiến xây dựng nhà máy TNG Đồng Hỷ, đạt 30 chuyên may, nâng công suất nhà máy đạt 2,6 triệu áo jacket/ 1 năm, nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong quý III/2019.
- ◆ Bước vào giai đoạn hoàn thiện khu nhà TNG Village, sẽ bàn giao sản phẩm hoàn thiện trong quý II – quý III năm 2019.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA TNG NĂM 2018

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- ♦ Tích hợp các hệ thống cảnh báo cũng như hệ thống hỗ trợ đánh giá rủi ro và quản lý rủi ro với hệ thống quản trị ERP có sẵn.
- ♦ Cải tiến và nâng cấp, giúp kết nối tất cả cả phân hệ trên phần mềm quản trị ERP, phần mềm kế toán Bravo, phần mềm theo dõi bán hàng, phần mềm theo dõi công nợ giữa TNG và khách hàng, giúp cho số liệu được so sánh chéo tại một thời điểm bất kỳ, giúp phát hiện ra những sai sót một cách nhanh nhất và giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.
- ♦ Văn bản hóa các quy trình, đánh giá xây dựng quy trình làm việc đảm bảo rủi ro của từng quy trình được kiểm soát ở mức có thể chấp nhận được theo khung quản trị rủi ro Coso ERM.
- ♦ Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra 5S, Lean – sản xuất tinh gọn tại các nhà máy sản xuất.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp luôn được duy trì và ứng xử tuân theo bộ quy tắc ứng xử của Công ty bao gồm các mục:

Văn hóa về công tác nhân sự: Nhiệt tình, vui vẻ, quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn, thực hiện công tác hòa nhập cho nhân viên mới. Tạo môi trường thân thiện, hòa đồng.

Văn hóa về tiếp khách đón khách: Đúng giờ, lịch sự, chu đáo, nhiệt tình. Niềm nở, chủ động chào hỏi.

Văn hóa sử dụng không gian chung: Đi lại nhẹ nhàng, tránh đi giày dép tạo ra tiếng ồn quá lớn làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc chung.

Văn hóa làm việc: Cụ thể, đúng người, đúng việc, không giao việc chông chéo.

Văn hóa tuyển dụng lao động: Tận tình hướng dẫn ứng viên về hồ sơ tuyển dụng, quy trình tuyển dụng. Tư vấn và giải thích rõ ràng các chính sách, chế độ, quyền lợi đối với người lao động. Công tác tuyển dụng công khai, minh bạch.

Văn hóa về phân phối thu nhập: Có tính ổn định, minh bạch, dân chủ. Trả lương đúng thời hạn quy định. Thông báo cho người lao động 1 tháng trước khi thực hiện.

Văn hóa về thực hiện nội quy lao động: Nội quy lao động được phổ biến tới từng nhân viên. Thực hiện nghiêm túc, chủ động và tự giác.

Văn hóa kinh doanh: Kinh doanh đúng pháp luật, công khai, minh bạch.

Văn hóa sử dụng điện thoại: Trao đổi nội dung ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể. Nói chuyện từ tốn, âm lượng vừa phải. Kết thúc trao đổi phải có lời cảm ơn, lời chào.

Văn hóa sử dụng tài sản chung của Công ty: Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích. Không mang tài sản, phương tiện ra khỏi nơi làm việc nếu chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Văn hóa về thực hiện an toàn bảo hộ lao động: Kiểm tra và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát khi làm việc, kiểm tra tình trạng máy móc trước khi sử dụng, thực hiện đúng quy trình, thao tác làm việc an toàn, ngắt thiết bị nguồn điện trước khi ra về. Không để hàng hóa che lấp, xâm lấn thiết bị chữa cháy, tủ thuốc và lối thoát nạn, thoát hiểm. Không mang chất cấm, nguy hiểm cháy nổ vào Công ty.

Văn hóa chống tham nhũng: Công khai minh bạch các thông tin đầu thầu qua website, báo chí...nhận diện các hành vi có nguy cơ tham nhũng để giáo dục tư tưởng và ngăn chặn.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- ♦ Thành lập Phòng Nghiên cứu may mẫu với trách nhiệm nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới, với tiêu chí đạt biên lợi nhuận cao nhất, tiện ích đối với người sử dụng, có thị trường tiêu thụ tiềm năng, vật liệu sử dụng thân thiện với môi trường.
- ♦ Trong năm 2018, đội ngũ may mẫu TNG đã nghiên cứu và phát triển thành công mẫu “Lều du lịch” – giúp đa dạng hóa sản phẩm của TNG, góp phần tăng năng lực cạnh tranh cũng như gia tăng doanh thu.
- ♦ Đội ngũ phát triển sản phẩm mới đã sáng tạo ra sản phẩm đường may không chỉ - kiểu dáng thời trang, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường – được Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (Cục Bản quyền tác giả) cấp Giấy chứng nhận ký quyền tác giả số 2773/2018/QTG ngày 04/06/2018 cho “Bài viết về quá trình sản xuất áo sơ mi đường may không chỉ theo công nghệ ép seam”

14,45
TỶ VND
Tổng chi phí tiết kiệm được

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ, TIẾT KIỆM/ TIẾT GIẢM

- ♦ Trong năm 2018 TNG tiết kiệm được 14.451.587.987 đồng, trong đó tiết kiệm/ tiết giảm từ chi cho nguyên liệu, vật liệu, năng lượng đưa vào sản xuất là 9.682.563.951 đồng, tiết kiệm được từ công tác quản lý và chi phí bán hàng là 4.769.024.036 đồng
- ♦ TNG thực hiện tiết giảm chi phí bằng cách từ đầu năm tài chính các bộ phận thống nhất xây dựng bản kế hoạch giao chi tiết về tỷ lệ chi phí cũng như các Kpis đi kèm, theo đó suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018, các bộ phận chịu trách nhiệm hoàn thành kế hoạch được giao của bộ phận mình về việc tự quản trị chi phí phát sinh.

9.576
LƯỢT
Người được đào tạo tăng 116% so với kế hoạch năm 2018

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- ♦ Công ty xác định nguồn nhân lực là một trong những tài sản quan trọng nhất, góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Do vậy, phát triển nguồn lực được TNG thực sự chú trọng qua việc tổ chức đào tạo về kỹ năng, kiến thức và đặc biệt là thái độ để đảm bảo nguồn lực hiện có đủ về số lượng, chất lượng và có phẩm chất phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.
- ♦ Tổ chức đào tạo được 9.576 lượt người đạt 116% so với kế hoạch năm 2018.

Những người lao động tại TNG luôn được đào tạo, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp tới công việc mà mình chịu trách nhiệm. Tại TNG người lao động ở tất cả các vị trí hàng năm đều được kiểm tra cả về mặt kiến thức cũng như kinh nghiệm làm việc, qua đó người quản lý chịu trách nhiệm giám sát sẽ có những đánh giá cụ thể để xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

- ◆ Điểm nhấn: Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 116,9 tỷ đồng. Năm 2018 lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện đáng kể. Bằng những nỗ lực thực hiện chương trình thanh toán điện tử tự động quốc tế qua ngân hàng HSBC và Standard Chartered, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương cho thấy hiệu quả trong việc thu hồi công nợ từ khách hàng đã tốt hơn so với năm 2017.
- ◆ Ngày 12/12/2018 phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi trị giá 200 tỷ cho nhà đầu tư là Korea Investment & Securities Co., Ltd (là người được ủy thác của Quỹ đầu tư tập trung Asam Việt Nam 1), nguồn vốn được huy động bổ sung phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, đồng thời giúp cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty.
- ◆ Bảng tóm tắt các chỉ số tài chính của TNG qua các năm (số liệu Báo cáo kiểm toán tài chính qua các niên độ):

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
HỆ SỐ QUẢN TRỊ CHI PHÍ									
GVHB/ DTT	78,2%	83,7%	80,5%	81,5%	81,0%	81,9%	82,3%	82,4%	82,3%
Chi phí lãi vay/ DTT	3,7%	4,5%	6,4%	6,3%	4,5%	3,0%	3,6%	3,0%	2,5%
Chi phí BH/ DTT	2,5%	1,7%	2,2%	2,3%	2,0%	1,9%	1,5%	2,7%	2,8%
Chi phí QLDN/ DTT	10,8%	7,0%	9,2%	8,7%	7,8%	7,6%	7,4%	6,0%	5,9%
KHẢ NĂNG SINH LỜI									
Tăng trưởng Doanh thu	32,1%	84,1%	5,5%	-2,4%	16,7%	39,7%	-1,9%	31,8%	45,2%
Tỷ lệ lãi gộp	21,8%	16,3%	19,5%	18,5%	19,0%	18,1%	17,7%	17,6%	17,7%
ROS	3,9%	2,1%	1,8%	1,2%	3,9%	3,7%	4,3%	4,6%	5,0%
ROE	20%	14%	10%	7%	22%	21%	17%	20%	25%
ROA	5,6%	3,7%	2,5%	1,5%	4,9%	5,1%	4,7%	5,7%	7,5%

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
HỆ SỐ CƠ CẤU NỢ									
Vay ngân hàng / VCSH	2,19	1,80	2,39	3,08	3,08	2,53	2,20	2,17	1,83
Tổng Nợ phải trả/ Tổng Tài sản	72,58%	72,74%	75,88%	77,80%	78,06%	75,45%	72,57%	71,75%	70,46%
Tổng Nợ phải trả/ VCSH	2,65	2,67	3,15	3,50	3,56	3,07	2,65	2,54	2,38
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ									
Doanh thu/ Tổng Tài Sản	1,44	1,72	1,36	1,23	1,28	1,37	1,09	1,22	1,50
Sức sản xuất của TSCĐ	11,25%	7,41%	4,80%	2,75%	9,05%	10,36%	9,93%	12,72%	19,13%
KHẢ NĂNG THANH TOÁN									
Khả năng thanh toán lãi vay	2,74	2,01	1,35	1,25	2,11	3,27	2,73	3,07	3,83
Khả năng thanh toán tổng quát	1,38	1,37	1,32	1,29	1,28	1,33	1,38	1,39	1,42
Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,77	0,79	0,78	0,75	0,72	0,75	0,77	0,81	0,92
Khả năng thanh toán nhanh	0,39	0,40	0,37	0,30	0,27	0,34	0,35	0,35	0,39
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG									
Vòng quay hàng tồn kho	4,84	5,98	4,44	3,72	3,78	4,68	3,92	3,88	4,15
Vòng quay phải thu	11,00	14,80	10,31	9,01	9,99	9,19	7,47	7,57	8,39
Vòng quay phải trả	16,01	17,44	16,35	15,03	16,59	11,69	10,50	15,14	16,13
KHẢ NĂNG TẠO TIỀN									
Kỳ chuyển tiền hàng tồn kho	74	60	81	97	95	77	92	93	87
Kỳ chuyển tiền phải thu	33	24	35	40	36	39	48	48	43
Kỳ chuyển tiền phải trả	22	21	22	24	22	31	34	24	22
Kỳ chuyển tiền mặt	85	64	94	113	110	85	106	117	107



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Bảng so sánh các chỉ số tài chính của TNG so với các công ty cùng ngành may mặc năm 2018 (Số liệu của MSH và TNG là số liệu sau kiểm toán, số liệu của các công ty còn lại được lấy là số liệu trước kiểm toán)

MÃ CỔ PHIẾU	VGT	TDT	GMC	TCM	MSH	TNG
HỆ SỐ QUẢN TRỊ CHI PHÍ						
GVHB/ DTT	90,6%	78,7%	82,3%	81,5%	79,9%	82,3%
Chi phí lãi vay/ DTT	2,4%	1,7%	0,6%	1,4%	0,9%	2,5%
Chi phí BH/ DTT	2,8%	2,8%	3,1%	3,9%	3,7%	2,8%
Chi phí QLDN/ DTT	4,5%	8,7%	6,3%	6,3%	5,3%	5,9%
KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỷ lệ lãi gộp	9,4%	21,3%	17,7%	18,5%	20,1%	17,7%
ROS	3,8%	7,2%	6,6%	7,1%	9,4%	5,0%
ROE	9%	21%	41%	22%	44%	25,4%
ROA	3,4%	9,0%	14,1%	8,3%	15,1%	7,5%
HỆ SỐ CƠ CẤU NỢ						
Vay ngân hàng /VCSH	1,28	1,04	1,04	1,06	1,00	1,83
Tổng nợ phải trả/ Tổng Tài sản	63,14%	56,54%	65,34%	62,63%	65,54%	70,46%
Tổng nợ phải trả/ VCSH	1,71	1,30	1,88	1,68	1,90	2,38
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ						
Doanh thu/ Tổng Tài Sản	0,91	1,24	2,13	1,17	1,61	1,50
Sức sản xuất của TSCĐ	10,43%	32,77%	74,10%	22,73%	58,89%	19,13%
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Khả năng thanh toán lãi vay	1,66	5,96	15,07	7,41	14,68	3,83
Khả năng thanh toán tổng quát	1,58	1,77	1,53	1,60	1,53	1,42
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,25	1,30	1,21	1,05	1,21	0,92
Khả năng thanh toán nhanh	0,73	0,47	0,74	0,47	0,81	0,39
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	4,16	2,28	6,02	3,07	5,29	4,15
Vòng quay phải thu (lần)	8,78	10,52	7,38	9,56	8,40	8,39
Vòng quay phải trả (lần)	15,29	15,89	12,79	11,20	20,95	16,13
KHẢ NĂNG TẠO TIỀN						
Kỳ chuyển tiền hàng tồn kho (ngày)	87	158	60	117	68	87
Kỳ chuyển tiền phải thu (ngày)	41	34	49	38	43	43
Kỳ chuyển tiền phải trả (ngày)	24	23	28	32	17	22
Kỳ chuyển tiền mặt (ngày)	104	170	80	123	94	107

CÔNG TÁC NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

- Lao động bình quân làm việc đạt 14.199 người, đạt 112% so với kế hoạch năm 2018, 128% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.
- Mức thu nhập bình quân đạt 9.257.305 đồng/01 người lao động/01 tháng tăng 18% so với năm 2017 (7.788.449 đồng/ 01 người lao động).
- Công tác tiền lương: Công ty tiếp tục xem xét và cải tiến các chế độ chính sách đối với người lao động. Luôn tạo môi trường làm việc năng động, bình đẳng, đồng thời thực hiện tốt chính sách về an toàn lao động, tiền lương, tiền thưởng, các loại bảo hiểm và các chế độ chính sách khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

- Thực hiện nhận diện và đánh giá rủi ro với 298 công đoạn sản xuất để tìm ra các mối nguy và đề ra các biện pháp phòng tránh và quản lý.
- Huấn luyện chuyên biệt cho các lao động nhóm 1,2,3,5: 412 người và huấn luyện định kỳ cho hơn 12.000 lao động nhóm 4 đang làm việc tại Công ty.
- Lập sổ theo dõi và kiểm định cho 138 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động theo quy định.
- Quan trắc 1.581 mẫu trong môi trường lao động của người lao động để đánh giá môi trường làm việc, các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của pháp luật.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và quần áo bảo hộ lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên với kinh phí hơn 2,7 tỉ đồng.
- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm đối với người lao động với kinh phí hơn 1,3 tỉ đồng.
- Năm 2018, Công ty đã thực hiện 02 số lần diễn tập PCCC, cứu hộ cứu nạn, với tổng số 406 lượt người tham gia. Trong đó có 01 lần diễn tập nội bộ 01 lần phối hợp với cảnh sát phòng cháy và chữa cháy địa phương, diễn tập 07 phương án chữa cháy cơ sở.

18%

Thu nhập bình quân của người lao động tăng 18% so với năm 2017

180
Tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế, đạt 142% so với kế hoạch năm 2018, 157% so với cùng kỳ 2017

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Số lượng Sản phẩm tiêu thụ đạt 40.004.797 sản phẩm, đạt 105% so với kế hoạch năm 2018, 113% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Tổng Doanh thu đạt 3.612 tỷ đồng, đạt 131% so với kế hoạch năm 2018, 145% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Kim ngạch xuất khẩu đạt 207 triệu USD, đạt 115% so với kế hoạch năm 2018, 126% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Nộp ngân sách nhà nước đạt 47.382 triệu đồng, đạt 143% so với kế hoạch năm 2018, 289% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế đạt 214 tỷ đồng, đạt 140% so với kế hoạch năm 2018, 157% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

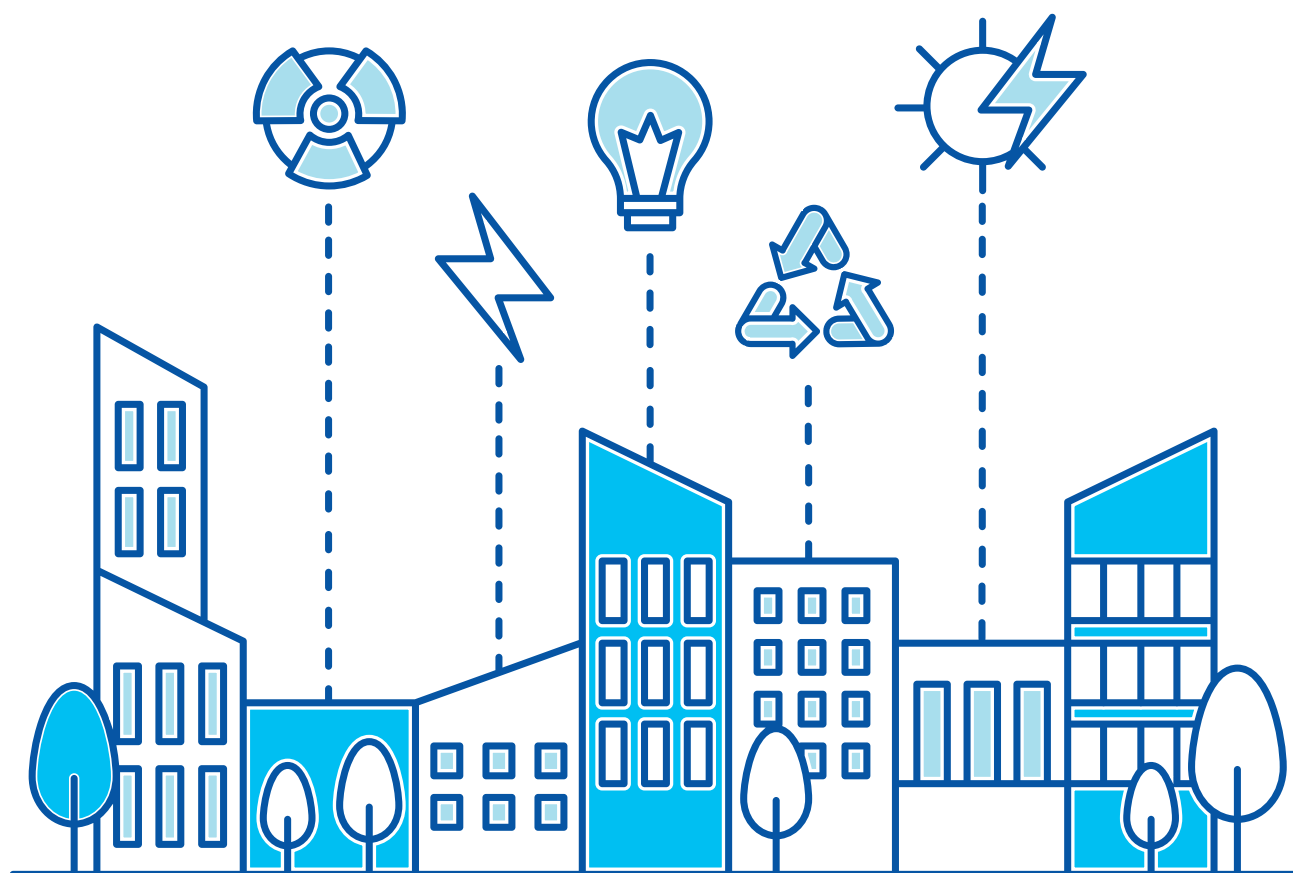
Lợi nhuận sau thuế đạt 180 tỷ đồng, đạt 142% so với kế hoạch năm 2018, 157% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Giá trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác 209,82 tỷ đồng, đạt 105% so với kế hoạch năm 2018, 151% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017.

Tất cả các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thu, doanh thu, lợi nhuận, số lượng lao động, giá trị đầu tư mua sắm MMTB tại TNG năm 2018 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng rất lớn so với cùng kỳ năm 2017.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường và không bị các khoản phạt hay bồi thường nào về các vấn đề liên quan đến môi trường.



Các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội mà các Nhà máy may TNG đạt được cụ thể như sau:

Các Nhà máy TNG Việt Đức, TNG Việt Thái, TNG Đại Từ, TNG Sông Công 1: Đạt tiêu chuẩn Wrap, Better Work.

Nhà máy TNG Sông Công 2, 3 và TNG Đồng Hỷ: Đạt tiêu chuẩn Wrap.

Nhà máy TNG Phú Bình 1 và Nhà máy TNG Phú Bình 4: Đạt tiêu chuẩn Wrap, BSCI.

Nhà máy TNG Phú Bình 2 và TNG Phú Bình 3: Đạt tiêu chuẩn Wrap, Better Work, BSCI.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Năm 2018 là năm có tốc độ phát triển vượt bậc trong 04 năm gần đây, với tốc độ phát triển doanh thu lên tới 45%; để tiếp tục phát triển, vượt qua những khó khăn, thách thức trong thời gian tới, TNG đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2019 như sau:

- ◆ Tiếp tục xây dựng văn hóa Công ty, tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.
- ◆ Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phù hợp với Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật mới có hiệu lực của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.
- ◆ Ứng dụng công nghệ giảm thao tác công đoạn nhập liệu phần mềm.
- ◆ Ứng dụng công nghệ internet kết nối vạn vật (IoT) kết nối giữa kho thông minh, đồng bộ hóa giữa các thiết bị di động kết nối với dữ liệu các thiết bị sản xuất.
- ◆ Không ngừng cải tiến ứng dụng sơ đồ chuỗi giá trị VSM tinh gọn hệ thống sản xuất.
- ◆ Triển khai dự án đầu tư Nhà ở TNG village (hoàn thiện và bàn giao nhà trong Quý II năm 2019), Nhà máy may TNG Đồng Hỷ (2,6 triệu jacket/ 1 năm), Nhà máy may TNG Võ Nai (công suất: 06 triệu sản phẩm/ 01 năm).
- ◆ Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới đem lại giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của Công ty.
- ◆ Đẩy mạnh phát triển khách hàng ở các thị trường khác, cân đối tỷ lệ khách hàng ở các thị trường khác nhau một cách phù hợp.
- ◆ Tiếp tục giám sát và nâng cấp các quy trình kiểm soát, đánh giá chất lượng sản phẩm.
- ◆ Cải tiến, nâng cấp, tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm quản trị ERP.



CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN CÔNG TY

34.555.517
Sản phẩm trong năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2019
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	238
2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	124
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.154
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	246
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	208
6	Lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	5,7%
7	Nộp NSNN	Triệu đồng	54.489
8	Giá trị trị đầu tư mua sắm MMTB và các TSDH khác	Tỷ đồng	243
9	Lao động bình quân làm việc	Người	16.329
10	Số chuyển may	Chuyển	291
11	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Sản phẩm	34.551.517

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

Ngoài các dự án lớn trong năm 2019 như xây dựng Nhà máy may TNG Đồng Hỷ đưa số lượng lên đến 30 chuyển may (công suất: 2,6 triệu jacket/ 01 năm, tăng 300% so với năm 2018), Nhà máy mới TNG Võ Nhai với số lượng 32 chuyển may (Công suất: 06 triệu sản phẩm/ 01 năm), TNG còn đẩy mạnh nghiên cứu phát triển theo định hướng dài hạn:

- ◆ Xây dựng hệ thống kiểm soát và theo dõi chất lượng tới khi sản phẩm được cung cấp tới tay người tiêu dùng.
- ◆ Đầu tư vào hoàn thiện và sử dụng nhà ở TNG Village tại phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên.
- ◆ Tiếp tục đầu tư và đưa vào kinh doanh cụm công nghiệp Sơn Cẩm và khu tái định cư nhà ở thương mại tại xã Sơn Cẩm, Tp. Thái Nguyên.
- ◆ Đầu tư hoàn chỉnh và di dời hai nhà máy may Việt Đức và Việt Thái tới KCN Sơn Cẩm.
- ◆ Đầu tư bất động sản tại hai khu đất Việt Đức và Việt Thái.
- ◆ Tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp.
- ◆ Tiếp tục đầu tư cải tạo tất cả các nhà máy TNG theo tiêu chuẩn nhà máy xanh và phát triển bền vững.
- ◆ Tiếp tục mở rộng cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thời trang TNG fashion tới tất cả các tỉnh thành phố trong cả nước và tiến tới ở nước ngoài.

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ◆ Xây dựng cơ cấu nhân sự độc lập, không điều hành trong HĐQT, đảm bảo việc đưa ra những quyết định độc lập, khách quan và hiệu quả.
- ◆ Kiện toàn hệ thống kiểm toán nội bộ theo tiêu chuẩn quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về hoạt động kiểm toán nội bộ.
- ◆ Vận hành hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Coso, tiếp tục nâng cấp không ngừng hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP.

VẬN HÀNH SẢN XUẤT

- ◆ Tăng cường đầu tư máy và hệ thống tự động giúp nâng cao năng suất lao động, hướng tới áp dụng công nghệ 4.0.
- ◆ Triển khai dự án “Kho thông minh”.
- ◆ Tiếp tục cải thiện và ứng dụng sơ đồ chuỗi giá trị tinh gọn (Value Stream Mapping) trong hệ thống sản xuất của nhà máy

KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- ◆ Phát huy thế mạnh của Văn phòng đại diện của TNG tại New York, tìm kiếm những khách hàng mới, tiềm năng.
- ◆ Tận dụng lợi thế các hiệp định thương mại CT TPP, EVFTA phát triển thêm khách hàng ở các thị trường tiềm năng.
- ◆ Xây dựng hệ thống các nhà máy đạt tiêu chuẩn xanh (Leed, Lotus), đảm bảo được yêu cầu của các khách hàng về tiêu chuẩn nhà máy trong chuỗi giá trị cung ứng xanh, qua đó góp phần gia tăng khối lượng đơn hàng.

NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

- ◆ Hoàn thiện bộ từ điển đánh giá năng lực nhân sự, giao các chỉ số Kpis đến từng mắt xích nhỏ nhất trong chuỗi hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích về thu nhập cũng như tiến độ và năng suất lao động.
- ◆ Xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn đối với các vị trí nhân sự cấp cao và vị trí nhân sự chủ chốt.
- ◆ Thực hiện giám sát năng lực nhân sự hàng năm, đào tạo hàng năm đảm bảo nhân sự có đủ năng lực đáp ứng cho các vị trí cần thiết.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- ◆ Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng các dòng sản phẩm mới, biên lợi nhuận hiệu quả thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng chiến lược.
- ◆ Xây dựng cơ chế khen thưởng phù hợp với các phát minh, sáng chế có tác động hiệu quả trực tiếp hoặc gián tiếp có lợi cho Công ty.

QUẢN TRỊ VỐN, TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ

- ◆ Xây dựng kế hoạch dòng tiền từ đầu năm tài chính, luôn theo dõi bám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật, thay đổi kế hoạch về dòng tiền khi hoạt động sản xuất kinh doanh thay đổi.
- ◆ Xây dựng và bám sát kế hoạch huy động các nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ◆ Kiểm soát tiến độ của dự án và tuân thủ pháp luật.

MÔI TRƯỜNG, AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE

- ◆ Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan tới môi trường, an toàn lao động và sức khỏe.
- ◆ Tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3.612
Tỷ VND
Tổng doanh thu

VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh 60 ngày trước ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2018. Tổng doanh thu đạt 3.612 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2018; lợi nhuận sau thuế đạt 180 tỷ đồng, đạt 142% kế hoạch năm 2018. Số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,88 lần (năm 2017) lên 4,15 lần (năm 2018). Sức sản xuất của tài sản cố định tăng từ 12,72% (năm 2017) đến 19,13% (năm 2018). Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu tăng từ 4,6% (năm 2017) lên đến 5% (năm 2018).



VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

VỀ QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

Áp dụng hệ thống Value Stream Mapping – Chuỗi giá trị VSM tinh gọn vào hệ thống sản xuất giúp thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh trao đổi giữa các bộ phận được update online trên hệ thống nội bộ một cách kịp thời, giảm thời gian trao đổi thông tin. Dễ dàng tìm kiếm file thông tin. Sau khi áp dụng, nhân viên đơn hàng phòng kinh doanh có thể:

- ◆ Tiết kiệm được 85 phút/01 người/ 01 ngày làm việc đối với khâu xác nhận đơn hàng.
- ◆ Giảm 40% cho công đoạn triển khai sản xuất /01 ngày.
- ◆ Giảm 155 phút cho mỗi quy trình chuyển một loại hàng hóa nguyên liệu từ khâu nhập nguyên liệu cho đến khâu cấp nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.
- ◆ Công nhân không phải chờ việc.
- ◆ Giảm hao phí thiết bị máy.
- ◆ Công nhân không mất thời gian di chuyển giữa các vị trí.
- ◆ Tiết kiệm 1120s từ khi bắt đầu nhận nguyên vật liệu sản xuất trên chuyền tới khi có được sản phẩm hoàn thiện ở cuối chuyền.
- ◆ Năng suất tăng 64% sau khi áp dụng VSM (Value Stream Mapping).
- ◆ Không còn hàng ùn, đảm bảo 5S cho nhà máy sạch sẽ, ngăn nắp.
- ◆ Kiểm soát được thời gian công nghệ của từng công đoạn hoàn thiện mã hàng.
- ◆ Xuất đủ hàng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

85
Phút/ 01 người / 01 ngày
Thời gian tiết kiệm đối với khâu xác nhận đơn hàng

155
Phút
Thời gian tiết kiệm cho mỗi quy trình chuyển một loại hàng hóa nguyên liệu

1120
Giây
Thời gian tiết kiệm từ khi nhận nguyên vật liệu sản xuất tới khi có được sản phẩm hoàn thiện

64%
Năng suất tăng sau khi áp dụng VSM



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

Giám sát và kiểm soát chiến lược

- ◆ Quyết định về chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh thường niên.
- ◆ Quyết định về kế hoạch và các dự án đầu tư trong thẩm quyền.
- ◆ Quyết định về giải pháp mở rộng thị trường, marketing, và công nghệ.
- ◆ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, sa thải, ký kết và chấm dứt hợp đồng với TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.
- ◆ Giám sát và chỉ đạo và chỉ đạo TGD và các cán bộ quản lý khác.
- ◆ Quyết định về cơ cấu tổ chức của Công ty.
- ◆ Thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT.
- ◆ Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Thư ký công ty.
- ◆ Thông qua các tài liệu về quản lý nội bộ và Quy tắc quản trị Công ty.

Kiểm soát, công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch

- ◆ Nộp báo cáo tài chính thường niên lên ĐHCĐ.

- ◆ Đề xuất thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản lý, báo cáo kiểm toán (và báo cáo Quản trị công ty) gửi lên ĐHCĐ.
- ◆ Xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông

- ◆ Tham mưu cho ĐHCĐ về mức chi trả cổ tức, thời hạn và thủ tục chi cổ tức
- ◆ Giải quyết xung đột trong Công ty.
- ◆ Tổ chức ĐHCĐ.
- ◆ Tổ chức lấy ý kiến Cổ đông để ĐHCĐ thông qua các quyết định.

Đảm bảo vốn điều lệ và tài sản

- ◆ Đề xuất về các loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần mỗi loại sẽ được chào bán.
- ◆ Quyết định việc phát hành cổ phần mới trong giới hạn tổng số cổ phần mỗi loại có thể được chào bán.
- ◆ Quyết định về việc huy động vốn bổ sung dưới các hình thức khác.
- ◆ Quyết định về giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

- ◆ Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và quá trình thực hiện đạt được kế hoạch mà ĐHCĐ 2018 giao phó.
- ◆ Phối hợp chặt chẽ với hoạt động của Tiểu ban KTNB - là cánh tay nối dài của HĐQT trong việc giúp đem lại giá trị cho Công ty bằng việc cung cấp các dịch vụ tư vấn và đảm bảo bằng cách đánh giá hiệu quả, thiết kế của của hệ thống quản trị, kiểm soát và quản lý rủi ro.
- ◆ Tham gia các cuộc họp thường kỳ (hàng tuần, hàng tháng) của Ban TGD, qua đó nắm được các vấn đề phát sinh ngay khi xảy ra và có những chỉ đạo giám sát kịp thời giúp cho Ban TGD hoạt động hiệu quả nhất đảm bảo đạt được kế hoạch ĐHCĐ giao phó và phù hợp với định hướng phát triển chiến lược của Công ty.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT

CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH

- ◆ Chủ tịch HĐQT không kiêm TGD, HĐQT có tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập chiếm tối thiểu là 1/3, chủ nhiệm các tiểu ban trực thuộc HĐQT đều là các thành viên HĐQT độc lập, đảm bảo tỷ lệ cơ cấu trong thành viên HĐQT nam và nữ là 50 : 50.
- ◆ Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Đảm bảo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả với chi phí tiết kiệm nhất.
- ◆ Giám sát việc thực hiện Xây dựng các nhà máy của TNG đảm bảo tiêu chuẩn nhà máy xanh (Leed, Lotus).

- ◆ Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT trị độc lập phát huy được lợi thế của mình với vai trò là Thành viên HĐQT độc lập.
- ◆ Phát triển bền vững gắn liền với 17 tiêu chí phát triển bền vững của LHQ.
- ◆ Đẩy mạnh hoạt động R&D, phát triển các sản phẩm mới đem lại biên lợi nhuận cao.
- ◆ Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, tạo ra một môi trường văn hóa cởi mở, năng động, sáng tạo, đáp ứng được các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- ◆ Giám sát việc triển khai mở rộng khách hàng ở những thị trường khác ngoài những thị trường truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Nam Mỹ.
- ◆ Giám sát đánh giá trong việc cải thiện dây chuyền sản xuất giúp làm giảm thời gian sản xuất, nâng cao năng suất từ đó giảm các bước lãng phí.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- ◆ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ, giúp bộ phận kiểm toán nội bộ phát huy được năng lực là bộ phận nội bộ trong doanh nghiệp, nhưng đứng dưới góc độ là một bên đưa ra những khuyến nghị khách quan, độc lập giúp tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.
- ◆ Tiếp tục hoàn thiện, đánh giá lại các bộ chỉ số Kpis phù hợp đối với công việc của từng đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh, coi đây là một chốt kiểm soát trong nhiều mắt xích hoạt động của hệ thống quản trị rủi ro.
- ◆ Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP đáp ứng phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh, gắn liền với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Kết nối mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp tạo ra 1 kênh báo cáo thống nhất.
- ◆ Quản trị mọi hoạt động gắn liền với việc đánh giá lợi ích sẽ đạt được cũng như chi phí, rủi ro cũng như những biện pháp để kiểm soát rủi ro ở vùng có thể chấp nhận được.

Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG gồm có 03 thành viên:

STT	TIỂU BAN KTNB	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	Bà Hà Thị Tuyết	Trưởng TB	12.436	0,03%
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	96.033	0,19%
3	Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên	30.905	0,06%

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT giao và được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Tiểu ban KTNB.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, Tiểu ban KTNB đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia trực tiếp của cả 03 thành viên (tháng 03; tháng 06; tháng 09 và tháng 12 năm 2018). Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo các chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính 2018, Tiểu ban KTNB đã thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động lên HĐQT. Có thể tóm tắt kết quả hoạt động của Tiểu ban KTNB như sau:

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TIỂU BAN KTNB

- ♦ KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Tiểu ban KTNB thông qua việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp KTNB. Tiểu ban KTNB đánh giá chức năng KTNB hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị tăng thêm đáng kể cho Công ty. Cụ thể:
- ♦ Bộ máy KTNB khá gọn nhẹ nhưng hoạt động dựa trên các thông lệ tốt nhất, đảm bảo tính độc lập và chất lượng kiểm toán.
- ♦ Điều lệ KTNB, sổ tay KTNB cũng như thực tế hoạt động KTNB cho thấy KTNB TNG đã đạt được những yêu cầu cơ bản của KTNB khi so sánh với cuốn Cẩm nang KTNB do Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế Giới ("WB") đồng phát hành.
- ♦ Việc phối hợp giữa Ban TGD và Tiểu ban KTNB trong quản lý chức năng KTNB giúp KTNB phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh.
- ♦ Dù còn khó khăn về nhân sự nhưng kế hoạch KTNB 2018 đã được hoàn thành trước thời hạn. Kết quả

KTNB cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện rất tốt. Việc chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB đã có những kết quả tốt và sẽ là ưu tiên trong các năm tới.

- ♦ Vai trò của KTNB trong Công ty được ghi nhận và ngày càng nâng cao thông qua những phản hồi tích cực từ các đơn vị được kiểm toán.

GIÁM SÁT TUÂN THỦ VÀ CHỐNG GIAN LẬN

Tiểu ban KTNB thực hiện giám sát tính hiệu quả các hoạt động, biện pháp phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, điều lệ Công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật. Hiện nay Công ty đã thiết lập bộ máy để chỉ đạo và triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống gian lận.

GIÁM SÁT HỆ THỐNG QLRR VÀ KSNB

Định kỳ hàng quý, Tiểu ban KTNB giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo của KTNB, Kiểm toán độc lập, Bộ phận KSNB và QLRR. Kết quả giám sát cho thấy Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG có một khuôn khổ QLRR và KSNB hoạt động hữu hiệu:

- ♦ Tích hợp hệ thống QLRR và KSNB trực tiếp trên hệ thống phần mềm ERP giúp phát hiện rủi ro và kiểm soát kịp thời, đảm bảo rủi ro luôn ở mức có thể chấp nhận được.
- ♦ Có bộ máy chuyên trách QLRR và KSNB.
- ♦ Có quy trình và phương pháp QLRR.
- ♦ Rủi ro luôn được theo dõi và cập nhật để có biện pháp phù hợp.

CBCNV Công ty ý thức và có trách nhiệm đối với vấn đề QLRR. Hệ thống tự đánh giá KSNB góp phần tích cực vào việc nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên đối với QLRR và KSNB.

Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật và quản lý bởi bộ phận chuyên trách. Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ các quy trình hiện hành được thực hiện rất tốt.

GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tiểu ban KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính tháng, quý, sáu tháng, năm trước khi Ban TGD trình HĐQT, ĐHCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với chế độ, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Kết quả giám sát cho thấy:

- ♦ Báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- ♦ Trong năm không có bất kỳ thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- ♦ Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.

GIÁM SÁT DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kết quả giám sát cho thấy đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2018 của Kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập. Đối với việc lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019, HĐQT sẽ đề xuất để trình Đại hội Cổ đông biểu quyết lựa chọn.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA TIỂU BAN KTNB TRONG NĂM 2019

- ♦ Duy trì và phát huy các hoạt động sẵn có để đảm bảo hoạt động một cách hiệu quả, cũng như đưa ra những ý kiến khách quan, độc lập, cơ cấu nhân sự của Tiểu ban KTNB sẽ thay đổi hướng tới lựa chọn Trưởng Tiểu ban KTNB là thành viên HĐQT độc lập đảm bảo đầy đủ năng lực về chuyên môn, đạo đức để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của HĐQT.
- ♦ Truyền thông tầm quan trọng cũng như hiệu quả của việc áp dụng khung quản trị rủi ro tới từng đơn vị chức năng nhỏ nhất trong quá trình vận hành doanh nghiệp, giúp các đơn vị chức năng có một góc nhìn khác về cách vận hành hệ thống qua lăng kính quản trị rủi ro và kiểm soát.
- ♦ Xây dựng công cụ tích hợp trên phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP giúp đỡ cho Tiểu ban KTNB trong các hoạt động: Giám sát hoạt động KTNB, giám sát tuân thủ và chống gian lận, giám sát QLRR và KSNB, giám sát báo cáo tài chính gắn liền với định hướng và mục tiêu phát triển chiến lược.
- ♦ Giám sát chiến lược trong việc phát triển và đào tạo nguồn lực kiểm toán nội bộ.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 80 Thành viên và cơ cấu HĐQT
- 88 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và TBKTNB
- 90 Quản trị rủi ro

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU

HDQT TNG tại thời điểm 31/12/2018 gồm có 07 thành viên bao gồm Chủ tịch HDQT kiêm TGD, 4 thành viên chuyên trách và 2 thành viên HDQT độc lập.

STT	HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	9.539.265	19,33	Kiểm TGD
2	Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	3.998.103	8,10	Phó CT HĐQT
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên	96.033	0,19	Phó CT HĐQT
4	Hà Thị Tuyết	Thành viên	12.436	0,03	Trưởng Tiểu Ban KTNB
5	Đỗ Thị Hà	Thành viên	1.244.649	2,52	
6	Rusdy Pranata	Thành viên	0	0	Thành viên HĐQT độc lập
7	Lê Quang Vinh	Thành viên	0	0	Thành viên HĐQT độc lập

HDQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2018 vào ngày 22/04/2018, với sự tham gia của toàn bộ thành viên HDQT, Ban TGD và các tiểu ban trực thuộc HDQT. Tại cuộc họp Ban lãnh đạo Công ty đã trả lời thỏa đáng các câu hỏi chất vấn của Cổ đông. Kết quả biểu quyết của mỗi nội dung được ghi nhận trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội và được công bố đầy đủ và đúng thời gian quy định.

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 781/2018/NQ - ĐHCĐ ĐƯỢC TÓM TẮT LẠI NHƯ SAU:

THÔNG QUA BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017 VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2017

Thông qua Báo cáo kế quả SXKD năm 2017

- ◆ Doanh thu tiêu thụ: 2.491 tỷ đồng
- ◆ Lợi nhuận trước thuế: 136,66 tỷ đồng
- ◆ Lợi nhuận sau thuế: 115 tỷ đồng

Phân phối lợi nhuận năm 2017

- ◆ Trả cổ tức bằng cổ phiếu (20%): 82,234 tỷ đồng
- ◆ Trích quỹ đầu tư phát triển: 5,8 tỷ đồng
- ◆ Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn lưu động: 11,5 tỷ đồng
- ◆ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 11,5 tỷ đồng
- ◆ Thù lao HĐQT: 3,9 tỷ đồng

Chi trả thù lao HĐQT năm 2017

3,4 % lợi nhuận sau thuế năm 2017 bằng tiền mặt.

Chi trả cổ tức năm 2017 cho Cổ đông

20% vốn điều lệ bằng cổ phiếu.



THÔNG QUA KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

- ◆ Doanh thu : 2.750 tỷ đồng
- ◆ Lợi nhuận sau thuế: 127 tỷ đồng
- ◆ Chia cổ tức: Tối thiểu 16-20% vốn điều lệ.
- ◆ Thù lao HĐQT: Dự kiến chi trả 4,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

- ◆ Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính 2018.
- ◆ Phê chuẩn Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch HDQT kiêm nhiệm TGD Công ty.
- ◆ Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty (lần thứ 20).
- ◆ Thông qua quy chế quản trị Công ty.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- ◆ Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (Esop) 5%; và:
- ◆ Chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10%.
- ◆ Phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược 10.000.000 cổ phần; và/ hoặc
- ◆ Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tổng giá trị 200.000.000.000 đồng.





TÌNH HÌNH THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP CHÍNH THỨC CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018 HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp chính thức với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, các cuộc họp tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. HĐQT thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị.

STT	HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	07	100%	Kiểm TGD
2	Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	07	100%	Phó CT HĐQT
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên	07	100%	Phó CT HĐQT
4	Hà Thị Tuyết	Thành viên	07	100%	Trưởng Tiểu Ban KTNB
5	Đỗ Thị Hà	Thành viên	07	100%	
6	Rusdy Pranata	Thành viên	07	100%	Thành viên HĐQT độc lập
7	Lê Quang Vinh	Thành viên	07	100%	Thành viên HĐQT độc lập

TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2018

NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
897TNG/NQ-HĐQT	10/05/2018	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 22/04/2018
1598/NQ-HĐQT	12/07/2018	Thành lập nhà máy may TNG Đồng Hỷ trực thuộc Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
1608/NQ-HĐQT	13/07/2018	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Ủy quyền của ĐHCĐ
2275/NQ-HĐQT	24/09/2018	Triển khai phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư nước ngoài
2910/NQ-HĐQT	26/11/2018	Thông qua nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tham gia chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty
2888/NQ-HĐQT	06/12/2018	Điều chỉnh nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng tham gia chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty
2976/NQ-HĐQT	18/12/2018	Triệu tập phiên họp thường niên 2019 của ĐHCĐ

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT

- ◆ Các thành viên hiểu rõ công việc của mình và vận hành công việc một cách chủ động.
- ◆ Hoạch định chiến lược cụ thể, rõ ràng, minh bạch.
- ◆ Cơ quan HĐQT phối hợp cùng với Bộ phận kiểm toán nội bộ và cơ quan điều hành hiệu quả trong quá trình quản trị và kiểm soát rủi ro.
- ◆ Tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, điều lệ hoạt động của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

TIỂU BAN KTNB

Thành viên

Gồm có 03 người: Bà Hà Thị Tuyết, Ông Nguyễn Văn Đức và Ông Trần Minh Hiếu.

Trong năm 2018 Tiểu Ban KTNB đã họp 08 lần, các thành viên Tiểu ban có mặt đầy đủ 100%.

Trách nhiệm của Tiểu Ban KTNB

- ◆ Đưa ra đề xuất hoặc soạn thảo một bản đề xuất trình lên HĐQT liên quan đến việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên kiểm toán nội bộ.
- ◆ Góp ý kiến về ứng viên cho vị trí Kiểm toán độc lập.
- ◆ Góp ý kiến về bản dự thảo hợp đồng sẽ được ký với Kiểm toán độc lập.
- ◆ Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn trị các báo cáo tài chính.
- ◆ Đánh giá mức độ chính xác và mức độ hoàn thiện của những thông tin tài chính trước khi công bố.
- ◆ Đánh giá tính độc lập của Kiểm toán độc lập.
- ◆ Giám sát chức năng kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.
- ◆ Rà soát những điều kiện có thể dẫn đến việc miễn nhiệm Kiểm toán Độc lập, và đề xuất ý kiến trong những trường hợp như vậy.
- ◆ Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan tới chức năng kiểm toán trong Công ty do HĐQT giao phó.

Hoạt động trong năm 2018: Vui lòng xem Báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của Tiểu Ban KTNB cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Trong năm 2018 Tiểu ban thực hiện 12 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong tiểu ban.

Thành viên

STT	TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Thời	Trưởng TB	9.539.265	19,33%	CT.HĐQT
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	3.998.103	8,1%	Phó CT. HĐQT
3	Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên	30.905	0,06%	Phó TGD

Trách nhiệm của tiểu ban

- ◆ Xác định các chiến lược phát triển, mục tiêu và kế hoạch, cũng như những chỉ tiêu thành tích cơ bản của Công ty.
- ◆ Xác định các ưu tiên hoạt động.
- ◆ Xây dựng chính sách tổ chức.
- ◆ Đánh giá năng suất dài hạn trong các hoạt động của Công ty.

Hoạt động trong năm 2018

- ◆ Giám sát hoạt động của ban điều hành đảm bảo đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 ĐHCĐ giao phó và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- ◆ Cập nhật các thông tin về sự thay đổi, biến động của thị trường đảm bảo chiến lược phát triển của Công ty bắt kịp với tốc độ thay đổi của môi trường, kinh doanh đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

TIỂU BAN NHÂN SỰ, LƯƠNG THƯỜNG

Trong năm 2018, Tiểu ban đã thực hiện 06 cuộc họp liên quan tới các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của tiểu ban, các thành viên tham dự họp đầy đủ 100%.

Thành viên

STT	TIỂU BAN NHÂN SỰ, LƯƠNG THƯỜNG	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Bà Lương Thị Thúy Hà	Trưởng TB	364.548	0,74%	P.TGD
2	Ông Lê Quang Vinh	Thành viên	0	0%	Thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên	1.244.649	2,52%	Thành viên HĐQT không điều hành

Trách nhiệm của tiểu ban

- ◆ Soạn thảo bản đề xuất về chính sách lương thưởng để trình lên HĐQT hoặc góp ý đối với bản đề xuất về chính sách lương thưởng do HĐQT trình đưa ra.
- ◆ Soạn thảo bản đề xuất về định mức lương thưởng đối với các thành viên HĐQT, Ban TGD và Kiểm toán Độc lập, hoặc góp ý đối với nội dung bản đề xuất của HĐQT. Bản đề xuất đó sẽ kiến nghị về cơ cấu lương thưởng và định mức lương thưởng.
- ◆ Định kỳ (mỗi năm ít nhất hai lần) đánh giá quy mô và cơ cấu lương thưởng của từng thành viên HĐQT và Ban TGD điều hành, cũng như của Kiểm toán Độc lập và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên ĐHCĐ trong kỳ đại hội tiếp theo.
- ◆ Thực thi những nhiệm vụ khác liên quan tới chính sách lương thưởng của Công ty được HĐQT giao phó.

Hoạt động trong năm 2018

- ◆ Đưa ra chiến lược thu hút người lao động làm việc qua việc thay đổi các nội dung trong quy chế phân phối thu nhập.
- ◆ Tư vấn phát triển nguồn nhân lực có tay nghề kỹ thuật cao.
- ◆ Giám sát cách đánh giá năng lực từng nhân viên và đưa vào hệ thống đánh giá tự động trên phần mềm của từng cá nhân đối với công việc.
- ◆ Định hướng các cơ chế, chính sách tạo động lực cho người lao động thông qua cơ chế thưởng, thưởng sáng kiến,...

TIỂU BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong năm tiểu ban thực hiện 04 cuộc họp, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Trao đổi các nội dung trong phạm vi quyền của Tiểu ban.

Thành viên

STT	TIỂU BAN PTBV	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Trưởng TB	96.033	0,19%	Phó CT. HĐQT
2	Ông Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên	1.836.385	3,72%	Trưởng VP Đại diện New York
3	Ông Rusdy Pranata	Thành viên	0	0%	Thành viên HĐQT độc lập



Trách nhiệm của tiểu ban

- ♦ Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty theo định hướng phát triển bền vững.
- ♦ Kiểm tra, giám sát tất cả hoạt động Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự, môi trường... nhằm đảm bảo cho Công ty có được hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính bền vững, nhân sự bền vững và môi trường làm việc cải thiện.
- ♦ Giám sát và đánh giá hoạt động lập Báo cáo Doanh nghiệp bền vững hàng năm theo tiêu chuẩn GRI.
- ♦ Giám sát và đánh giá việc thực hiện đánh giá Doanh nghiệp theo Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững CSI của VCCI.

Hoạt động trong năm 2018

- ♦ Hoạch định chiến lược phát triển chương trình phát triển bền vững của Công ty theo quy định.
- ♦ Giám sát thực hiện các chính sách đối với người lao động, giảm thiểu lãng phí về năng lượng, góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ngoài các trách nhiệm được giao trong các tiểu ban, Thành viên HĐQT độc lập còn có những trách nhiệm như sau:

♦ Ông **RUSDY PRANATA**

- ♦ **Trách nhiệm:** Tham gia quá trình đàm phán giá thành cổ phần, hỗ trợ quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế, phân tích tình hình ngành dệt may trên thế giới cũng như Việt Nam để có chính sách phù hợp.
- ♦ **Kết quả:** Tham gia cùng HĐQT đàm phán với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Xúc tiến gặp gỡ các khách hàng tại Nhật Bản và Hàn Quốc. Đề xuất đưa ra các tư vấn để việc phát hành trái phiếu. Đánh giá về việc mở rộng thị trường kinh doanh.

♦ Ông **LÊ QUANG VINH**

- ♦ **Trách nhiệm:** Giám sát các hoạt động liên quan tới IR.
- ♦ **Kết quả:** Giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động của TNG hay liên quan đến quyền của của Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc bất cứ quyền và nghĩa vụ nào được pháp luật quy định theo hướng chủ động thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018 HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG không có sự thay đổi nào về mặt nhân sự.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc tại Công ty và sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo Quy chế của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên,... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT TNG đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

Khóa đào tạo sau ngày 31/12/2018

Ngày 10 - 12/01/2019 Ông Nguyễn Văn Thời – CT. HĐQT và Ông Nguyễn Văn Đức – Phó CT. HĐQT đã tham dự khóa học “Director Certification Program – Dcp1” dành cho thành viên HĐQT công ty do Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HĐQT VÀ TBKTNB

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG
HĐQT			
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	3.396.648.527
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.245.372.768
3	Nguyễn Văn Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	1.571.975.669
4	Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT	600.798.637
5	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Rusdy Pranata	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000
7	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT độc lập	120.000.000
TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ			
1	Hà Thị Tuyết	Trưởng Tiểu Ban KTNB	600.798.637
2	Nguyễn Văn Đức	Thành viên Tiểu Ban KTNB	1.571.975.669
3	Trần Minh Hiếu	Thành viên Tiểu Ban KTNB	1.518.350.805

BAN TGD VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG
BAN TGD			
1	Nguyễn Văn Thời	TGD	3.396.648.527
2	Trần Minh Hiếu	Phó TGD	1.518.350.805
3	Đoàn Thị Thu	Phó TGD	1.573.167.190
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó TGD	1.263.520.282
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	915.476.358

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TĂNG/GIẢM
1	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	2.498.420	3.998.103	1.499.683
2	Nguyễn Mạnh Linh	Trưởng VP Đại diện New York	983.988	1.836.385	852.397
3	Nguyễn Thị Miên	Em gái chủ tịch HĐQT	58.620	48.844	(9.776)
4	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái chủ tịch HĐQT	240.159	198.116	(42.043)
5	Nguyễn Thị Miện	Em gái chủ tịch HĐQT	239.214	187.264	(51.950)
6	Nguyễn Văn Thời	Em trai chủ tịch HĐQT	421.744	3.644	(418.100)
7	Đoàn Thị Thu	Phó TGD	241.750	118.699	(123.051)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2018 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm toán, Ban TGD và cán bộ quản lý

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết cụ thể:

- ♦ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- ♦ Nghị định Số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng .
- ♦ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/nđ- cp ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- ♦ Luật Chứng Khoán số: 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006.
- ♦ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ♦ Đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn về quản trị công ty dựa trên các thông lệ tốt của quốc tế:
- ♦ Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean
- ♦ Nguyên tắc quản trị G20/OECD



Để ký hợp đồng đối với từng khách hàng, TNG phải đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn đặc biệt liên quan tới đánh giá về môi trường cũng như trách nhiệm xã hội. Do đó những rủi ro liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội luôn được chú trọng đối với chiến lược phát triển của Công ty xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển.

MÔ HÌNH KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI TNG

Mô hình khung quản trị rủi ro tại TNG gồm có 5 cấu phần chính

CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ RỦI RO

Chiến lược quản trị rủi ro được xây dựng phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp, định hướng xây dựng các cấu phần khác của khung quản trị rủi ro.

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO

Cấu trúc quản trị rủi ro là nền tảng của các hoạt động quản lý rủi ro trong doanh nghiệp.

CHÍNH SÁCH, THỦ TỤC, BÁO CÁO

Chính sách, thủ tục, báo cáo bao gồm các chính sách, thủ tục được văn bản hóa và các kênh báo cáo trong doanh nghiệp.

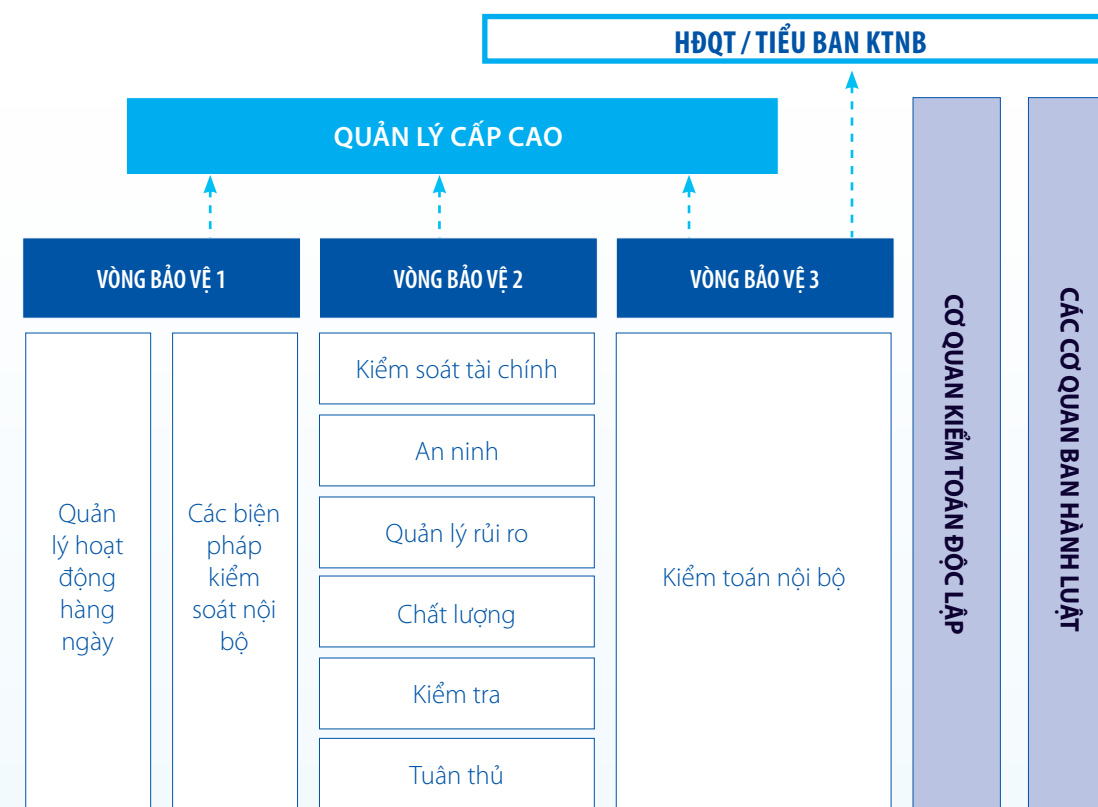
CÔNG CỤ QUẢN TRỊ RỦI RO

Các công cụ quản trị rủi ro sử dụng để phát hiện, tổng hợp, đánh giá và giảm thiểu rủi ro.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ và tự động hóa hoạt động quản trị rủi ro.

Vai trò trách nhiệm trong quản trị rủi ro được thể hiện qua nguyên tắc “3 vòng bảo vệ” đối với TNG, tách biệt rõ vai trò của 3 nhóm đối tượng liên quan đến quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo sự thành công liên tục của các sáng kiến quản trị rủi ro và thích hợp với các quy mô đơn vị trong Công ty, giúp tăng cường hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro.



Nguyên tắc “3 vòng bảo vệ” được xây dựng nhằm hỗ trợ HĐQT và Ban TGD trong hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát.

VÒNG BẢO VỆ 1
Phát hiện và quản lý rủi ro

Vòng bảo vệ 1 gồm các bộ phận chức năng kinh doanh và bộ phận chức năng hỗ trợ (nhân sự, công nghệ thông tin, kế toán tài chính...).

Vòng bảo vệ 1 có trách nhiệm duy trì và thực hiện các quy trình kiểm soát, quy trình quản lý rủi ro. Tùy vào sự phân cấp phân quyền trong doanh nghiệp, các trưởng bộ phận thuộc vòng bảo vệ 1 có trách nhiệm xây dựng và triển khai quy trình chi tiết, kiểm soát và giám sát việc thực hiện quy trình của nhân viên.

VÒNG BẢO VỆ 2
Theo dõi, giám sát rủi ro

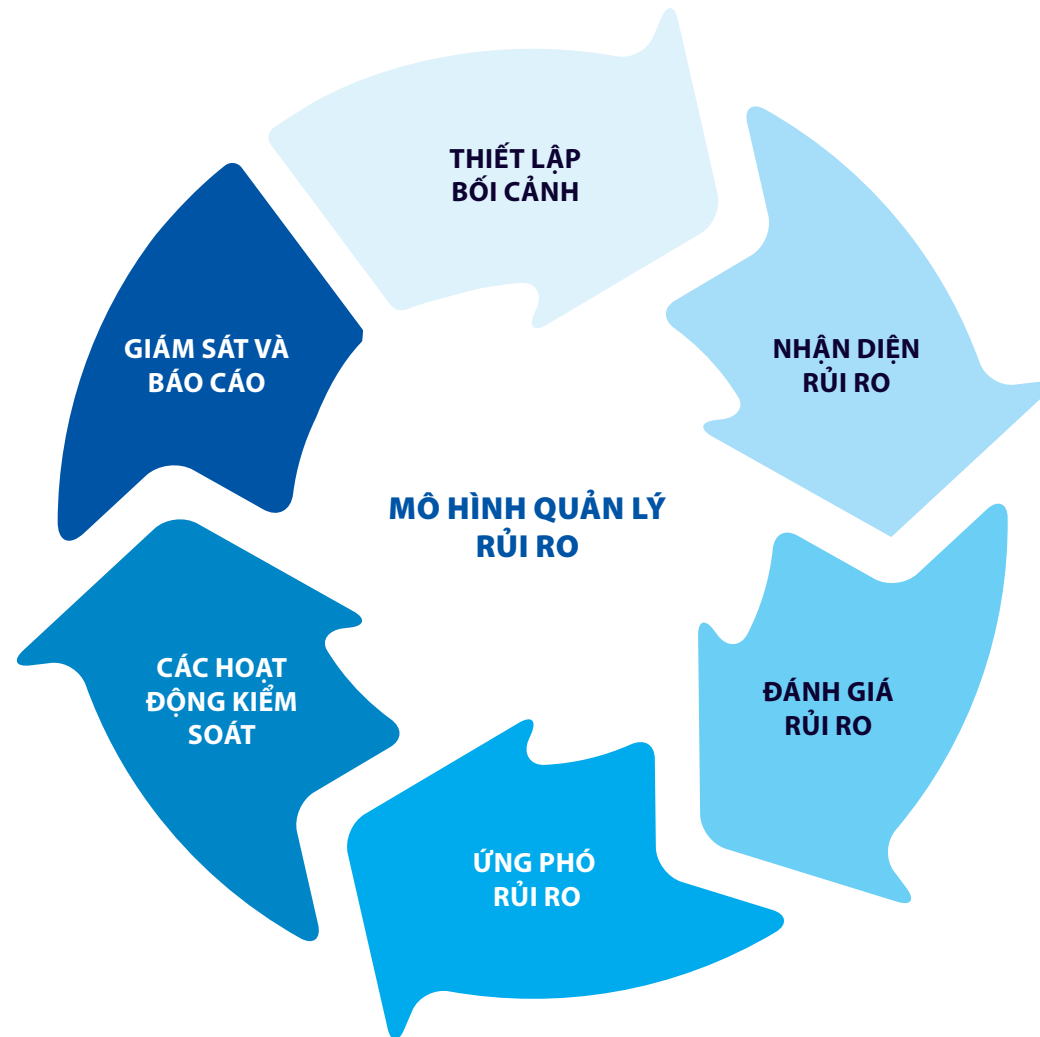
Vòng bảo vệ 2 có trách nhiệm quản lý rủi ro chung cho toàn doanh nghiệp và tuân thủ; được thiết lập để củng cố, xây dựng và giám sát vòng bảo vệ 1 và đảm bảo rằng vòng bảo vệ 1 đã được thiết kế phù hợp về quy trình, biện pháp kiểm soát và hoạt động đúng như định hướng. Vòng bảo vệ 2 có thể tham gia vào việc sửa đổi và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tham gia vào hỗ trợ hoạt động của vòng bảo vệ 1.

VÒNG BẢO VỆ 3
Đảm bảo kiểm tra, kiểm toán độc lập đối với Vòng bảo vệ 1 và 2

Bao gồm các bộ phận thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ, báo cáo trực tiếp cho HĐQT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro.

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO

- ◆ **HĐQT:** Giám sát tổng thể hoạt động quản lý rủi ro; đưa ra định hướng về “khẩu vị” rủi ro.
- ◆ **BAN ĐIỀU HÀNH:** Chịu trách nhiệm triển khai quản lý rủi ro; quản lý và giám sát hồ sơ rủi ro; đóng vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy văn hóa rủi ro, tăng cường nhận thức và chia sẻ; phân tích rủi ro trước khi đưa ra các quyết định quan trọng.
- ◆ **ĐƠN VỊ KINH DOANH:** Tuân thủ chính sách quản lý rủi ro; đảm bảo các rủi ro trong đơn vị được xác định và giảm thiểu; chịu trách nhiệm cho các rủi ro trong các hoạt động của đơn vị.
- ◆ **CÁN BỘ NHÂN VIÊN:** Quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ thuộc trách nhiệm của mình.
- ◆ **TIỂU BAN KTNB:** Giám sát việc xây dựng, triển khai của mô hình và chính sách quản lý rủi ro; giám sát các hồ sơ rủi ro của Công ty. Giám sát độc lập đối với các rủi ro được lựa chọn và các hệ thống, quy trình quản lý rủi ro.
- ◆ **BỘ PHẬN QUẢN LÝ RỦI RO:** Hỗ trợ về phương pháp tiếp cận quản lý rủi ro; duy trì mô hình và chính sách quản lý rủi ro; cung cấp các công cụ quản lý rủi ro, đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ các đơn vị.
- ◆ **ĐẦU MỐI QUẢN LÝ RỦI RO TẠI ĐƠN VỊ:** Điều phối các hoạt động quản lý rủi ro và văn hóa quản lý rủi ro tại đơn vị.



QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO

BƯỚC 1: Thiết lập bối cảnh, xây dựng bối cảnh môi trường kinh doanh trong việc thực hiện mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp để từ đó xác định được giới hạn xử lý rủi ro, mức độ quản lý rủi ro và liên kết các hoạt động với các bước công việc chính trong quản lý rủi ro.

BƯỚC 2: Nhận diện rủi ro

Phát hiện các sự kiện có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, công tác sản xuất kinh doanh, các dự án...; phân chia cấp rủi ro và phân nhóm rủi ro để quản lý, gồm có rủi ro cấp doanh nghiệp và rủi ro cấp đơn vị.

BƯỚC 3: Đánh giá rủi ro

Đánh giá khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng của các rủi ro, xem xét các biện pháp kiểm soát rủi ro. Xếp hạng các rủi ro để xác định mức độ ưu tiên quản lý dựa trên bộ tiêu chí đo lường được lượng hóa gắn với giá trị cụ thể cho khả năng xảy ra của rủi ro và mức độ ảnh hưởng của rủi ro từ đó xác định mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp cho từng loại rủi ro.

BƯỚC 4: Ứng phó rủi ro

Xác định các biện pháp, xây dựng các kế hoạch hành động và giám sát cụ thể nhằm giảm rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được. Các phương án ứng phó rủi ro tương ứng với mức độ rủi ro và chi phí của từng phương án ứng phó:

- ◆ Chấp nhận rủi ro (ví dụ doanh nghiệp chấp nhận rủi ro biến động về lãi suất, huy động nguồn vốn kinh doanh chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng);
- ◆ Tránh rủi ro là việc quyết định không tiếp tục đầu tư, hoặc lựa chọn kế hoạch đầu tư thay thế với rủi ro có thể chấp nhận được mà vẫn đạt được mục tiêu về chiến lược kinh doanh (ví dụ doanh nghiệp quyết định không phát triển kinh doanh ở những khu vực doanh nghiệp không có lợi thế);
- ◆ Giảm khả năng xảy ra rủi ro và/hoặc giảm mức độ tác động của rủi ro (ví dụ sử dụng các thiết bị an toàn và đào tạo về an toàn cháy nổ trong môi trường hoạt động có nguy cơ cao về cháy nổ);
- ◆ Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ rủi ro thường được thực hiện thông qua các hợp đồng (như các hợp đồng bảo hiểm là hình thức chuyển giao rủi ro thường hay được sử dụng nhất; hợp đồng liên doanh...).

- ◆ Lựa chọn các phương án ứng phó rủi ro linh hoạt, trong một số trường hợp, có thể sử dụng kết hợp nhiều phương án ứng phó rủi ro để đạt được hiệu quả cao nhất.

BƯỚC 5: Kiểm soát rủi ro

Thực hiện các quy trình, biện pháp để kiểm soát và ứng phó với rủi ro:

- ◆ Kiểm soát phòng ngừa: Các biện pháp xử lý để ngăn chặn các lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch không mong muốn xảy ra;
- ◆ Kiểm soát phát hiện: Giám sát hoạt động/quy trình để xác định các biện pháp kiểm soát phòng ngừa còn thiếu sót và lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch, từ đó có các biện pháp ứng phó phù hợp;
- ◆ Kiểm soát khắc phục: Các biện pháp xử lý để khôi phục về trạng thái ban đầu hoặc giảm hậu quả, thiệt hại của các lỗi, sự cố hay hành động/giao dịch đã xảy ra.

BƯỚC 6: Giám sát và báo cáo - giám sát và báo cáo hoạt động quản lý rủi ro và những thay đổi có thể ảnh hưởng đến hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp.

Quy trình giám sát và báo cáo được thực hiện nhằm đánh giá tính hiệu quả và sự phù hợp của khung quản trị rủi ro doanh nghiệp. Bằng cách thường xuyên giám sát rủi ro và đánh giá hiệu quả của việc xử lý rủi ro, doanh nghiệp có thể điều chỉnh chương trình quản lý rủi ro phù hợp với tình hình cụ thể. Giám sát các rủi ro hiện tại, các rủi ro mới xuất hiện thông qua các chỉ số rủi ro chính KRI (Key Risk Indicator, là một chỉ số dự báo về các rủi ro hiện tại hoặc tương lai có thể quan sát hay đo lường được). Báo cáo các bên liên quan về quy trình quản lý rủi ro, gồm:

- ◆ Đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm soát (có thực hiện đúng không);
- ◆ Đánh giá hiệu quả của khung quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- ◆ Các rủi ro còn lại sau khi đã áp dụng các giải pháp ứng phó.

QUẢN LÝ CÁC RỦI RO Ở CẤP ĐỘ HIGH – LEVEL TẠI TNG

STT	TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
1	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho Tiểu ban chính sách phát triển giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
2	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	TNG tiến hành đa dạng hóa sản phẩm, giảm giá thành để có giá cạnh tranh nhất trên thị trường. Ngoài ra cũng không ngừng đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao sản xuất và chất lượng sản phẩm
3	Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho Công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
4	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị ở các nước - nơi hoạt động của các khách hàng chính TNG gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh.	Thực hiện đánh giá trước khi ký hợp đồng với khách hàng, theo dõi và giám sát khi đã cùng hợp tác kinh doanh. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp.
5	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp.
6	Rủi ro nhân sự kế thừa	Vị trí quan trọng bị trống do không thể tìm kiếm được người thích hợp trong một khoảng thời gian bắt buộc.	Tiếp tục triển khai công tác nhân sự kế thừa xuống các cấp độ thấp hơn, đảm bảo đội ngũ nhân sự cho tất cả các cấp độ. Có kế hoạch đào tạo nhân sự thay thế phù hợp đảm bảo với các thử nghiệm stress test.
7	Rủi ro mất khách hàng quan trọng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng, và có các chính sách tương ứng đối với các khách hàng quan trọng. Không ngừng mở rộng, phát triển kinh doanh với các khách hàng mới
8	Rủi ro biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

STT	TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT
9	Rủi ro về môi trường	Chất thải rắn chưa được phân loại theo yêu cầu. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến nhiều thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng tới sản xuất. CBCNV chưa có ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên điện, nước.	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các nhà máy. Thực hiện đo kiểm môi trường theo định kỳ. Tuân thủ luật pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường. Thực hiện các biện pháp trồng cây gây rừng, hạn chế chất thải nhà kính giảm thiểu áp lực cho môi trường
10	Rủi ro về nguồn nhân lực	Thiếu lao động do cạnh tranh với các doanh nghiệp có nhà máy sản xuất trong cùng địa bàn	Nâng cao thu nhập cho người lao động, cải thiện các chính sách phúc lợi nhằm thu hút người lao động về TNG. Hỗ trợ chi phí di chuyển từ nơi ở của người lao động tới nhà máy. Có xe đưa đón CBCNV từ nơi ở tới chỗ làm.
11	Rủi ro nguyên vật liệu	Nguyên vật liệu tăng giá hoặc không đảm bảo chất lượng để phục vụ cho sản xuất	Chủ động trong quá trình mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp với khách hàng
12	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ gián đoạn, không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.	Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý. Thực hiện xây dựng dự án quản lý kho thông minh.
13	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng	Những mối nguy hại của sản phẩm làm cho sản phẩm không sử dụng được, hoặc gây hại cho người tiêu dùng, hoặc sản phẩm hư hỏng bị yêu cầu thu hồi nhằm tránh gây nguy hại cho người tiêu dùng.	Thiết lập và thường xuyên kiểm tra các kiểm soát theo yêu cầu của các tiêu chuẩn. Thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá riêng hệ thống kiểm soát để đảm bảo luôn hiệu quả và tối ưu. Hệ thống cảnh báo được xác lập để nhận diện kịp thời các sự kiện và có hướng xử lý
14	Rủi ro an ninh thông tin	Nguy cơ gián đoạn hệ thống, bảo mật thông tin và bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.	Bước đầu xây dựng hệ thống An ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000, các hệ thống bảo vệ máy tính, người dùng. Thường xuyên đánh giá mối nguy an ninh thông tin từ bên trong và bên ngoài.

QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2019

Thực hiện hiệu quả, tiếp tục áp dụng khung quản trị rủi ro Coso – ERM tích hợp cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP cùng với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Các đánh giá, đo lường, kế hoạch hành động của các rủi ro luôn được các chủ sở hữu xem xét trên nhiều yếu tố, đặc biệt là ý kiến từ các bên liên quan để đảm bảo rủi ro có cái nhìn đa chiều trong mối quan hệ của các chuỗi hoạt động. Hoạt động QLRR tại các nhà máy cũng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh và chuyên sâu hơn. Hệ thống báo cáo rủi ro đến từ các nhà máy sẽ được thống nhất, xác định các phương pháp tích hợp lên rủi ro của toàn Công ty một

cách hợp lý. Việc theo dõi giám sát các chỉ số cảnh báo rủi ro được thực hiện liên tục và chặt chẽ hơn để đảm bảo bất kỳ yếu tố thay đổi hoặc khác thường nào cũng được phát hiện kịp thời.

Để ký hợp đồng đối với từng khách hàng, TNG phải đảm bảo đạt được những tiêu chuẩn đặc biệt liên quan tới đánh giá về môi trường cũng như trách nhiệm xã hội. Do đó những rủi ro liên quan tới môi trường và trách nhiệm xã hội luôn được chú trọng đối với chiến lược phát triển của công ty xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

96 Sự phát triển bền vững của TNG trong mối quan hệ với sự phát triển bền vững của ngành dệt may Việt Nam và toàn cầu

104 Nhà máy xanh - TNG Võ Nhai

108 Thẻ điểm quản trị ASEAN

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU



BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Trong các năm qua kinh tế thế giới chịu nhiều tác động từ các sự kiện Brexit và các chính sách kinh tế, tài chính của tân tổng thống Mỹ. Căng thẳng leo thang giữa Mỹ với Bắc Triều Tiên và Syria, các nước Euro – Nga đã gây ra nhiều động thái tiêu cực, tổng cầu chung giảm, trong đó có dệt may thế giới. Các quốc gia xuất khẩu dệt may đều gặp tình trạng đơn hàng khan hiếm, yêu cầu của khách hàng ngày càng cao và áp lực giảm giá trong khi các rào cản về thuế nhập khẩu, kiểm định chất lượng vẫn là một trở ngại lớn. Để ứng phó với thực trạng này các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia đã áp dụng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dệt may nội địa bao gồm giảm thuế TNDN, thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu, đặc biệt là chính sách phá giá đồng nội tệ gây khó khăn cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Dưới sức ép từ đối thủ, cũng như các tín hiệu tiêu cực từ nền kinh tế chính trị thế giới, việc tham gia các hiệp định thương mại là điều tất yếu để dệt may Việt Nam có thể tăng sức cạnh tranh. Trong đó đặc biệt phải kể đến Hiệp định CPTPP đã mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức trong ngắn hạn và dài hạn đối với ngành dệt may Việt Nam.

VỀ CƠ HỘI: Ưu đãi về thuế quan, thúc đẩy đầu tư, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, học hỏi công nghệ, quy trình quản lý hiện đại từ các doanh nghiệp FDI, mở rộng thị trường xuất khẩu và nhập khẩu.

VỀ THÁCH THỨC: Khi tham gia CPTPP, một trong những rào cản lớn nhất đối với Dệt may Việt Nam là yêu cầu về quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi". Hiểu một cách chung nhất là tất cả các công đoạn sản xuất hàng dệt may từ sợi trở đi bao gồm kéo sợi, dệt và nhuộm vải, cắt và may quần áo phải được thực hiện trong nội khối CPTPP. Thực tế vải để sản xuất là nhập khẩu từ Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, 80% sợi để sản xuất là nhập khẩu từ Mỹ, Tây Phi, Ấn Độ. Các quốc gia này đều không tham gia hiệp định CPTPP. Lưu trữ hồ sơ, chứng từ nghiêm ngặt, cũng như khai báo, chứng minh xuất xứ. Làn sóng FDI vào Việt Nam để hưởng lợi, doanh nghiệp trong nước sẽ chịu sức ép rất lớn từ sự cạnh tranh về quy mô sản xuất, giá thành, tuyển dụng lao động, có vốn, kinh nghiệm, và mô hình sẵn có.

GIẢI PHÁP CỦA DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TNG

Đối mặt với những cơ hội và thách thức đó dệt may Việt Nam nói chung và TNG nói riêng đã có những chiến lược nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Cụ thể:

- ◆ Chủ động trong công tác phát triển thị trường mới thuộc hiệp định CPTPP.
- ◆ Đẩy mạnh nâng cao năng lực sản xuất cốt lõi, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý hồ sơ, chứng từ liên quan tới chứng minh xuất xứ.
- ◆ Có chiến lược cụ thể theo từng mặt hàng với định hướng phát triển hợp lý được hưởng ưu tiên từ các hiệp định thương mại tự do khác nói chung và CPTPP nói riêng.
- ◆ Tích hợp sâu rộng các nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ◆ Xây dựng lộ trình phát triển dài hạn theo các chỉ tiêu GRI cho báo cáo phát triển bền vững cũng như theo hướng dẫn của tiêu chuẩn ISO 26000:2010.



SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU (TIẾP THEO)

TNG VÀ 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LHQ

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên mọi mặt của các phương diện về kinh tế, xã hội và môi trường. Tính đến năm 2018, TNG đã phát triển và đạt một số thành tựu gắn liền với mục tiêu cụ thể của TNG cũng như 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc giai đoạn 2015 – 2030:

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2018
MT1	Xóa nghèo	Tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập cho người lao động. Phát triển kinh tế địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> Thu nhập bình quân đầu người trong tại TNG gấp 2,8 lần so với lương tối thiểu vùng Năm 2018 tổng quỹ lương tăng 1,5 lần so với năm 2017 Tăng 2.946 lao động trong năm
MT2	Xóa đói	Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> Đã mở thêm 1 nhà máy mới TNG Đồng Hỷ góp phần giải quyết việc làm cho 486 lao động, đóng góp vào sự thay đổi kết cấu hạ tầng ở các địa điểm nhà máy hoạt động.
MT3	Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc	Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần, nâng cao đời sống thể chất của nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Bảo hiểm sức khỏe cho 100% nhân viên làm việc tại TNG Khám sức khỏe định kỳ cho 100% nhân viên làm việc tại TNG Tổ chức thi đấu các giải thể thao giữa các đơn vị trong Công ty Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, múa hát, thi nấu ăn.... Triển khai dự án "Hạnh phúc cho người lao động"
MT4	Giáo dục chất lượng	Xây dựng đội ngũ nhân viên hoàn thiện về kỹ năng, đảm bảo về năng lực và đáp ứng nguyên tắc văn hóa.	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đào tạo được 9.576 lượt người với ngân sách 2,5 tỷ đồng Công ty có chính sách hỗ trợ 100% cho con em CBCNV công tác tại TNG theo học các chuyên ngành liên quan tới dệt may
MT5	Bình đẳng giới	Bình đẳng, không phân biệt đối xử.	<ul style="list-style-type: none"> Tại TNG tỷ lệ nữ giới chiếm 73,56% Thành viên HĐQT nữ giới chiếm 28,57% Lãnh đạo quản lý chủ chốt là nữ giới chiếm tỷ lệ 53,33%

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2018
MT6	Nước sạch và điều kiện vệ sinh	Tuân thủ yêu cầu của pháp luật. Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm. 100% nước thải nguy hại được xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> 100% nước thải nguy hại được xử lý 100% đơn vị khai thác nước theo đúng công suất cho phép Giảm tỷ lệ sử dụng nước / 1 đồng giá vốn so với năm 2017 là: 6,41%
MT7	Năng lượng sạch và giá hợp lý	Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, ánh sáng tự nhiên. Tiết kiệm điện, nước, than	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế nhà máy thông minh tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, sử dụng các tấm che mưa trong suốt Giảm tỷ lệ sử dụng điện / 1 đồng giá vốn so với năm 2017 là: 7,2 % Giảm tỷ lệ sử dụng than/ 1 đồng giá vốn so với năm 2017 là : 5,89%
MT8	Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế	Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Phát triển kinh tế địa phương. Thực hiện giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải. Cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ sạch. Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện môi trường. Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 2.946 lao động, tăng gấp 2,51 lần so với số lao động tăng của năm 2017 là 1.566 người Thu nhập bình quân đầu người/1 tháng tăng từ 7,7 triệu đồng lên đến 9,2 triệu đồng Không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em 0 tai nạn lao động Đóng góp hơn 47 tỷ đồng cho NSNN
MT9	Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, khuyến khích quá trình công nghiệp hóa toàn diện và bền vững, thúc đẩy sự đổi mới	Đi đầu trong ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hành tác nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế của nhà xưởng đáp ứng tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, hướng gió và hướng nắng được đặt phù hợp với vị trí cụ thể của từng nhà máy Đầu tư mới hệ thống cảnh báo độ ồn, đo nồng độ CO2 Đầu tư mới hệ thống xử lý chất thải chuyên biệt Sử dụng các hệ thống cảm biến ánh sáng tự động
MT10	Giảm bất bình đẳng	Bình đẳng, không phân biệt đối xử trong tất cả mọi lĩnh vực.	<ul style="list-style-type: none"> Không có khiếu nại về bất bình đẳng và phân biệt đối xử trong tổ chức

**SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI
SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ TOÀN CẦU (TIẾP THEO)**

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2018
MT11	Xây dựng các đô thị và cộng đồng dân cư hiệu quả, an toàn, đồng bộ và bền vững	Quản lý chất thải và rác thải hiệu quả, tuân thủ pháp luật.	<ul style="list-style-type: none"> 100% nước thải đầu ra được xử lý đạt chuẩn Xây dựng nhà máy xanh đáp ứng tiêu chuẩn xanh, góp phần thay đổi cảnh quan địa phương nơi có nhà máy sản xuất, đóng góp gián tiếp vào thay đổi các yếu tố liên quan tới môi trường và xã hội
MT12	Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững	Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống, nhất là nguồn nhiên liệu hóa thạch. Quản lý chất thải hiệu quả. Tuân thủ yêu cầu của pháp luật. Đưa phát triển bền vững vào chiến lược. Báo cáo phát triển bền vững được ban hành hàng năm.	<ul style="list-style-type: none"> 100% các nhà máy của TNG đạt tiêu chuẩn đánh giá trách nhiệm xã hội BSCI, Wrap, Betterwork Xuất khẩu sản phẩm đến 47 Quốc gia (năm 2018) và đang tiếp tục mở rộng thị trường Top 10 Doanh nghiệp bền vững 3 năm 2016, 2017, 2018 trong lĩnh vực sản xuất do VCCI tổ chức
MT13	Triển khai các hành động khẩn cấp để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và các tác động của nó	Chủ động các phương án cho khả năng phục hồi và khả năng thích ứng với các hiểm họa từ khí hậu và thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> Mua bảo hiểm công trình, hàng hóa cho những sự kiện bất khả kháng Huấn luyện, đào tạo nhân viên cách ứng xử, đối phó trong các trường hợp mưa, bão
MT14	Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và tài nguyên biển cho phát triển bền vững		

STT	17 MỤC TIÊU CỦA LHQ	MỤC TIÊU TNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC 2018
MT15	Bảo vệ, khôi phục và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên bề mặt trái đất, quản lý bền vững tài nguyên rừng, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học	Sử dụng phù hợp hệ sinh thái nước ngọt trên đất liền	<ul style="list-style-type: none"> Khai thác nguồn nước tại các khu vực nhà máy trong khối lượng cho phép Giảm tỷ lệ sử dụng nước / 1 đồng giá vốn so với năm 2017 là: 6,41%
MT16	Thúc đẩy các hoạt động xã hội hài hòa và hiệu quả cho phát triển bền vững, tạo ra cơ hội về công bằng và công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp	<ul style="list-style-type: none"> Không xảy ra bạo lực trong phạm vi văn phòng làm việc và các nhà máy sản xuất Nghiêm cấm tham nhũng, hối lộ Xây dựng tổ chức hiệu quả, minh bạch, trách nhiệm ở tất cả các cấp 	<ul style="list-style-type: none"> Không xảy ra bạo lực trong phạm vi văn phòng làm việc và các nhà máy sản xuất Tăng cường truyền thông về quy tắc ứng xử của công ty, thực hiện các cuộc đánh giá quy trình phòng chống tham nhũng, hối lộ trong Công ty
MT17	Nâng cao khả năng thực hiện và làm mới mối quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Khuyến khích nhận các nguồn vốn đầu tư tài chính từ các doanh nghiệp nước ngoài Tăng cường xuất khẩu tới những thị trường phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành trái phiếu chuyển đổi giá trị 200 tỷ cho Korea Investment & Securities Co., Ltd một công ty có trụ sở tại Hàn Quốc, sau khi chuyển đổi KIS sẽ trở thành Cổ đông lớn của TNG Năm 2018 các thị trường xuất khẩu chủ yếu của TNG là: Pháp, Mỹ, Đức, Canada, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Nga Tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn của sản phẩm của nước nhập khẩu



NHÀ MÁY XANH - TNG VÕ NHAI

Niên độ 2018 TNG tiếp tục thực hiện Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững thành 02 cuốn độc lập. Trong khuôn khổ của Báo cáo Thường niên, TNG trân trọng được chia sẻ một số vấn đề về Nhà máy TNG Võ Nhai. Nội dung đầy đủ hơn về phần bền vững quý vị vui lòng đọc chi tiết ở Báo cáo Phát triển Bền vững 2018 của TNG.

Hướng đến sự phát triển bền vững toàn diện trên các lĩnh vực về kinh tế, xã hội và môi trường, TNG đã liên tục có những đầu tư, cải tiến, đổi mới để ngày càng tiệm cận hơn với các tiêu chuẩn phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc và Việt Nam. Theo đó TNG đã đầu tư xây dựng các các dự án theo mô hình nhà máy xanh, TNG Võ Nhai là một trong những dự án đặc biệt của chúng tôi.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Để xây dựng thành công nhà máy xanh, TNG đã tập trung sâu vào công tác nghiên cứu và phát triển nhằm phát triển phương án tối ưu nhất, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh sau khi hoàn thiện và đưa vào vận hành.

SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM MÔ PHỎNG, TÍNH TOÁN HIỆN ĐẠI

- ◆ Mô phỏng năng lượng tiêu thụ của công trình.
- ◆ Mô phỏng ánh sáng tự nhiên.
- ◆ Mô phỏng gió và nắng.

THỰC HIỆN CÁC PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ

- ◆ Phân tích biểu đồ sinh khí hậu tại khu vực.
- ◆ Phân tích hiện trạng khu đất, vi khí hậu tại khu vực, các yếu tố tác động đến khu đất và các yếu tố tác động đến người sử dụng công trình.
- ◆ Phân tích các dòng chảy năng lượng tự nhiên tại khu vực để đưa ra các giải pháp hình khối ngay từ đầu để tận dụng tối đa nguồn năng lượng đó, tránh các điều kiện bất lợi.

NGHIÊN CỨU, LỰA CHỌN CÁC THIẾT BỊ, VẬT LIỆU PHÙ HỢP, HIỆU QUẢ VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

- ◆ Vật liệu bao che (tường, kính, mái, vật liệu cách nhiệt) có khả năng cách nhiệt, cách âm tốt và bền vững.
- ◆ Sử dụng các thiết bị điều hòa, thông gió có hiệu suất cao, tiết kiệm điện.
- ◆ Lựa chọn và sử dụng thiết bị vệ sinh có lưu lượng tiêu thụ nước thấp.

- ◆ Lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu tái sử dụng hoặc có thành phần tái chế cao.
- ◆ Lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu địa phương.
- ◆ Lựa chọn và sử dụng các sản phẩm có hàm lượng formaldehyde và VOC thấp giúp hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của các chất hữu cơ dễ bay hơi đến sức khỏe con người.
- ◆ Lựa chọn các loại vật liệu lát có khả năng thấm nước bề mặt tốt, và các loại vật liệu, mái có chỉ số phản xạ bức xạ cao nhằm giảm hiệu ứng đảo nhiệt.

THỰC HIỆN THIẾT KẾ TÍCH HỢP

Phối hợp làm việc giữa các bên trong team dự án (Chủ đầu tư, thiết kế, thi công, tư vấn) liên tục từ giai đoạn thiết kế tới xây dựng đến khi hoàn thiện và vận hành.



Để xây dựng thành công nhà máy xanh, TNG đã tập trung sâu vào công tác nghiên cứu và phát triển nhằm phát triển phương án tối ưu nhất, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh sau khi hoàn thiện và đưa vào vận hành.



QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN CHỨA NHIỀU ĐẶC ĐIỂM RẤT KHÁC BIỆT MÀ CÁC NHÀ MÁY THÔNG THƯỜNG KHÔNG CÓ

- ◆ Áp dụng các phần mềm mô phỏng, tính toán hiện đại.
- ◆ Tiến hành các phân tích, đánh giá phục vụ cho thiết kế dự án.
- ◆ Nghiên cứu, lựa chọn các thiết bị, vật liệu phù hợp, hiệu quả và thân thiện với môi trường.
- ◆ Thực hiện thiết kế tích hợp.
- ◆ Việc phân tích biểu đồ sinh khí hậu, phân tích dòng chảy năng lượng tự nhiên và các yếu tố tác động đến công trình giúp có những cái nhìn tổng quan hơn về khu đất. Từ đó sẽ cho ra những giải pháp thiết kế kiến trúc tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên và tăng tính thụ động trong thiết kế.
 - ◆ Việc chạy mô phỏng năng lượng sẽ giúp ước lượng chi phí vận hành hàng năm, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống tiêu thụ năng lượng (chiếu sáng, HVAC, ...) của công trình. Từ đó sẽ có lựa chọn tối ưu về hệ thống và vật liệu bao che phù hợp với điều kiện khí hậu tại nơi đặt công trình.
 - ◆ Việc tiến hành đánh giá thông gió giúp đảm bảo cấp đầy đủ gió tươi cho các không gian có người làm việc, hút khí thải độc hại ra khỏi không gian đồng thời ngăn lây nhiễm chéo giữa các khu vực.
 - ◆ Việc tiến hành mô phỏng ánh sáng tự nhiên giúp đưa ra giải pháp tối ưu về ánh sáng tự nhiên cho công trình, đảm bảo cung cấp đầy đủ ánh sáng tự nhiên mà không gây cảm giác chói lóa cho người sử dụng, cắt giảm đáng kể phần năng lượng phục vụ cho chiếu sáng nhân tạo.

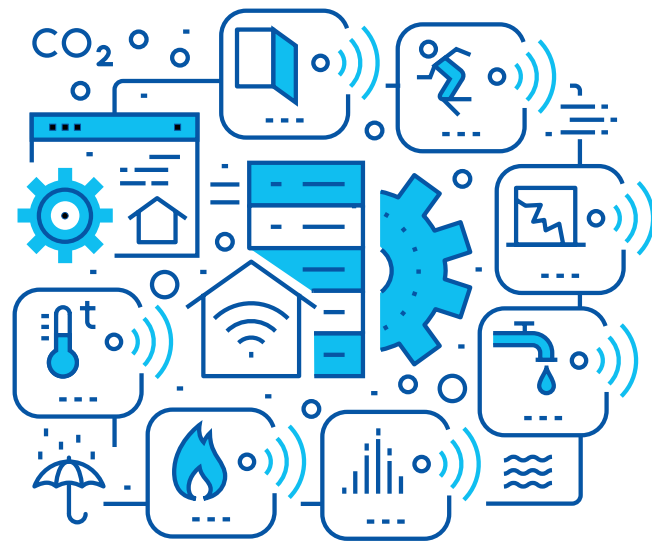




CÁC CÔNG NGHỆ MỚI ĐƯỢC ÁP DỤNG

Nhà máy may Võ Nhài áp dụng các hệ thống và máy móc hiện đại, tân tiến của công trình xanh, cụ thể:

- ◆ Lắp cảm biến CO2 để giám sát và đảm bảo chất lượng không khí cho các không gian kín và có đông người làm việc.
- ◆ Sử dụng các tấm lấy sáng (sunoptics skylight) có chất lượng, hiệu quả cao: Mang đến ánh sáng tự nhiên dịu, thoải mái, không chói, có khả năng chống tia UV.
- ◆ Hệ thống đèn tích hợp cảm biến ánh sáng, có khả năng điều chỉnh độ sáng đèn theo điều kiện thời tiết bên ngoài.
- ◆ Hệ thống cấp gió tươi cho khu vực có người hoạt động, giúp nâng cao sức khỏe cho người làm việc, tăng năng suất lao động.
- ◆ Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn LED: Tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, độ bền cao, tỏa ít nhiệt, không gây tiếng ồn, chất lượng ánh sáng tốt.
- ◆ Cảm biến người ở các phòng họp, phòng hội nghị, hành lang, nhà vệ sinh: Tự động bật đèn khi có người, tự động tắt đèn khi không có người hoạt động, giúp tăng sự thoải mái, tiện nghi cho người sử dụng, tiết kiệm điện.
- ◆ Lắp đặt tấm lấy sáng trên mái (sunoptics skylight): Cung cấp đầy đủ ánh sáng tự nhiên cho người làm việc, không gây cảm giác chói và nóng bức, vùng chiếu sáng rộng, cắt giảm đáng kể năng lượng dùng cho chiếu sáng nhân tạo.
- ◆ Lắp đặt các thiết bị vệ sinh có lưu lượng thấp, tiết kiệm nước: Giảm tiêu thụ nước.
- ◆ Lắp đặt pin năng lượng mặt trời: Tiết kiệm tiền điện hàng tháng, thân thiện với môi trường.
- ◆ Hệ thống giám sát tiêu thụ năng lượng: Kiểm soát và quản lý được tất cả các hệ thống tiêu thụ năng lượng của công trình.



CÁC TIỆN ÍCH KHÁC CỦA NHÀ MÁY

- ◆ Thiết kế các tiện ích cho người làm việc: Sân thể thao, nhà y tế,...
- ◆ Quá trình xây dựng
 - ◆ Thực hiện quản lý rác trong quá trình xây dựng (tối thiểu 70% rác được tái chế/tái sử dụng).
 - ◆ Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường: Chống xói mòn, lắng cặn, ...
 - ◆ Quản lý chất lượng không khí trong nhà trong quá trình xây dựng: Quy định khu vực hút thuốc, hạn chế bụi, ...
- ◆ Lên kế hoạch và triển khai quản lý xanh trong nhà máy: Nâng cao nhận thức của người làm việc về tiết kiệm điện, nước, phân loại rác.
- ◆ Lên kế hoạch và triển khai nghiệm thu các hệ thống thông gió, làm mát, điện và nước. Đảm bảo các hệ thống này được xây dựng và lắp đặt đúng với yêu cầu thiết kế.

ỨNG DỤNG VÀO THỰC TẾ

Nhà máy may Võ Nhài áp dụng các hệ thống và máy móc hiện đại, tân tiến của công trình xanh, cụ thể:

HỆ CẤP GIÓ TƯƠI

Trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của con người trong không gian điều hoà thường sinh ra các chất độc hại và nhiệt thừa, ứ đọng làm cho các thông số khí hậu trong đó thay đổi. Mặt khác, nồng độ O2 cần thiết cho con người suy giảm, sinh ra mệt mỏi và ảnh hưởng lâu dài về sức khỏe. Do đó, cần thiết phải thải không khí đã bị ô nhiễm (bởi các chất độc hại và nhiệt) ra bên ngoài, đồng thời thay thế vào đó là không khí đã được xử lý, không có các chất độc hại, có nhiệt độ phù hợp và lượng O2 đảm bảo.

LỢI ÍCH CỦA ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN

Ánh sáng tự nhiên được chứng minh có khả năng cải thiện tâm trạng, giúp cơ thể sản sinh ra vitamin D, giúp tăng cường hệ miễn dịch và giảm viêm. Ánh sáng tự nhiên cũng giúp cân bằng nhịp sinh học – yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh thói quen ăn uống, thời gian ngủ, và mức năng lượng của mỗi người. Ngoài ra, ánh sáng tự nhiên còn đem lại cảm giác rộng rãi thoáng đãng hơn so với các không gian chỉ sử dụng ánh sáng nhân tạo và có tác dụng diệt khuẩn, giúp không khí trở nên trong lành hơn.



LỢI ÍCH CỦA VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM CÓ HÀM LƯỢNG VOC VÀ FORMALDEHYDE THẤP

Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) là các chất khí gốc hữu cơ thoát ra từ một số loại vật liệu rắn hoặc lỏng nhất định. VOC có trong nhiều chất hóa học, bao gồm một số chất có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người trong thời gian ngắn hay lâu dài. Hàm lượng một số chất VOC trong công trình luôn cao hơn đáng kể (lên tới khoảng 10 lần) so với bên ngoài và có thể gây ra các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng đối với người sử dụng công trình thường xuyên. Các chất VOC được thoát ra từ các sản phẩm như: Các loại sơn và sơn mài, các chất tẩy rửa, các chất tẩy rửa, các vật liệu xây dựng và nội thất công trình, các thiết bị văn phòng như máy photocopy và máy in, các chất tẩy xóa và các loại giấy photocopy không chứa carbon, các chất liệu làm đồ họa và mỹ nghệ như keo dán và chất kết dính, các loại mực không phai và các chất trắng phim.

THẾ ĐIỂM		HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
A	QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả Cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được Cổ đông thông qua tại các đại hội Cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	100%			Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ số 781/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 22/4/2018, ĐHCĐ phê duyệt chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ chi trả 20% bằng cổ phiếu. Công ty thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức ngay sau ngày tổ chức ĐHCĐ 2018. Các văn bản công bố thông tin có liên quan tới chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được upload tại trang Website: tng.vn đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Công bố thông tin/ Chào bán cổ phiếu. Hoặc tra cứu tại Website: hnx.vn (tìm kiếm mã TNG).
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	100%			TNG tiến hành lấy ý kiến Cổ đông về việc sửa đổi quy chế Công ty tại ĐHCĐ. Quyển này cũng được quy định tại: - Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG - Mục số 3 Điều 3 Nghị quyết ĐHCĐ số 781/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 22/4/2018.
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	100%			TNG tiến hành lấy ý kiến Cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu tại ĐHCĐ thường niên. Quyển này cũng được quy định tại: - Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG. - Điều 2 Nghị quyết ĐHCĐ số 781.2018 NQ- ĐHCĐ ngày 22/4/2018.
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	100%			Tại TNG chưa xảy ra trường hợp này. Tuy nhiên, quyền này đã được quy định tại Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tặng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?	100%			Quyển này được quy định tại Điều 14.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG. Điều 1.3 Nghị quyết ĐHCĐ số 781/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 22/4/2018, ĐHCĐ nhất trí mức chi trả thù lao cho HĐQT cho năm 2017 là 3,4% lợi nhuận sau thuế năm 2017 bằng tiền mặt.
A.3.2	Công ty có cho phép Cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 24.3 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
A.3.3	Công ty có cho phép Cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT?	100%			ĐHCĐ năm 2018: Không bầu bổ sung/thay thế thành viên HĐQT. Quy định tại Điều 20.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	100%			Quy chế Đại hội Cổ đông các năm được đính kèm trong Tài liệu tổ chức Đại hội Cổ đông các năm, tra cứu tại Website: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông/ ĐHCĐ.
A.3.5	Biên bản họp ĐHCĐ mới nhất có ghi nhận rằng Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	70%			Biên bản họp ĐHCĐ các năm được đăng trên Website điện tử : tng.vn đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Nghị quyết/ Nghị quyết ĐHCĐ.
A.3.6	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHCĐ gần nhất?	100%			ĐHCĐ năm 2018: - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết số 779/TNG-ĐHCĐ2018 ngày 22/4/2018 thể hiện Tổng số phiếu có quyền biểu quyết và tỷ lệ tán thành cho từng nội dung nghị sự. - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết được đăng tại website: http://tng.vn mục Quan hệ Cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết ĐHCĐ.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
A.3.7	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	100%			Biên bản ĐHĐCĐ 2018 số 780/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 22/04/2018.
A.3.8	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	90%			Biên bản ĐHĐCĐ 2018 số 780/TNG-ĐHĐCĐ 2019 ngày 22/04/2018.
A.3.9	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của Cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	100%			Quy định tại Điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
A.3.10	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	100%			Quy định tại mục II: Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội trong Quy chế làm việc của Đại hội Cổ đông, được công bố kèm theo tài liệu họp ĐHĐCĐ, truy cập tại Website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông/ ĐHĐCĐ.
A.3.11	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?		✓		TNG sẽ thực hiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2019.
A.3.12	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	100%			Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 781/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 được công bố vào ngày 23/4/2018.
A.3.13	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được Cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	100%			Theo quy định tại Thông tư 155: ĐHCĐ thường niên và bất thường được công bố 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ. ĐHCĐ năm 2018: TNG thực hiện công bố thông tin họp ĐHĐCĐ 2018 vào ngày 16/03/2018 trên trang chủ: http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ trước 36 ngày (Biên bản họp ĐHĐCĐ số 780/TNG-ĐHĐCĐ 2018 ngày 22/4/2018).
A.3.14	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	100%			ĐHĐCĐ năm 2018: - Cung cấp thông tin cụ thể trong từng báo cáo. - Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ đều có tờ trình phương án chi tiết. Các báo cáo và tờ trình đều nằm trong tài liệu được gửi tới Cổ đông trước khi họp và công bố trên website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ.
A.3.15	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thuê tóm cần được Cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	100%			Quy định tại Điều 17.4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHCĐ.
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thuê tóm cần được Cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	100%			Không xảy ra tại TNG.
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?		✓		Công ty sẽ thực hiện chương trình khuyến khích sự tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ vào những năm tới.



THẺ ĐIỂM		HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
B	ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	100%			Điều 11.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Cổ đông có quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu - ĐHĐCĐ năm 2018: Mỗi thẻ biểu quyết có ghi rõ tổng số cổ phần biểu quyết của Cổ đông. - Mục II.3 Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên, nội dung được gửi tới Cổ đông, HNX, UBCKNN, trang Web: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông/ ĐHĐCĐ."
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	100%			TNG chỉ có 1 loại cổ phiếu.
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gắn nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?		✓		Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018: Tờ trình theo từng vấn đề, và ra Nghị quyết phê duyệt chung. Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019: Mỗi tờ trình sẽ ra 1 Nghị quyết riêng.
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gắn nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	100%			ĐHĐCĐ năm 2018: TNG thực hiện công bố thông tin trên trang chủ: http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ bằng 2 thứ tiếng: Tiếng Việt và tiếng Anh vào ngày 16/3/2018 (36 ngày) trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (22/04/2018).
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	100%			Năm 2018: TNG không bầu/chọn lại thành viên HĐQT. Tuy nhiên, tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên các năm trước, trường hợp bầu/chọn lại thành viên HĐQT thì sơ yếu lý lịch của từng thành viên HĐQT sẽ được kèm theo Tờ trình và được công bố trên website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	100%			Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018: Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018. Tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán nằm trong tài liệu dự họp. ĐHĐCĐ được gửi tới quý Cổ đông, đăng tải trên Website: tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông / ĐHĐCĐ.
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	100%			ĐHĐCĐ 2018: Thư mời tham dự Đại hội và mẫu giấy ủy quyền được Công ty TNG: - Gửi thư chuyển phát nhanh tới địa chỉ từng Cổ đông. - Gửi email theo thông tin Cổ đông đã đăng ký. - Gửi SMS theo số điện thoại Cổ đông. - Cung cấp trên website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ.
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	100%			Thông tin được công bố tại Website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử dành cho nhân viên TNG: Ban hành kèm theo Quyết định số 600A/QĐ-TNG ngày 25/04/2017.
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	100%			Thực hiện theo quy định tại Thông tư 155: trước ngày giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.

	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	100%			Điều 22, Điều 30 Quy chế Quản trị công ty: TV HĐQT phải công khai các lợi ích liên quan.
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và Cổ đông không?		✓		Báo cáo thường niên 2018: - TNG đã thành lập Tiểu ban KTNB.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia hợp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	100%			Điều 22.4 Quy chế Quản trị công ty: Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	100%			Điều 24.4 Quy chế Quản trị công ty.
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	100%			TNG Công bố đầy đủ các giao dịch của các bên liên quan trong Báo cáo tình hình quản trị, được công khai trên website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Công bố thông tin/Giao dịch cổ phiếu.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của Cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các Cổ đông không liên quan lợi ích.	100%			Quy định tại Điều 35.4 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
C	VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	100%			Báo cáo thường niên 2018.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	100%			Được công bố trên Website điện tử tng.vn theo đường dẫn: Trang chủ/ Tin tức/ Thông tin khác/ Thông báo chào thầu các gói thầu cụ thể.
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	100%			Định hướng chiến lược của Công ty thể hiện trong Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	100%			Định hướng chiến lược của Công ty thể hiện trong Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo phát triển hướng tới 17 tiêu chí PTBV của Liên Hiệp Quốc.
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	100%			Gửi tới tận tay các bên liên quan và công bố trên website điện tử: tng.vn theo đường dẫn Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	100%			Thể hiện rõ ràng bằng các điều khoản trên các hợp đồng vay, tài trợ vốn.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	100%			Được trình bày riêng trên Báo cáo Phát triển bền vững 2018, đảm bảo phát triển hướng tới 17 tiêu chí của Liên Hiệp Quốc.
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	100%			Trên website: http://tng.vn - Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/Ban quan hệ Cổ đông. - Mục Trang chủ/ Liên hệ. - Ngoài ra Công ty có cung cấp email, số điện thoại liên lạc trực tiếp tới người chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan trên BCTN và BCPTBV.
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	100%			Công bố trên BCPTBV tại mục: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Giáo dục và đào tạo.
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	100%			Mục Tổ chức nhân sự trong BCTN 2018.
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	100%			Mục Tổ chức nhân sự trong BCTN 2018, được quy định rõ trong quy chế phân phối thu nhập số 190 QĐ-HĐQT/2019 ban hành mới nhất ngày 28/01/2019.
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	100%			TNG có Quy định số 2411/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2018 về hệ thống cảnh báo sai phạm, trong đó chỉ định phòng ban/người chịu trách nhiệm tiếp nhận Báo cáo cảnh báo sai phạm từ CBCNV. Đối tác kinh doanh và giải quyết tất cả các trường hợp đã được báo cáo. Công bố trên Web tng.vn mục Trang chủ/ Giới thiệu/ Hệ thống cảnh báo sai phạm.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	100%			TNG có Quy định số 2411/QĐ-HĐQT ngày 5/10/2018 về hệ thống cảnh báo sai phạm, trong đó cam kết không sa thải, đe dọa, làm phiền hoặc có bất cứ hành vi phân biệt đối xử nào đối với CBCNV, đối tác kinh doanh đã gửi Báo cáo cảnh báo hành vi sai phạm cho Công ty.
D	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH				
D.1.1	Thông tin về Cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	100%			- Công bố trên website: http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ Cổ đông lớn. - Công bố tại Báo cáo thường niên hàng năm.
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Cổ đông lớn?		✓		TNG sẽ thực hiện từ năm 2019.
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?		✓		TNG sẽ thực hiện từ năm 2019.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?		✓		TNG sẽ thực hiện từ năm 2019.
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Mục Thông tin chung. Thuyết minh báo cáo tài chính các niên độ.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
D.2.1	BCTN: Mục tiêu của công ty	100%			Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi, Thông điệp của Chủ tịch HĐQT, Định hướng chiến lược của HĐQT
D.2.2	BCTN: Chỉ số hiệu quả tài chính.	100%			Tình hình tài chính Báo cáo của Ban TGD Các sự kiện nổi bật trong năm
D.2.3	BCTN: Chỉ số hiệu quả phi tài chính.	100%			Sự kiện nổi bật trong năm, danh hiệu giải thưởng đã đạt được trong năm, Báo cáo HĐQT.
D.2.4	BCTN: Chính sách cổ tức	100%			Báo cáo HĐQT.
D.2.5	BCTN: Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT.	100%			Mục Giới thiệu HĐQT
D.2.6	BCTN: Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm.	100%			Mục Báo cáo của HĐQT.
D.2.7	BCTN: Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT.	100%			Mục các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	100%			Mục Báo cáo của HĐQT. Mục cam kết tính trung thực hợp lý của thông tin được trình bày trên BCTN 2018.
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	100%			Điều 35 Điều lệ hoạt động và tổ chức của công ty.
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	100%			Trong năm 2018 Công ty không phát sinh.
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	100%			Công bố tại website: http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Công bố thông tin/Giao dịch cổ phiếu Báo cáo tình hình quản trị công ty lập 6 tháng 1 lần theo TT155. BCTN tại mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
D.5.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?				BCTN 2018: Báo cáo HĐQT.
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	100%			Tại TNG phí dịch vụ phi kiểm toán thấp hơn rất nhiều so với dịch vụ kiểm toán đối với cùng một Công ty Kiểm toán độc lập.
D.6.1	Phương tiện truyền thông: Báo cáo quý.	100%			Công bố tại website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông. Bài phân tích của các công ty chứng khoán: FPTI, BSC, MBS,... Các bài viết về Công ty trên phương tiện truyền thông tài chính: Báo Đầu tư, Cafef, Đầu tư tài chính.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
D.6.2	Phương tiện truyền thông: Trang thông tin điện tử của công ty.	100%			http://tng.vn http://tngfashion.vn
D.6.3	Phương tiện truyền thông: Đánh giá của chuyên gia phân tích.	100%			Báo cáo phân tích của các Công ty chứng khoán: FPTS, MBS, BSC,...
D.6.4	Phương tiện truyền thông: Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo.	100%			Thông cáo báo chí khi có sự kiện liên quan đến Ngành may mặc và Công ty. Hợp báo công bố các sự kiện lớn.
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được công bố tại Website điện tử của công ty chậm nhất ngày 29/03/2019, trong vòng 87 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuân thủ theo hướng dẫn CBTT tại TT155.
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	100%			Báo cáo thường niên 2018 được công bố tại Website điện tử của công ty chậm nhất ngày 18/04/2019 trong vòng 107 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tuân thủ theo hướng dẫn CBTT tại TT155.
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	100%			BCTC năm 2018: Được khẳng định bởi Chủ tịch HĐQT.
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất).	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Báo cáo/Báo cáo tài chính Công bố trên Hệ thống CIMS, IDS, trang Web của HNX.
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông.	100%			Website: tng.vn Mục Trang chủ/ Tin hoạt động sản xuất kinh doanh.
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về.	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Báo cáo/Báo cáo thường niên.
D.8.4	Thông báo và tài liệu hợp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường.	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/ĐHĐCĐ/Tài liệu dự hợp ĐHĐCĐ.
D.8.5	Biên bản hợp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường.	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết ĐHĐCĐ.
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về.	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Thông tin doanh nghiệp/Điều lệ công ty.
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Góc Cổ đông/Ban quan hệ Cổ đông.
E	TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT				
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Báo cáo/Báo cáo quản trị Công ty/Quy chế quản trị Công ty.
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	100%			Website http://tng.vn Mục Quan hệ Cổ đông/Nghị quyết/Nghị quyết HĐQT.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	100%			Quy định tại Điều 25 và 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.

	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	100%			Báo cáo thường niên Mục Tầm Nhìn – Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	100%			Báo cáo thường niên mục Báo cáo HĐQT. Báo cáo tình hình quản trị công ty được lập 6 tháng 1 lần theo quy định tại TT155.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	100%			Quy định tại Điều 25 và 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG.
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	100%			Công bố tại Web điện tử tng.vn theo đường link Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử nhân viên TNG.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	100%			Công bố tại Web điện tử tng.vn theo đường link Trang chủ/ Giới thiệu/ Quy tắc ứng xử nhân viên TNG.
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?		✓		Sẽ thực hiện từ năm 2019.
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	70%			Thành viên HĐQT độc lập: 2/7 người, chiếm 29%.
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm một đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? Một nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	100%			Quy định tại Điều 24 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 05 năm.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	100%			Điều 10 Quy chế quản trị Công ty.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	100%			Không xảy ra tại TNG.
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	70%			1/3 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	100%			Chủ tịch của Tiểu ban là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	70%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	70%			1/3 thành viên là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	100%			Chủ tịch của Tiểu ban thù lao là thành viên HĐQT độc lập.
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	70%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	70%			Tiểu ban kiểm toán nội bộ bao gồm 2/3 thành viên không điều hành.
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?		✓		Sẽ thực hiện từ năm 2019.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	70%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	70%			Tối thiểu một thành viên HĐQT của Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn về kế toán, nhưng chưa độc lập.
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	100%			0
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	100%			HĐQT có lịch họp hàng quý cho 1 năm tới trước khi năm tài chính bắt đầu.
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	100%			Trong năm 2018 HĐQT họp 7 lần. Số liệu được thể hiện trên Báo cáo tình hình Quản trị công ty được lập 6 tháng một lần theo quy định thông tư 155.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	100%			Trong năm 2018 HĐQT họp 7 lần, 100% các thành viên HĐQT tham gia tất cả các cuộc họp. Số liệu được thể hiện trên Báo cáo tình hình Quản trị công ty được lập 6 tháng một lần theo quy định thông tư 155.
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 28.8 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.



	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?				Sẽ thực hiện từ năm 2019.
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	100%			Quy định tại Điều 28.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: chương trình nghị sự được cung cấp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	100%			Điều 16 Quy chế Quản trị công ty.
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	100%			Điều 32 Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	100%			Tiêu chí được công bố kèm theo Tài liệu dự họp gửi trực tiếp cho Cổ đông, được đăng tải trên trang điện tử tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông/ ĐHĐCĐ/ Tài liệu dự họp ĐHĐCĐ năm...
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	100%			Quy định tại Điều 24.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: thành viên HĐQT được Cổ đông và các nhóm Cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử thông qua bỏ phiếu biểu quyết.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm 2 một lần? 2 nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	100%			Quy định tại Điều 24.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG: Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa 5 năm.
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	100%			Báo cáo thường niên 2018: Báo cáo HĐQT. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 781/NQ-ĐHĐCĐ 2018 Điều 2 dự kiến chi trả thù lao HĐQT năm 2018 bằng 4,5% LNST chưa phân phối.
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	100%			Báo cáo thường niên 2018 Mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	100%			ĐHĐCĐ 2018 thông qua phương án chi trả thù lao cho HĐQT (Điều 1 Nghị quyết số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018).
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại?	50%			BCTN 2018: Mục Báo cáo HĐQT.
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	100%			Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Tiểu ban KTNB.

THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.3.17	100%			Trưởng ban KTNB là nhân viên toàn thời gian tại Công ty.
E.3.18	100%			Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ được Tiểu Ban Kiểm toán thông qua.
E.3.19	100%			Báo cáo thường niên năm 2018: Mục Quản trị rủi ro.
E.3.20	100%			Báo cáo thường niên 2018: Mục Báo cáo HĐQT.
E.3.21	100%			Báo cáo thường niên 2018 Mục Quản trị rủi ro.
E.3.22	100%			Báo cáo thường niên 2018: Mục Báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.
E.4.1		✓		Quy định tại Điều 24.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG. Từ 2017- đến trước ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT có thể kiêm TGD nhưng phải được biểu quyết hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên với sự chấp thuận của Cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp. Từ ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD Công ty.
E.4.2		✓		Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.4.3	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
E.4.4	100%			Quy định tại Điều 26 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNG về trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT.
E.4.5	100%			TNG đang có 2 thành viên HĐQT độc lập.
E.4.6	100%			3 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập, 1 thành viên HĐQT độc lập có kinh nghiệm về ngành may mặc, 1 thành viên HĐQT độc lập có kinh nghiệm về luật, đầu tư và thị trường cổ phiếu.

	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?		✓		Hiện mới chỉ được trao đổi trong các cuộc họp HĐQT.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị công ty, hoạt động Quản trị công ty: Nhân sự và đào tạo.
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/ Quản lý chủ chốt?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị công ty, hoạt động Quản trị công ty: Nhân sự và đào tạo.
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	100%			Báo cáo thường niên, Báo cáo đánh giá của HĐQT đối với TGD.
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo của HĐQT.
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo của HĐQT.
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	100%			Báo cáo thường niên: Báo cáo đánh giá của các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
THẺ ĐIỂM THƯỜNG					
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội Cổ đông?		✓		TNG dự kiến áp dụng hình thức biểu quyết này tại ĐHĐCĐ năm 2019.
(B)B.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	100%			Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX đăng tin về Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 ngày 22/03/2018 trước 31 ngày so với ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2018 là ngày 22/04/2018.
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	100%			TNG có BCPTBV được xây dựng theo tiêu chuẩn GRI.
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	100%			Sẽ thực hiện từ Báo cáo tài chính niên độ 2019.
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	100%			Báo cáo thường niên mục Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKTNB.
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?	100%			2 thành viên HĐQT độc lập là nam.

	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?		✓		Sẽ thực hiện trong năm 2019.
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?		✓		Tiểu ban nhân sự có 1 thành viên HĐQT độc lập.
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	100%			Báo cáo thường niên 2018, Báo cáo các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội Cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	100%			TNG thực hiện tìm kiếm nguồn thành viên HĐQT từ Viện Thành Viên HĐQT Việt Nam (VIOD), Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững VBCSD, Hiệp hội dệt may Việt Nam.
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với chủ tịch là thành viên độc lập?	70%			Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT điều hành. 3/7 (43%) thành viên HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành. 2 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho HĐQT?	100%			Báo cáo thường niên Mục Quản trị rủi ro.
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?		✓		Ban Kiểm toán nội bộ phụ trách QTRR.
THẺ ĐIỂM PHẠT					
(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các Cổ đông?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc Cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các Cổ đông khác?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, chủ tịch tiểu ban kiểm toán và TGD/giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	100%			Biên bản họp ĐHĐCĐ ghi nhận sự tham gia đầy đủ của Chủ tịch HĐQT, TGD (Biên bản số 780/TNG-ĐHĐCĐ 2018 ngày 22/4/2018).
(P)A.4.1	Thỏa thuận Cổ đông?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.

THẺ ĐIỂM		HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	100%			ĐHĐCĐ 2018: Thẻ biểu quyết của Cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết của Cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền), được ghi rõ trong Quy chế làm việc Đại hội kèm theo Tài liệu dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ được gửi cho Cổ đông và đăng trên Web điện tử tng.vn theo đường dẫn Quan hệ Cổ đông/ Góc Cổ đông/ ĐHĐCĐ/ Tài liệu dự họp ĐHĐCĐ.
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	100%			Mọi giao dịch nội gián hoàn toàn bị cấm tại Công ty.
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)C.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	100%			Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

	THẺ ĐIỂM	HOÀN THÀNH TỐT	CÓ THỂ CẢI THIỆN NGẮN HẠN (<1 NĂM)	CÓ THỂ CẢI THIỆN TRUNG VÀ DÀI HẠN (1-5 NĂM)	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN ĐỊNH
(P)E.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm ¹ (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? 1 Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	100%			2 thành viên HĐQT độc lập được xác định rõ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	100%			TNG không xảy ra trường hợp này.
(P)E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	100%			Từ 2017- đến trước ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT có thể kiêm TGD nhưng phải được biểu quyết hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên với sự chấp thuận của Cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp. Từ ngày 1/8/2020: Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD Công ty.
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	100%			Các thành viên độc lập không điều hành không được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng. Căn cứ danh sách tên trong công bố thông tin các lần phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động trong công ty không có tên các thành viên độc lập không điều hành.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 141 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 143 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 145 Bảng cân đối kế toán
- 147 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 148 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 150 Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	141 - 142
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	143 - 144
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	145 - 146
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	147
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	148 - 149
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	150 - 171

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thời	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên
Ông Rusdy Pranata	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên
Bà Hà Thị Tuyết	Thành viên
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Đoàn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thời
Chủ tịch

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : + 84 24 6288 3568
Fax : + 84 24 6288 5678
Website : www.deloitte.com/vn

Deloitte.

Số: 722/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thúy Ngọc
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0031-2018-001-10031-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2019
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 3008-2019-001-1

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.374.586.811.751	1.110.697.005.651
I. Tiền	110		12.701.137.291	10.283.349.259
1. Tiền	111	4	12.701.137.291	10.283.349.259
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.042.278.651	432.387.513.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	455.673.608.806	405.986.523.142
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.888.734.884	4.554.689.242
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	21.625.870.932	26.992.237.081
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(5.145.935.971)	(5.145.935.971)
III. Hàng tồn kho	140	8	822.431.006.423	611.110.170.108
1. Hàng tồn kho	141		828.074.058.827	616.509.903.586
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.643.052.404)	(5.399.733.478)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.412.389.386	56.915.972.790
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	22.546.133.628	20.890.658.695
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.866.255.758	36.025.314.095
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.220.848.391.443	1.114.992.625.228
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.829.818.987	6.672.589.930
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	542.390.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	18.829.818.987	6.130.199.930
II. Tài sản cố định	220		979.180.489.301	909.349.386.788
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	957.762.517.201	897.980.451.382
- Nguyên giá	222		1.537.420.060.468	1.386.187.307.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(579.657.543.267)	(488.206.856.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.417.972.100	11.368.935.406
- Nguyên giá	228		35.365.206.274	23.193.818.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.947.234.174)	(11.824.882.855)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		131.895.136.874	122.954.031.628
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	131.895.136.874	122.954.031.628
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		771.150.000	771.150.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(771.150.000)	(771.150.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		90.942.946.281	76.016.616.882
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	90.942.946.281	76.016.616.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.595.435.203.194	2.225.689.630.879

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.801.370.803.699	1.596.422.283.808
I. Nợ ngắn hạn	310		1.372.729.685.399	1.320.951.685.906
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	219.466.182.042	175.287.129.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.975.497.747	4.361.436.454
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.450.848.035	9.329.511.058
4. Phải trả người lao động	314		49.937.186.172	32.780.283.826
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	25.218.209.079	15.533.916.276
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		19.393.601.950	4.929.005.267
7. Vay ngắn hạn	320	17	1.030.865.689.212	1.074.965.291.436
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.422.471.162	3.765.112.548
II. Nợ dài hạn	330		428.641.118.300	275.470.597.902
1. Vay dài hạn	338	18	228.641.118.300	275.470.597.902
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	19	200.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		794.064.399.495	629.267.347.071
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	794.064.399.495	629.267.347.071
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		493.401.800.000	411.172.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.520.475.123	30.575.475.123
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		55.419.591	55.419.591
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.825.661.884	50.955.069.016
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		32.988.054.755	21.486.544.468
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180.272.988.142	115.021.928.873
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.518.001	6.826.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		180.260.470.141	115.015.102.873
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.595.435.203.194	2.225.689.630.879

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.612.896.996.945	2.491.018.919.278
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	2.412.086.267
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.612.896.996.945	2.488.606.833.011
4. Giá vốn hàng bán	11	24	2.971.920.362.309	2.051.587.528.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		640.976.634.636	437.019.304.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	27.707.563.015	14.343.222.470
7. Chi phí tài chính	22	27	136.193.181.773	90.057.848.420
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.500.188.015	73.972.440.896
8. Chi phí bán hàng	25	28	101.799.838.830	67.269.479.439
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	211.464.161.901	149.709.542.756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		219.227.015.147	144.325.656.850
11. Thu nhập khác	31		580.054.552	1.899.590.061
12. Chi phí khác	32	29	5.500.050.380	9.564.745.955
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(4.919.995.828)	(7.665.155.894)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		214.307.019.319	136.660.500.956
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	34.046.549.178	21.645.398.083
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		180.260.470.141	115.015.102.873
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.653	2.019
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.604	2.019

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	214.307.019.319	136.660.500.956
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	112.871.622.161	101.818.473.252
Các khoản dự phòng	03	243.318.926	68.277.439
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.137.446.167	461.802.835
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	1.993.936.854	766.700.318
Chi phí lãi vay	06	91.500.188.015	73.972.440.896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	422.053.531.442	313.748.195.696
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(58.786.469.695)	(160.294.329.433)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(211.564.155.241)	(165.732.171.621)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	102.461.812.271	64.056.460.238
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.581.804.332)	(19.552.168.118)
Tiền lãi vay đã trả	14	(91.231.789.551)	(73.818.888.063)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.905.398.083)	(16.397.888.689)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	9.153.280.815
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.939.570.117)	(17.564.017.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.506.156.694	(66.401.526.341)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(209.823.022.385)	(140.509.075.170)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.748.807.274	1.605.429.101
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.310.410	168.136.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(208.045.904.701)	(138.735.509.985)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu số B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.471.389.628.846	2.354.076.060.577
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.376.989.402.880)	(2.150.438.023.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94.400.225.966	203.638.037.462
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.860.477.959	(1.498.998.864)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.283.349.259	11.782.348.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	557.310.073	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	12.701.137.291	10.283.349.259

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 448/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600305723 sửa đổi ngày 27 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 493.401.800.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.056 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 11.110).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc, bao gồm:

- » Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì (sản xuất bao bì giấy);
- » Sản xuất sản phẩm từ plastic (sản xuất nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên phụ liệu hàng may mặc);
- » Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- » Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- » In ấn (in trực tiếp lên vải dệt, nhựa, bao bì carton, túi PE);
- » Hoàn thiện sản phẩm dệt, (In trên lụa, bao gồm in nhiệt trên trang phục);
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- » May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) – Ngành chính;
- » Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- » Giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề may công nghiệp);
- » Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- » Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú, bao gồm: Giặt, là công nghiệp các sản phẩm may mặc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Quy mô của Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 15 chi nhánh phụ thuộc, trong đó, trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ: Số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Tài sản khác	5 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí để có được quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập Công ty Cổ phần Thời Trang TNG vào Công ty và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước để có được quyền sử dụng đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, các chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.



Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	601.453.628	781.735.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	12.099.683.663	9.501.613.962
	12.701.137.291	10.283.349.259

(i) Gồm số dư tiền gửi ngân hàng dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 17.



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Desipro Pte. Ltd.	124.414.265.176	181.806.723.004
Công ty The Haddad Apparel Group., Ltd	75.051.893.949	12.522.198.769
Công ty The Children's Place., Ltd	57.227.423.199	58.625.272.761
Các khoản phải thu khách hàng khác	198.980.026.482	153.032.328.608
	455.673.608.806	405.986.523.142

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Ứng trước tiền đến bù giải phóng mặt bằng	10.000.000.000	-
- Tiền thuê đất được bù trừ	5.594.814.972	6.494.648.749
- Phải thu cơ quan bảo hiểm (i)	5.017.522.128	4.057.087.879
- Phải thu thuế xuất nhập khẩu tạm nộp	146.419.540	1.689.759.113
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	339.492.799	1.066.864.525
- Ký cược, ký quỹ	280.000.000	9.402.278.570
- Phải thu khác	247.621.493	4.281.598.245
	21.625.870.932	26.992.237.081
b. Dài hạn		
- Tiền thuê đất được bù trừ	10.680.826.157	-
- Ký cược, ký quỹ	8.148.992.830	6.130.199.930
	18.829.818.987	6.130.199.930

(i) Phản ánh khoản Công ty ứng trước để nộp hộ cho người lao động tiền bảo hiểm xã hội người lao động phải nộp cho cơ quan bảo hiểm.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn VND
Công ty The Children's Place - Disney Store	1.476.984.012	-	Hơn 6 năm	1.476.984.012	-	Hơn 5 năm
Công ty Gama OB	1.103.895.250	-	Hơn 6 năm	1.103.895.250	-	Hơn 5 năm
Công ty Steve & Berrys	653.562.659	-	Hơn 6 năm	653.562.659	-	Hơn 5 năm
Công ty Buda Bean	599.415.428	-	Hơn 6 năm	599.415.428	-	Hơn 5 năm
Tập đoàn Resources Việt Nam	593.781.199	-	Hơn 6 năm	593.781.199	-	Hơn 5 năm
Các đối tượng khác	718.297.423	-	Hơn 5 năm	718.297.423	-	Hơn 4 năm
	5.145.935.971	-		5.145.935.971	-	



8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	18.821.271.270	-	4.099.742.037	-
Nguyên liệu, vật liệu	259.193.190.322	-	178.833.596.589	-
Công cụ, dụng cụ	4.236.966.104	-	2.922.715.012	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	116.198.514.769	-	51.566.818.957	-
Thành phẩm	428.913.539.777	(5.643.052.404)	377.234.204.714	(5.399.733.478)
Hàng hoá	-	-	27.944.557	-
Hàng gửi bán	710.576.585	-	1.824.881.720	-
	828.074.058.827	(5.643.052.404)	616.509.903.586	(5.399.733.478)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 243.318.926 VND (năm 2017: 0 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã dùng hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu là 390 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 55 tỷ VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.759.089.201	15.252.863.306
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	1.321.992.660	1.829.883.258
- Các khoản khác	10.465.051.767	3.807.912.131
	22.546.133.628	20.890.658.695
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.524.716.702	23.753.038.281
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (i)	19.699.128.647	20.122.765.823
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.785.509.818	16.190.892.850
- Lợi thế thương mại	3.420.102.120	8.951.081.472
- Các khoản khác	24.513.488.994	6.998.838.456
	90.942.946.281	76.016.616.882

(i) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến các lô đất Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	664.438.409.541	706.336.175.527	4.505.966.051	9.320.442.670	1.586.314.137	1.386.187.307.926
Tăng trong năm	16.162.288.134	47.785.592.813	-	923.591.663	263.860.591	65.135.333.201
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.579.683.905	102.587.374.093	-	-	-	109.167.057.998
Thanh lý, nhượng bán	(90.821.224)	(22.230.955.615)	-	(747.861.818)	-	(23.069.638.657)
Số dư cuối năm	687.089.560.356	834.478.186.818	4.505.966.051	9.496.172.515	1.850.174.728	1.537.420.060.468
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	143.831.729.987	337.106.788.496	3.225.539.317	3.315.025.299	727.773.445	488.206.856.544
Khấu hao trong năm	30.996.055.737	78.081.993.365	467.763.914	956.462.738	246.995.088	110.749.270.842
Thanh lý, nhượng bán	(87.951.537)	(19.210.632.582)	-	-	-	(19.298.584.119)
Số dư cuối năm	174.739.834.187	395.978.149.279	3.693.303.231	4.271.488.037	974.768.533	579.657.543.267
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	520.606.679.554	369.229.387.031	1.280.426.734	6.005.417.371	858.540.692	897.980.451.382
Tại ngày cuối năm	512.349.726.169	438.500.037.539	812.662.820	5.224.684.478	875.406.195	957.762.517.201

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thể chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng và vật kiến trúc để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 190.269.310.322 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 120.982.629.067 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	7.739.710.249	15.454.108.012	23.193.818.261
Tăng trong năm	6.901.108.541	5.270.279.472	12.171.388.013
Số dư cuối năm	14.640.818.790	20.724.387.484	35.365.206.274
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.069.141.515	10.755.741.340	11.824.882.855
Khấu hao trong năm	178.135.386	1.944.215.933	2.122.351.319
Số dư cuối năm	1.247.276.901	12.699.957.273	13.947.234.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	6.670.568.734	4.698.366.672	11.368.935.406
Tại ngày cuối năm	13.393.541.889	8.024.430.211	21.417.972.100

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	6.959.700.107	8.232.477.735
- Xây dựng cơ bản	124.935.436.767	114.721.553.893
Trong đó:		
- Nhà máy TNG Phú Lương	43.185.505.800	42.574.555.051
- Nhà máy TNG Sông Công	8.309.807.702	13.753.961.762
- Dự án Phú Bình	19.817.371.129	17.749.063.222
- Nhà máy TNG Đại Từ	350.000.000	10.485.842.193
- Dự án TNG Village (*)	34.408.824.327	19.424.911.059
- Dự án nhà máy Việt Thái	9.379.286.230	9.328.836.230
- Trung tâm thương mại Minh Cầu	1.147.308.921	1.147.308.921
- Dự án Trung tâm thời trang TNG	206.625.455	206.625.455
- Đầu tư máy móc thiết bị	6.959.700.107	8.232.477.735
- Nhà máy TNG Đồng Hỷ	6.529.418.491	50.450.000
- Khác	1.601.288.712	-
	131.895.136.874	122.954.031.628

» Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí đầu tư xây dựng của Dự án nhà ở tại tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên. Theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên, dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư thành Dự án nhà ở thương mại TNG Village.



13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Bắc Thái	771.150.000	(771.150.000)	771.150.000	(771.150.000)
	771.150.000	(771.150.000)	771.150.000	(771.150.000)

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp sẽ bằng đúng giá trị Công ty đã góp vốn. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty này với số tiền bằng với giá trị Công ty đã góp vốn.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH YKK Việt Nam	27.355.908.436	14.192.167.349
Công ty Desipro Pte. Ltd.	9.580.385.788	2.416.885.780
Công ty TNHH Unitex International Button accessories	8.386.704.556	6.589.341.661
Các công ty khác	174.143.183.262	152.088.734.251
	219.466.182.042	175.287.129.041

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.815.398.083	34.046.549.178	27.905.398.083	14.956.549.178
Thuế thu nhập cá nhân	508.478.369	9.690.701.669	8.855.970.292	1.343.209.746
Các khoản phải nộp khác	5.634.606	7.931.047.419	7.785.592.914	151.089.111
	9.329.511.058	51.668.298.266	44.546.961.289	16.450.848.035

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lương, phép trích trước	20.443.403.057	12.610.644.762
Lãi vay dự trả	1.550.498.968	1.282.100.504
Các khoản trích trước khác	3.224.307.054	1.641.171.010
	25.218.209.079	15.533.916.276



17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	956.531.251.176	956.531.251.176	3.191.328.647.244	3.261.936.419.493	885.923.478.927	885.923.478.927
Nợ dài hạn đến hạn trả	118.434.040.260	118.434.040.260	150.679.678.738	124.171.508.713	144.942.210.285	144.942.210.285
	1.074.965.291.436	1.074.965.291.436	3.342.008.325.982	3.386.107.928.206	1.030.865.689.212	1.030.865.689.212

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Vay ngắn hạn	885.923.478.927
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	538.069.479.257	594.134.384.133
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	329.920.509.390	313.279.130.977
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	17.383.440.280	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	48.658.436.066
Khoản vay ngắn hạn khác (iv)	550.050.000	459.300.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	144.942.210.285	118.434.040.260
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	87.350.712.000	69.266.320.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	36.185.231.810	25.243.972.742
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	21.406.266.475	18.111.447.518
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	5.812.300.000
Khoản vay dài hạn khác	-	-
	1.030.865.689.212	1.074.965.291.436

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 02 tháng 10 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và ngoại tệ quy đổi, số dư L/C trừ phần ký quỹ, số dư bảo lãnh) với lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được cầm cố, thế chấp của Công ty; toàn bộ số tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.



17. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 04 tháng 9 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng VND là 6,7%/năm, USD là 4,1%/năm và được xác định theo từng lần ngân sau thời điểm ký hợp đồng. Khoản vay có tài sản bảo đảm bảo là máy móc thiết bị máy công nghiệp và thiết bị văn phòng; các công trình trên đất của Công ty; 04 máy thêu tự động; công trình và vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu Công nghiệp Sông Công, hàng hóa luân chuyển và quyền phải thu phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tài trợ vốn.

(iii) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng VND là 7,2%/năm và được quy định cụ thể theo thông báo lãi suất của bên cho vay tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo, thế chấp bằng máy móc thiết bị đầu tư bổ sung cho nhà máy bông, nhà máy bao bì, nhà máy may Phú Bình năm 2013.

(iv) Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty với kỳ hạn không quá 12 tháng, không có tài sản đảm bảo với lãi suất là 6%/năm.

18. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	393.904.638.162	393.904.638.162	254.870.773.210	275.192.082.787	373.583.328.585	373.583.328.585
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	118.434.040.260				144.942.210.285	
- Số phải trả sau 12 tháng	275.470.597.902				228.641.118.300	

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	183.853.393.859	234.471.902.420	183.853.393.859	234.471.902.420
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	104.980.862.635	95.515.795.813	104.980.862.635	95.515.795.813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	84.749.072.091	58.104.639.929	84.749.072.091	58.104.639.929
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	5.812.300.000	-	5.812.300.000
	373.583.328.585	393.904.638.162	373.583.328.585	393.904.638.162

18. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:
 - » Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 223 tỷ VND, dùng để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bông cho Xí nghiệp sản xuất bông thuộc tổ hợp nhà máy may tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công, đầu tư Dự án Mở rộng năng lực sản xuất của nhà máy TNG Đại Từ, và Dự án Cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản toàn Công ty. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND từ 10,5%/năm – 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD từ 4,5%/năm – 7,5%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 01 tháng/lần). Các khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống dây chuyền sản xuất bông được lắp đặt tại chi nhánh Bông - Khu B Khu công nghiệp Sông Công và tài sản hình thành từ vốn vay của các Dự án.
 - » Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/2017-HĐCVNT/NHCT220-TNG ngày 27 tháng 7 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng 33 tỷ VND để thanh toán các chi phí tài trợ cho Dự án Đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn II năm 2017. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất áp dụng hiện tại là 9,5%/năm đối với các khoản vay bằng VND và 6,5%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án.
- (ii) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:
 - » Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/469075/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức tín dụng là 112,75 tỷ VND để phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng Trung tâm Thiết kết Thời trang TNG của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11%/năm và với các khoản vay bằng USD là 6,8%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần). Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản hình thành từ Dự án để đảm bảo cho các khoản vay.
 - » Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/469075/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng là 32.681.000.000 VND, mục đích để đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Bông của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD là 6,8%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bông của Công ty và tất cả các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa Công ty với ngân hàng bao gồm hợp đồng tín dụng này.
 - » Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/469075/HĐTD ngày 10 tháng 9 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng là 1.327.591 USD và 3,92 tỷ VND để thực hiện Dự án Đầu tư máy móc thiết bị 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng là 11,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 7,2%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Đầu tư máy móc thiết bị trong 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 3.324.900 USD và 19.612.742.199 VND. Mục đích khoản vay để thanh toán L/C theo phương án mở L/C căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành may mặc và thanh toán tiền mua hàng nội địa. Lãi suất vay được áp dụng lãi suất thả nổi, ngày điều chỉnh lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án bao gồm máy móc thiết bị ngành may mặc chi tiết theo từng hợp đồng mua sắm.

18. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	144.942.210.285	118.434.040.260	144.942.210.285	118.434.040.260
Trong năm thứ hai	117.058.559.462	95.765.195.752	117.058.559.462	95.765.195.752
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	111.582.558.838	179.705.402.150	111.582.558.838	179.705.402.150
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	373.583.328.585	393.904.638.162	373.583.328.585	393.904.638.162
Số phải trả sau 12 tháng	228.641.118.300	275.470.597.902	228.641.118.300	275.470.597.902

19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND	Lãi suất %/Năm	Kỳ hạn Năm	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn Năm
Trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000	4,80	3	-	-	-
	200.000.000.000			-	-	-

Theo phương án phát hành được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2275/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 9 năm 2018, trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp có quyền chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, bằng VND và có tổng mệnh giá là 200 tỷ VND theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 25 tháng 9 năm 2018 với Công ty Quản lý quỹ ASAM ("Trái chủ") và các phụ lục kèm theo.

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2018 với tổng số lượng là 200 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 4,8%/năm tại ngày phát hành và có điều chỉnh theo tỷ giá từng kỳ tính lãi, trả lãi 3 tháng/lần, trả gốc cuối kỳ.

Sau một năm kể từ ngày phát hành đến trước hai tháng đáo hạn, Trái chủ có quyền chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu đã phát hành thành Cổ phiếu của Công ty với giá chuyển đổi tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi là 13.800 VND/cổ phiếu và có thể được điều chỉnh theo cơ chế quy định trong hợp đồng. Cổ phiếu được phát hành cho việc chuyển đổi là cổ phiếu phổ thông của Công ty và sẽ được niêm yết bổ sung sau khi chuyển đổi. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ các trái phiếu đã phát hành trước hạn và cổ đông lớn nhất có quyền mua lại 10% trái Phiếu theo các quy định cụ thể trong hợp đồng.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước như được trình bày năm trước	342.649.780.000	30.674.475.123	55.419.591	48.980.965.015	17.564.975.246	81.183.791.445	521.109.406.420
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	115.015.102.873	115.015.102.873
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	1.974.104.001	3.921.569.222	(9.812.565.445)	(3.916.892.222)
Chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu	68.523.130.000	(99.000.000)	-	-	-	(68.523.130.000)	(99.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.841.270.000)	(2.841.270.000)
Số dư đầu năm nay	411.172.910.000	30.575.475.123	55.419.591	50.955.069.016	21.486.544.468	115.021.928.873	629.267.347.071
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	180.260.470.141	180.260.470.141
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2017 (i)	-	-	-	5.870.592.868	11.501.510.287	(28.873.613.442)	(11.501.510.287)
Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (ii)	82.228.890.000	(55.000.000)	-	-	-	(82.228.890.000)	(55.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (ii)	-	-	-	-	-	(3.906.907.430)	(3.906.907.430)
Số dư cuối năm nay	493.401.800.000	30.520.475.123	55.419.591	56.825.661.884	32.988.054.755	180.272.988.142	794.064.399.495



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền lần lượt là 5.870.592.868 VND, 11.501.510.287 VND, 11.501.510.287 VND và 3.906.907.430 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2018, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:2 với số lượng phát hành thêm là 8.222.889 cổ phiếu. Ngày 27 tháng 7 năm 2018, Công ty đã thực hiện sửa đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ là 493.401.800.000 VND. Ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết trên.

Cổ phiếu

	Closing balance VND	Opening balance VND
Number of shares issued to the public	49.340.180	41.117.291
Ordinary shares	49.340.180	41.117.291
Number of outstanding shares in circulation (*)	49.340.180	41.117.291
Ordinary shares	49.340.180	41.117.291

» Gồm 2.395.946 cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	400,911	329,719

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện tại số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc (xuất khẩu và bán nội địa). Do đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24.



23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	1.906.375.098.096	1.598.264.969.866
Doanh thu gia công	1.572.316.900.873	786.359.809.675
Doanh thu bán sản phẩm thời trang	134.204.997.976	106.394.139.737
	3.612.896.996.945	2.491.018.919.278
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	2.412.086.267
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.612.896.996.945	2.488.606.833.011

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	1.576.492.156.712	1.316.320.985.467
Giá vốn gia công	1.331.009.806.569	647.640.997.657
Giá vốn bán sản phẩm thời trang	64.418.399.028	87.625.544.892
	2.971.920.362.309	2.051.587.528.016

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.280.360.936.719	916.319.875.507
Chi phí nhân công	1.561.448.214.907	1.038.356.069.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.871.622.161	101.818.473.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.937.274.595	149.398.625.872
Chi phí khác bằng tiền	284.877.345.533	180.052.243.940
	3.401.495.393.915	2.385.945.287.865

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.310.410	168.136.084
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.679.252.605	14.175.086.386
	27.707.563.015	14.343.222.470

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	91.500.188.015	73.972.440.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	44.692.993.758	16.085.407.524
	136.193.181.773	90.057.848.420



28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	143.225.544.684	86.512.040.753
Chi phí nguyên liệu vật liệu	4.888.735.304	5.356.142.123
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.290.750.950	8.226.136.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.106.446.637	1.763.408.783
Chi phí khác bằng tiền	54.952.684.326	47.851.814.705
	211.464.161.901	149.709.542.756
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	15.802.299.241	9.953.926.385
Chi phí nguyên liệu vật liệu	11.922.401.023	7.729.564.582
Chi phí vận chuyển	25.534.285.366	10.853.059.559
Chi phí xuất nhập hàng	11.431.808.314	11.948.768.191
Chi phí bán hàng khác	37.109.044.886	26.784.160.722
	101.799.838.830	67.269.479.439

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	2.385.678.891	934.836.402
Các khoản bị phạt và bồi thường hợp đồng	2.893.930.830	8.160.220.995
Các khoản chi phí khác	220.440.659	469.688.558
	5.500.050.380	9.564.745.955

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	214.307.019.319	136.660.500.956
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	10.880.906.164	6.631.399.497
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.880.906.164	6.631.399.497
Thu nhập chịu thuế	225.187.925.483	143.291.900.453
Thuế suất	0%, 15% và 20%	0%, 15% và 20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.307.549.178	21.880.298.083
Trừ: Chi phí cho lao động nữ	(261.000.000)	(234.900.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.046.549.178	21.645.398.083



31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) (ii) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	180.260.470.141	115.015.102.873
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(15.408.417.717)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	180.260.470.141	99.606.685.156
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	49.340.180	49.340.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.653	2.019

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2018 sẽ giảm đi tương ứng.

(ii) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2017 được trình bày lại chủ yếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và ảnh hưởng của việc trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu thực hiện trong năm 2018, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh so với số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	115.015.102.873	-	115.015.102.873
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(15.408.417.717)	(15.408.417.717)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	115.015.102.873	(15.408.417.717)	99.606.685.156
Số cổ phiếu bình quân gia quyền	41.117.291	8.222.889	49.340.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.797		2.019



31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	180.260.470.141	99.606.685.156
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng (Trái phiếu chuyển đổi)	427.051.811	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	180.687.521.952	99.606.685.156
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.340.180	49.340.180
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng (Trái phiếu chuyển đổi)	794.123	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	50.134.303	49.340.180
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.604	2.019

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	10.569.035.240	7.641.748.400
	10.569.035.240	7.641.748.400

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 16.571.721.028 VND (năm 2017 là 29.035.919.359 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

- » Ngày 01 tháng 2 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green ("TNG Eco Green"). TNG Eco Green có vốn điều lệ là 50 tỷ VND và được sở hữu 100% bởi Công ty.
- » Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/NQ/NQHĐQT-TNG ngày 15 tháng 01 năm 2019 và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Công ty, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) với số lượng cổ phần phát hành là 2.467.009 cổ phiếu và giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến đợt phát hành này.

[Handwritten signature]

Tạ Thị Thu Hương
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Trần Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Lương Thị Thúy Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Add: 434/1 Bắc Kạn - Thành Phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

Tel: +84 2083 858 508

Email: info@tng.vn

Website: www.tng.vn